

Số: 20/2026/BC-BKS

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2026

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Á và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Căn cứ Báo cáo của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á về kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2025 của Ngân hàng TMCP Việt Á đã được kiểm toán;
- Căn cứ tình hình hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB).

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị (HDQT), kết quả kinh doanh của Tổng Giám đốc (TGD) và hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) trong năm 2025 như sau:

I. Tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các chỉ tiêu kinh doanh của VAB năm 2025.

Ban Kiểm soát đã thẩm định Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá quốc tế thực hiện và ghi nhận kết quả như sau:

- Báo cáo tài chính năm 2025 của Ngân hàng đã trình bày đầy đủ, trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Ngân hàng và công ty con đến thời điểm 31/12/2025. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính phù hợp với quy định Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán áp dụng cho các Tổ chức tín dụng (TCTD) tại Việt Nam và các quy định hiện hành.

- Một số chỉ tiêu kinh doanh chính trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất kết thúc năm tài chính (ngày 31/12/2025) như sau:

+ Tổng tài sản: 140.486 tỷ đồng, đạt 109,4% so với kế hoạch năm 2025 được giao tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2025 (Nghị quyết số 02), tăng 17,2% so với năm 2025.

+ Vốn huy động tổ chức kinh tế và dân cư: 104.039 tỷ đồng, đạt 103% so với kế hoạch năm 2025 được giao tại Nghị quyết số 02.

+ Dư nợ tín dụng: 88.742 tỷ đồng, đạt 100,7% kế hoạch năm 2025 được giao tại Nghị quyết số 02; tỷ lệ tăng trưởng tín dụng năm 2025 đạt 11,04%, tuân thủ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2025 được NHNN giao tại Công văn số 10699/NHNN-CSTT ngày 30/12/2024, Công văn số 6643/NHNN-CSTT ngày 30/7/2025 (sau đây gọi chung là công văn 6643) là 11,08%.

+ Tỷ lệ nợ xấu nội bảng: 1,31%/tổng dư nợ tín dụng, đảm bảo tỷ lệ nợ xấu nội bảng dưới 3% trong cả năm 2025 theo quy định của NHNN, đạt so với kế hoạch năm 2025 được giao tại Nghị quyết số 02.

+ Lợi nhuận trước thuế: 1.646 tỷ đồng, đạt 126% kế hoạch năm 2025 được giao tại Nghị quyết số 02. Trong năm 2025, bên cạnh nguồn thu nhập ổn định từ hoạt động tín dụng, nguồn thu từ hoạt động dịch vụ và công tác thu hồi nợ xấu đã đóng góp tỷ trọng khá lớn trong tổng thu nhập tại VAB.

Chi tiết một số chỉ tiêu kinh doanh tại thời điểm 31/12/2025 như sau:

DVT: Tỷ đồng

S T T	Chỉ tiêu chính	31/12/2025	31/12/2024	Kế hoạch năm 2025 theo Nghị quyết số 02	Tỷ lệ % đạt được so với kế hoạch	Tăng/giảm so với đầu năm	
						Tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm
1	Vốn điều lệ	8.163,61	5.399,60	11.582	70,5%	2.764	51,19%
2	Tổng tài sản	140.486	119.832	128.381	109,4%	20.654	17,24%
3	Huy động TCKT và dân cư	104.039	92.434	101.007	103%	11.605	12,55%
4	Dư nợ tín dụng (*)	88.742	79.916	88.110	100,7%	8.826	11,04%
5	Tỷ lệ nợ xấu/Dư nợ tín dụng	1,31%	1,37%	<3%	Đạt	-0,06%	
6	Lợi nhuận trước thuế	1.646	1.086	1.306	126%	560	51,56%

() Dư nợ tín dụng: bao gồm Cho vay khách hàng và Trái phiếu doanh nghiệp.*

Về cơ bản, HĐQT và TGD đã hoàn thành một số chỉ tiêu kinh doanh năm 2025 được ĐHCĐ thông qua tại Nghị quyết số 02. Năm 2025, VAB chưa hoàn thành chỉ tiêu tăng vốn điều lệ theo kế hoạch đã được giao tại Nghị quyết số 02. Đối với kế hoạch tăng vốn điều lệ đợt 2 năm 2025, VAB đã được NHNN chấp thuận và đang thực hiện bổ sung hồ sơ, thủ tục theo ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.

II. Kết quả giám sát hoạt động năm 2025.

Hội đồng Quản trị đã thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình theo Điều lệ và các quy định pháp luật hiện hành. Tổng Giám đốc đã kịp thời triển khai các định hướng chiến lược, chỉ đạo của HĐQT thông qua công tác quản trị điều hành trong Ban TGD đến các Khối/Phòng nghiệp vụ và các Đơn vị kinh doanh trong toàn hệ thống.

Thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Hội đồng Quản trị tổ chức các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng/quý để thực hiện nhiệm vụ và triển khai công việc của các thành viên HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp chuyên đề và xin ý kiến bằng văn bản đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT. Năm 2025, HĐQT đã chỉ đạo TGD triển khai đầy đủ, đúng định hướng và mục tiêu kinh doanh của VAB được ĐHCĐ thông qua. Quá trình chỉ đạo hoạt động của Ngân hàng, HĐQT luôn hỗ trợ tạo điều kiện cho TGD hoàn thành kế hoạch kinh doanh, củng cố bộ máy tổ chức, nâng cao chất lượng tài sản, tăng cường quản trị rủi ro phù hợp với các quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 và Thông tư 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 (sau đây gọi chung là Thông tư 13) và đưa ra các giải pháp xử lý kịp thời đối với các tình huống có khó khăn, vướng mắc.

Hội đồng Quản trị có bộ máy giúp việc là các Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý Rủi ro, Ủy ban Chiến lược... nhằm thực hiện vai trò tham mưu, tư vấn cho HĐQT trong việc đưa ra các quyết định trong từng lĩnh vực cụ thể.

Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành triển khai và thực hiện Nghị quyết số 02, với một số nội dung trọng tâm sau:

- Triển khai kế hoạch niêm yết chứng khoán VAB tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh: Ngày 22/7/2025, thực hiện Quyết định số 514/QĐ-SGDHCM v/v Chấp thuận niêm yết cổ phiếu đối với Ngân hàng TMCP Việt Á, chứng khoán VAB chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

- Yêu cầu Ban Điều hành chỉ đạo và đôn đốc các Khối kinh doanh, Đơn vị kinh doanh triển khai các nội dung định hướng kinh doanh HĐQT đã chỉ đạo: Công tác tăng trưởng huy động tiền gửi không kỳ hạn (CASA); đẩy mạnh công tác quản lý nợ, thu hồi và xử lý nợ xấu; nâng cao các tỷ lệ an toàn... nhằm phát triển Ngân hàng bền vững và an toàn.

- Căn cứ “Phương án cơ cấu lại VAB gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021–2025” được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua, định kỳ hàng quý Ban Điều hành báo cáo kết quả triển khai Phương án cơ cấu lại VAB theo quy định của NHNN. Đồng thời, HĐQT chỉ đạo Ban Điều hành tổ chức xây dựng các giải pháp nhằm thực hiện các kiến nghị của BKS, các kiến nghị/khuyến nghị theo yêu cầu giám sát của Cục Quản lý, giám sát TCTD và của Công ty kiểm toán độc lập.

- Công tác rà soát, xây dựng hệ thống văn bản định chế của VAB trong năm 2025 tiếp tục được HĐQT quan tâm, chỉ đạo triển khai đến Ban điều hành, các khối/phòng/trung tâm tại Trụ sở chính và các Đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống. Quý III năm 2025, VAB đã rà soát và điều chỉnh mô hình tổ chức hoạt động theo hướng tinh gọn, hiệu quả và hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Tổng Giám đốc thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy trình nội bộ của VAB để phù hợp với tình hình thực tế nhằm đáp ứng các yêu cầu về hoạt động quản trị điều hành theo Luật các TCTD 2024 và hàng loạt Thông tư, quy định của NHNN.

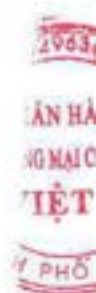
- Tiếp tục phát triển hệ thống công nghệ thông tin để thực hiện tốt mục tiêu Ngân hàng số: VAB đã triển khai hệ thống lõi mới corebanking 14.7 giúp tự động hóa quy trình, rút ngắn thời gian giao dịch và tăng cường bảo mật, an toàn thông tin. Phần mềm phòng, chống rửa tiền (AML) được phối hợp với Công ty cổ phần TNTech triển khai thực hiện đã nghiệm thu và đưa vào sử dụng. Ngoài ra, VAB hợp tác cùng VNPAAY và VNDitech cho ra mắt nền tảng ngân hàng số thể hệ mới (hợp kênh - Ommi channel) cho giao diện hiện đại, dễ sử dụng, mang đến trải nghiệm đồng nhất và liền mạch trên mọi thiết bị đăng nhập; Hệ sinh thái đa dạng tiện ích, đáp ứng hầu hết nhu cầu giao dịch của công dân thời đại số từ chuyển tiền, thanh toán, gửi tiết kiệm online đến đặt taxi, đặt vé máy bay, vé xe, vé tàu, vé xem phim, mua sắm VnShop...

- Nghiên cứu triển khai theo lộ trình với các dự án nhằm nâng cao tính tuần thủ, năng lực quản trị rủi ro và năng lực tài chính cho ngân hàng như: Basel 3, IFRS...

- Thực hiện triển khai các dự án ESG nhằm thực hiện chiến lược phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh.

III. Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát.

1. Thực hiện việc kiểm tra, giám sát.



Trên cơ sở định hướng phát triển của Ngân hàng năm 2025, BKS đã triển khai công tác kiểm soát, giám sát theo chức năng của mình đối với hoạt động của HĐQT và TGD, cụ thể:

- Giám sát việc thực hiện triển khai Nghị quyết đã được Đại hội thông qua của HĐQT và TGD.

- Giám sát, theo dõi các hoạt động của ngân hàng, phát hiện và thông báo kịp thời những tồn tại, bất cập trong quá trình hoạt động và kiến nghị các biện pháp khắc phục.

- Thông qua hệ thống thông tin quản lý nội bộ, BKS đã giám sát việc thực hiện các quy định của NHNN liên quan đến các giới hạn, các tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn, xử lý nợ xấu, thực hiện các kiến nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng (nay là Cục Quản lý, giám sát TCTD). Ngoài ra, BKS còn giám sát các hoạt động kinh doanh chính như huy động vốn, sử dụng vốn, chất lượng tín dụng, công tác quản trị điều hành của Giám đốc các Đơn vị kinh doanh....

- Ban Kiểm soát tham dự toàn bộ các phiên họp định kỳ của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của TGD và tham gia các hội nghị triển khai hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Tại các phiên họp, BKS đã thông báo kết quả giám sát, tham gia thảo luận và có ý kiến đối với các nội dung trong cuộc họp. Đồng thời, BKS cũng đưa ra các đề xuất, kiến nghị với HĐQT, TGD các biện pháp tăng cường kiểm soát, sửa đổi/hoàn thiện quy trình, quy định nội bộ... nhằm tuân thủ các quy định pháp luật, giảm thiểu rủi ro, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động cho Ngân hàng.

- Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiều hoạt động thường xuyên, đột xuất khác như: giám sát việc xin ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT trong hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành VAB; tham gia ý kiến xây dựng văn bản nội bộ của VAB.

- Ban Kiểm soát đã thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và Công ty trực thuộc, phối hợp với công ty kiểm toán độc lập trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính và hệ thống kiểm soát nội bộ của VAB, trình Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp đại hội thường niên.

- Cơ chế phối hợp giữa BKS với HĐQT, TGD luôn đảm bảo nguyên tắc tuân thủ đầy đủ các quy định nội bộ của VAB và quy định pháp luật; cùng chung mục tiêu giúp VAB tăng trưởng bền vững, an toàn. Mặt khác, HĐQT và TGD cũng tạo điều kiện để BKS thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ của mình.

- Thực hiện lập danh sách cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ của VAB trở lên và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này theo quy định của pháp luật.

- Trong năm, BKS đã chỉ đạo KTNB tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống các quy định nội bộ liên quan về quy trình kiểm toán, phương pháp kiểm toán phù hợp với quy định của pháp luật nhằm hoàn thành tốt chức năng đánh giá độc lập việc tuân thủ cơ chế, chính sách, quy định nội bộ của hệ thống kiểm soát nội bộ theo Thông tư 13.

- Năm 2025, BKS đã chỉ đạo sát sao công tác kiểm toán nội bộ theo kế hoạch đã được duyệt; xem xét kết quả kiểm toán và kết quả giám sát từ xa, đánh giá kết quả khắc phục sau thanh tra, sau kiểm toán nội bộ của các Đơn vị trong toàn hệ thống.

- Trực tiếp chỉ đạo Phòng Kiểm toán nội bộ (KTNB) thực hiện kế hoạch kiểm toán hàng năm và kiểm tra đột xuất theo yêu cầu của HĐQT và/hoặc của TGD; chỉ đạo KTNB thường xuyên cập nhật đánh giá rủi ro tại các đơn vị kinh doanh nhằm điều chỉnh kế hoạch kiểm toán

phù hợp tình hình thực tế. Ngoài các cuộc kiểm toán định kỳ theo kế hoạch hoặc kiểm tra đột xuất, Phòng KTNB còn hỗ trợ các đơn vị trong toàn hệ thống trong công tác thanh tra, kiểm tra của NHNN Chi nhánh Khu vực.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát.

Năm 2025, số lượng thành viên BKS VAB nhiệm kỳ 2023 – 2028 có 03 thành viên, tuân thủ quy định tại khoản 2 điều 44 Luật các Tổ chức tín dụng (TCTD) năm 2010 bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên BKS. Theo quy định tại Khoản 8 Điều 210 Luật các TCTD số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024, số lượng và cơ cấu BKS VAB được tiếp tục duy trì cho đến hết nhiệm kỳ của BKS, trừ trường hợp bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên BKS.

Các thành viên BKS làm việc theo chế độ chuyên trách. Ban Kiểm soát đã phân công phân nhiệm cho từng thành viên để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của BKS, quyền và nghĩa vụ của Trưởng BKS và từng thành viên BKS theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Năm 2025, các thành viên BKS tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, cũng như đã thực hiện các công việc cụ thể được phân công; kết quả đánh giá cho thấy các thành viên BKS đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

IV. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2026.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của BKS và kế hoạch kinh doanh năm 2026 của VAB, BKS xây dựng kế hoạch hoạt động trọng tâm trong năm 2026 như sau:

1. Thực hiện nhiệm vụ giám sát tinh tuân thủ theo quy định của pháp luật, của NHNN, Điều lệ của VAB; giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT, tình hình thực hiện các kiến nghị/khuyến nghị theo yêu cầu giám sát của Cục Quản lý, giám sát TCTD và của Công ty kiểm toán độc lập.

2. Tiếp tục theo dõi, đánh giá việc khắc phục các kiến nghị theo yêu cầu của Thanh tra Ngân hàng nhà nước và định hướng hoạt động KTNB theo các nhiệm vụ trọng tâm của công tác thanh tra, giám sát được NHNN chỉ đạo.

3. Phối hợp với HĐQT tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ của VAB phù hợp theo quy định tại Thông tư 13; kể từ ngày 01/7/2026 Thông tư 83/2025/TT-NHNN Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ tại các ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài thay thế Thông tư 13. Tiếp tục rà soát, sửa đổi/bổ sung hệ thống văn bản nội bộ phục vụ cho hoạt động của BKS, KTNB phù hợp với quy định tại Luật các TCTD năm 2024 và các văn bản hướng dẫn.

4. Kiểm tra, giám sát các vấn đề liên quan đến hệ thống kiểm soát nội bộ theo quy định của NHNN, khuyến nghị HĐQT để tiếp tục hoàn thiện bộ máy và có biện pháp đồng bộ để phát huy hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm hạn chế rủi ro, đảm bảo cho hoạt động của Ngân hàng phát triển an toàn và hiệu quả.

5. Giám sát chặt chẽ kết quả hoạt động tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm theo quy định và báo cáo ĐHĐCĐ; Đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

6. Chỉ đạo Phòng KTNB thực hiện tốt kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2026 đã được BKS phê duyệt và báo cáo NHNN, tổ chức các cuộc kiểm toán đột xuất theo yêu cầu của HĐQT



và/hoặc theo đề nghị của Tổng Giám đốc. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng và NHNN trong hoạt động thanh tra, giám sát, xử lý các kiến nghị sau thanh tra, sau kiểm toán độc lập.

7. Tiếp tục kiện toàn cơ cấu nhân sự và nâng cao năng lực của KTNB phù hợp với chuẩn mực KTNB theo Thông tư 13 và Thông tư 83/2025/TT-NHNN, ưu tiên tuyển dụng kiểm toán viên công nghệ thông tin theo quy định; tổ chức tham gia các khóa đào tạo bên ngoài về hoạt động kiểm toán, quản lý rủi ro, ứng dụng công nghệ vào nghiệp vụ kiểm toán.

8. Tăng cường đào tạo nội bộ nghiệp vụ kiểm toán cho đội ngũ kiểm toán viên, hoàn thiện phương pháp giám sát và kiểm toán trên cơ sở nhận diện rủi ro, xác định các vi phạm, rủi ro và trách nhiệm cá nhân đơn vị, cá nhân liên quan theo yêu cầu của NHNN và chuẩn mực Basel II; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc khai thác hệ thống thông tin hỗ trợ công tác giám sát từ xa; đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trong hoạt động KTNB; tự động hóa quy trình KTNB nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác KTNB tiến tới đáp ứng các yêu cầu về mô hình quản trị rủi ro hiện đại.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả giám sát hoạt động của Ngân hàng năm 2025. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính chúc Quý cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu BKS, VP.HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) trân trọng báo cáo đến Quý cổ đông về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026 như sau:

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM NĂM 2025

Năm 2025, kinh tế – xã hội thế giới tiếp tục đối mặt nhiều biến động, bất ổn do xung đột vũ trang, cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, chiến tranh thuế quan, thiên tai và biến đổi khí hậu, làm gia tăng thách thức đối với an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu. Tuy nhiên, một số yếu tố tích cực dẫn xuất hiện khi lạm phát tại nhiều quốc gia có xu hướng giảm, chính sách tiền tệ và tài khóa được nới lỏng nhằm hỗ trợ tăng trưởng, điều kiện tài chính cải thiện; đầu tư vào công nghệ mới, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), trở thành động lực quan trọng nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh của các nền kinh tế.

Trong bối cảnh đó, nhiều tổ chức quốc tế điều chỉnh tăng dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025. IMF và EU dự báo tăng trưởng toàn cầu đạt khoảng 3,2% và 3,1%; Fitch Ratings dự báo 2,5%; OECD giữ nguyên mức 3,2%, dù nhìn chung vẫn thấp hơn mức tăng trưởng của năm 2024. Tại khu vực Đông Nam Á, Việt Nam được đánh giá là nền kinh tế có mức tăng trưởng cao nhất, dự báo đạt từ 6,2% đến 7,4%.

Ở trong nước, năm 2025 là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 5 năm 2021–2025, đồng thời triển khai mạnh mẽ cải cách tổ chức bộ máy, hoàn thiện thể chế và thúc đẩy chuyển đổi số. Mặc dù chịu tác động tiêu cực của thiên tai, mưa bão và biến đổi khí hậu, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt của Chính phủ, nền kinh tế Việt Nam vẫn duy trì ổn định vĩ mô, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm.

Kết quả, GDP năm 2025 ước tăng 8,02%, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%; công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%; dịch vụ tăng 8,62%. Chính sách tiền tệ được điều hành chủ động, lãi suất duy trì ở mức thấp, tín dụng tăng trưởng hợp lý, thị trường tài chính – tiền tệ cơ bản ổn định, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025:

Năm 2025 đánh dấu một năm nhiều chuyển biến tích cực và dấu ấn quan trọng của Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) trên cả phương diện tài chính, quản trị, phát triển mạng lưới và chuyển đổi số. VAB đã chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE), qua đó nâng cao vị thế, uy tín và tính minh bạch trên thị trường vốn. Đồng thời, VAB được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 11.495 tỷ đồng, tạo nền tảng quan trọng để mở rộng quy mô hoạt động, tăng năng lực cạnh tranh và đáp ứng các yêu cầu an toàn theo chuẩn mực ngày càng cao.

Song song với việc củng cố nền tảng tài chính, VAB tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới hoạt động thông qua việc khai trương địa điểm giao dịch Phòng Giao dịch Từ Sơn (Bắc Ninh) và Phòng Giao dịch Thủy Nguyên (Hải Phòng) trên cơ sở di dời PGD Cái Răng và PGD Phú An (thuộc chi nhánh Cần Thơ), góp phần gia tăng độ phủ, khai thác tiềm năng tại các khu vực kinh tế năng động, đồng thời nâng cao khả năng tiếp cận và phục vụ khách hàng doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn.

Năm 2025 cũng ghi nhận những bước tiến quan trọng trong lộ trình chuyển đổi số của VAB. Ngân hàng đã thực hiện chuyển đổi ứng dụng mobile banking từ VietABank EzMobile sang ứng dụng VietABank trên nền tảng ngân hàng số thế hệ mới, mang đến trải nghiệm hiện đại, thuận tiện và an toàn hơn cho khách hàng. Bên cạnh đó, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động vận hành đã góp phần nâng cao năng suất lao động, tối ưu quy trình và cải thiện chất lượng hoạt động toàn hệ thống.

Cùng với đó, VAB liên tục triển khai và ra mắt nhiều sản phẩm, chương trình ưu đãi hấp dẫn như miễn phí chuyển tiền quốc tế, sản phẩm “Tiết kiệm Đặc Lợi”, chương trình “Lãi suất vàng – Kinh doanh rộng ràng”, ... nhằm hỗ trợ khách hàng tối ưu chi phí và gia tăng hiệu quả kinh doanh. Đặc biệt, các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp được triển khai sâu rộng và thiết thực, tiêu biểu là việc ký kết Hợp đồng khung cho vay gián tiếp với Quỹ Phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEDF), qua đó mở rộng cơ hội tiếp cận nguồn vốn ưu đãi cho cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Bên cạnh những kết quả đạt được trong hoạt động kinh doanh, VAB cũng được ghi nhận qua nhiều danh hiệu và giải thưởng uy tín như: Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2025, Top 10 nhãn hiệu được yêu thích nhất năm 2025, Ngân hàng đồng hành cùng doanh nghiệp nhỏ và vừa tiêu biểu.

Các kết quả đạt được cụ thể như sau:

1.1. Các kết quả tài chính năm 2025

Kết quả hoạt động năm 2025 của VAB có sự tăng trưởng tốt về hiệu quả hoạt động và quy mô. Các chỉ số tài chính cải thiện so với năm trước, hoàn thành 5/6 chỉ tiêu tài chính do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2025 (Nghị quyết số 02). Cụ thể một số chỉ tiêu tài chính đạt được:

Đơn vị: tỷ đồng, %

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2025	% thực hiện kế hoạch năm 2025
1	Tổng tài sản	119.832	140.486	128.381	109,4%
2	Tiền gửi khách hàng và phát hành GTCG	92.434	104.039	101.007	103,0%
3	Dư nợ tín dụng (*)	79.916	88.742	88.110	100,7%
4	Lợi nhuận trước thuế	1.086	1.646	1.306	126,0%
5	Vốn điều lệ	5.400	8.164	11.582	70,5%
6	Tỷ lệ nợ xấu	1,37%	1,31%	<3%	Hoàn thành

(*) Kế hoạch Dư nợ tín dụng được điều chỉnh theo hạn mức tăng trưởng tín dụng được NHNN giao tại công văn số 10699/NHNN-CSTT ngày 30/12/2024, số 6643/NHNN-CSTT ngày 31/7/2025.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 1.646 tỷ đồng tăng 51,6% so với năm 2024 (tăng 560 tỷ đồng), đạt 126% kế hoạch được giao tại Nghị quyết số 02. Chỉ số lợi nhuận trước thuế/ vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đạt 17,3%.

- Tổng tài sản đạt 140.486 tỷ đồng, đạt 109,4% so kế hoạch năm 2025 được giao tại Nghị quyết số 02, tăng 17,2% so với năm 2024; Tiền gửi khách hàng và phát hành giấy tờ có giá (GTCG) đạt 104.039 tỷ đồng, đạt 103% kế hoạch, tăng 12,6% so năm trước; Dư nợ tín dụng đạt 88.742 tỷ đồng, tăng 11% so năm trước, sử dụng 100% hạn mức tín dụng do NHNN giao.

- Thực hiện nâng cao năng lực thẩm định tín dụng, tăng cường giám sát sử dụng vốn, đôn đốc thu hồi – xử lý nợ, nên nợ xấu tại VAB được kiểm soát ở mức 1.164 tỷ đồng, chiếm 1,31% dư nợ cho vay của VAB - đảm bảo tỷ lệ nợ xấu nội bảng dưới 3% theo quy định của NHNN. Tỷ lệ nợ xấu giảm nhẹ 6 điểm cơ bản so với năm 2024. Đồng thời, VAB đã thực hiện chuyển đổi hoạt động tín dụng theo hướng tập trung phát triển tín dụng các ngành nghề theo định hướng. Việc phân loại nợ, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tuân thủ theo quy định của Pháp luật (chi tiết theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua).

- Vốn chủ sở hữu của VAB đến ngày 31/12/2025 đạt 10.155 tỷ đồng, tăng 1.298 tỷ đồng so với năm 2024, tiếp tục củng cố nền tảng tài chính và nâng cao năng lực tự chủ vốn của Ngân hàng. Trong đó, vốn điều lệ đạt 8.164 tỷ đồng, tăng 2.764 tỷ đồng so với năm 2024. Trong năm 2025, VAB đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận tăng vốn điều lệ lên mức 11.495 tỷ đồng thông qua triển khai 03 (ba) phương án tăng vốn điều lệ. Tuy nhiên, tính đến hết ngày 31/12/2025, VAB mới hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 8.164 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu, 02 (hai) phương án còn lại gồm phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động chưa được triển khai trong

năm 2025 do thị trường chứng khoán giai đoạn cuối năm diễn biến chưa thực sự thuận lợi, thanh khoản thị trường và giá trị giao dịch bình quân cổ phiếu ở mức chưa cao. Trên cơ sở đảm bảo quyền lợi tối đa cho cổ đông và lựa chọn thời điểm phát hành phù hợp, VAB chủ động chưa thực hiện hai phương án tăng vốn nêu trên trong năm 2025, đồng thời tiếp tục theo dõi sát diễn biến thị trường để triển khai khi điều kiện thuận lợi hơn.

- Vốn cấp 2: Trong năm 2025, nhằm tăng cường nguồn vốn cấp 2, nâng cao năng lực tài chính và đáp ứng các chỉ tiêu an toàn theo quy định, VAB đã triển khai phát hành 04 đợt trái phiếu theo cả hình thức phát hành ra công chúng và phát hành riêng lẻ, với tổng giá trị chào bán 1.300 tỷ đồng với tổng giá trị phát hành thành công đạt 991,63 tỷ đồng.

- Với các nỗ lực và kết quả tài chính đạt được năm 2025, VAB được tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Fitch Ratings xếp hạng B+ “Triển vọng ổn định”.

- VAB tuân thủ giới hạn về các chỉ số an toàn hoạt động theo quy định của Pháp luật và NHNN.

1.2. Công tác Quản trị rủi ro

Hệ thống kiểm soát nội bộ ngày càng được hoàn thiện, đảm bảo nhận diện, ngăn ngừa và kịp thời xử lý các rủi ro phát sinh. Các chỉ số an toàn hoạt động Ngân hàng được kiểm soát thường xuyên và Ngân hàng tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNN về chế độ báo cáo và thực hiện các chỉ tiêu an toàn vốn, về quản lý an toàn hoạt động và kiểm soát rủi ro trong kinh doanh.

VAB đã thực hiện rà soát, cập nhật hệ thống văn bản nội bộ phù hợp với thay đổi của Luật các TCTD 2024, Luật Đất đai 2024 và các Nghị định/ Thông tư hướng dẫn. Tiếp tục triển khai, áp dụng công cụ tính toán tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 41 và ICAAP đáp ứng yêu cầu của NHNN về việc áp dụng Basel 2; Hoàn thành xây dựng quy định liên quan đến quản lý tài sản, quy trình cấp tín dụng, Rà soát xử lý hồ sơ phần mềm cảnh báo giao dịch bất thường (có dấu hiệu nghi ngờ gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật), ...

1.3. Công tác nhân sự

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng số nhân sự của VAB là 1.632 người, tăng 35 người so với cuối năm 2024 (1.597 người), đáp ứng yêu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh và phát triển mạng lưới. Trong năm, Ngân hàng tiếp tục đa dạng hóa và mở rộng các kênh tuyển dụng nhằm thu hút nguồn nhân lực có chất lượng, phù hợp với định hướng phát triển bền vững.

Song song với công tác tuyển dụng, VAB đẩy mạnh đào tạo nghiệp vụ chuyên môn và kỹ năng mềm cho cả cán bộ nhân viên tân tuyển và nhân sự hiện hữu; tăng cường truyền thông và quán triệt thực hiện Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, văn hóa ứng xử của VAB, góp phần xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, kỷ cương và đoàn kết.

Ngân hàng cũng tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung nhiều quy chế quan trọng như Quy chế tổ chức và hoạt động của VAB, Quy chế đánh giá nhân sự định kỳ, Quy chế

dân chủ cơ sở, Quy chế cấp bậc chức danh, đảm bảo phù hợp với thực tiễn hoạt động và quy định pháp luật hiện hành. Đồng thời, VAB điều chỉnh chính sách tiền lương gắn với hiệu quả công việc; tiếp tục thực hiện cơ chế đánh giá, tăng lương định kỳ và duy trì các chính sách phúc lợi thường niên, qua đó nâng cao động lực làm việc và sự gắn kết của người lao động.

Bên cạnh đó, chương trình quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực kế nhiệm như VAB NextGen và Talent Pool tiếp tục được duy trì và triển khai bài bản, tạo nguồn cán bộ quản lý tiềm năng, đáp ứng yêu cầu phát triển lâu dài của Ngân hàng.

1.4. Công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Trong năm 2025, thực hiện Chiến lược phát triển công nghệ thông tin đến năm 2025 – định hướng đến năm 2030, VAB tiếp tục ưu tiên đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện hạ tầng công nghệ nhằm nâng cao hiệu suất vận hành, đảm bảo ổn định hệ thống và tăng cường khả năng mở rộng linh hoạt theo nhu cầu phát triển của Ngân hàng. Việc ứng dụng các nền tảng công nghệ tiên tiến giúp VAB xử lý giao dịch nhanh hơn, chính xác hơn, tăng cường an toàn – bảo mật, đồng thời tuân thủ chặt chẽ các quy định về phòng, chống rửa tiền. Đây là nền tảng quan trọng để VAB đa dạng hóa sản phẩm, phát triển các kênh dịch vụ mới và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường ngân hàng số.

Trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng số, VAB đã chuyển đổi thành công ứng dụng mobile banking từ VietABank EzMobile sang ứng dụng VietABank thế hệ mới, mang lại trải nghiệm hiện đại, thân thiện và hỗ trợ mạnh mẽ các nhu cầu thanh toán dịch vụ, mua sắm trực tuyến của khách hàng. Ngân hàng cũng đẩy mạnh khai thác các sản phẩm tài khoản số đẹp, tài khoản tự chọn 8 số và tài khoản nickname; xây dựng chức năng cấp lại mật khẩu trực tuyến trên nền tảng ngân hàng số, góp phần gia tăng mức độ bảo mật và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của khách hàng.

Song song đó, VAB tiếp tục triển khai nhiều dự án công nghệ quan trọng như Dự án CDM, Dự án Omni dành cho khách hàng doanh nghiệp, Dự án xây dựng hệ sinh thái cho khách hàng là hộ kinh doanh – VAB EZSHOP, nhằm đáp ứng đa dạng nhu cầu giao dịch, quản lý tài chính và phát triển kinh doanh của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp.

Trong hoạt động vận hành nội bộ, VAB tăng cường ứng dụng công nghệ số và tự động hóa, bao gồm phát triển các ứng dụng quản lý nhân sự và đào tạo trực tuyến; nâng cấp chương trình quản lý trình duyệt nội bộ qua iBPM; triển khai hệ thống phê duyệt và quản lý hồ sơ tín dụng iLOS; áp dụng giải pháp xác thực khách hàng và thu thập sinh trắc học; đồng thời nâng cấp hệ thống phòng chống rửa tiền (AML) nhằm tăng cường hiệu quả kiểm soát rủi ro và tuân thủ pháp lý.

1.5. Mạng lưới hoạt động của VAB, truyền thông thương hiệu và hoạt động cộng đồng

Năm 2025, VAB tập trung quy hoạch lại mạng lưới kinh doanh, hoàn thành di dời trụ sở 6 Đơn vị kinh doanh (trong đó bao gồm di dời các PGD chưa hiệu quả sang địa điểm mới tại Hải Phòng và Bắc Ninh), cải tạo, sửa chữa 46 Đơn vị kinh doanh. Đến 31/12/2025, mạng lưới hoạt động của VAB duy trì 98 điểm gồm Trụ sở chính, 24 Chi nhánh và 73 Phòng Giao dịch.

(i) Hình ảnh, nhận diện thương hiệu:

Trong năm 2025, nhận diện thương hiệu tại mặt tiền và quầy giao dịch của các địa điểm kinh doanh được nâng cấp, đồng bộ theo tiêu chuẩn mới; đồng thời Ngân hàng thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động và cơ sở vật chất nhằm kịp thời di dời, cải tạo, sửa chữa, đảm bảo đáp ứng yêu cầu kinh doanh và phục vụ khách hàng tốt nhất.

(ii) Hoạt động truyền thông thương hiệu:

VAB điều chỉnh bộ nhận diện theo hướng hiện đại, tối giản và số hóa, tăng cường tính nhất quán và khả năng ghi nhớ thương hiệu; đẩy mạnh các hoạt động marketing gắn kết cộng đồng, triển khai chương trình trách nhiệm xã hội (CSR) nhằm nâng cao hình ảnh và tạo sự gắn bó lâu dài với khách hàng; đồng thời chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp thông qua các chương trình truyền thông nội bộ và hướng đến khách hàng, đưa thương hiệu và văn hóa VAB đến gần hơn với công chúng.

(iii) Trách nhiệm với cộng đồng:

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, VAB tích cực tổ chức ngày hội hiến máu với sự tham gia của đông đảo CBNV, triển khai các chương trình thiện nguyện tại địa bàn có đơn vị kinh doanh; đồng thời chủ động thực hiện nhiều giải pháp hỗ trợ khách hàng, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), thông qua các chương trình ưu đãi lãi suất, gói tín dụng phù hợp và chính sách đồng hành nhằm góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững.

1.6. Kết quả giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Điều hành

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành (BDH) được thực hiện theo Quy chế quản trị nội bộ của VAB. HĐQT đánh giá cao kết quả và nỗ lực của Ban Điều hành trong năm 2025, cụ thể:

- HĐQT giám sát các hoạt động của Ban Điều hành thông qua các cuộc họp giao ban hàng tháng, họp định kỳ hàng quý của HĐQT và có ý kiến đánh giá, chỉ đạo sát sao đối với các hoạt động của Ngân hàng. Trên cơ sở đó, Ban Điều hành đã tổ chức, triển khai tốt các nội dung định hướng của HĐQT. Kết quả kinh doanh năm 2025 hoàn thành 5/6 chỉ tiêu được giao: Tổng tài sản, huy động, dư nợ tín dụng, lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch.

- Ban Điều hành đã tuân thủ các quy định Luật các Tổ chức tín dụng, Điều lệ VAB, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT trong việc chỉ đạo, quản lý, điều hành hoạt động của VAB.

- Hệ thống quản trị rủi ro và vận hành được củng cố đồng bộ, đảm bảo an toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Nguồn nhân lực được tuyển dụng, đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển, các chương trình phúc lợi được triển khai hiệu quả, góp phần giữ chân và phát triển đội ngũ nhân sự nòng cốt.

- Hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư, nâng cấp và vận hành an toàn, đáp ứng kịp thời yêu cầu hoạt động và nâng cao trải nghiệm khách hàng.

- Cơ sở vật chất và mạng lưới điểm giao dịch được cải tạo, hoàn thiện, góp phần nâng cao hình ảnh nhận diện thương hiệu VAB và tạo dựng niềm tin cho khách hàng trong quá trình giao dịch.

1.7. Báo cáo giao dịch với công ty con, người có liên quan của VAB

Năm 2025, VAB có phát sinh giao dịch với người có liên quan và đã tuân thủ quy định thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật. (Chi tiết giao dịch được báo cáo tại Báo cáo tình hình quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á năm 2025 và được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của VAB).

1.8. Về công khai thông tin theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng:

- VAB tuân thủ, thực hiện đảm bảo công khai thông tin của Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật Các TCTD. Đồng thời, người có liên quan đến những chức danh này được VAB kê khai và công bố thông tin tại Báo cáo tình hình quản trị định kỳ trong năm 2025.

- Đối với cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ, VAB đã thực hiện công khai thông tin trên website của VAB và báo cáo NHNN theo quy định.

1.9. Triển khai Phương án cơ cấu lại VAB đến năm 2025

- Trên cơ sở định hướng xây dựng “Phương án cơ cấu lại VAB gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021–2025” được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua, VAB định kỳ hàng quý thực hiện báo cáo kết quả triển khai theo quy định và chỉ đạo của NHNN. Trong năm 2025, Ngân hàng đã chủ động tổ chức thực hiện PACCL, đảm bảo tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo quý/năm.

- Đến cuối năm 2025, VAB đã hoàn thành 7/10 mục tiêu cơ cấu lại. Cụ thể: Tổng tài sản đạt 109,43% kế hoạch; Dự nợ cấp tín dụng đạt 102,9% kế hoạch; Huy động vốn thị trường 1 đạt 103% kế hoạch; Vốn chủ sở hữu đạt 94,3% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 156,34% kế hoạch; Tỷ lệ nợ xấu nội bảng được kiểm soát dưới 3%. Ba (03) chỉ tiêu còn lại Ngân hàng tiếp tục tập trung thực hiện gồm: tăng vốn điều lệ; nâng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động phi tín dụng trên tổng thu nhập; và cải thiện hệ số an toàn vốn (CAR).

1.10. Báo cáo công khai danh sách khách hàng là đối tượng theo Điều 135 Luật các tổ chức tín dụng

Theo quy định tại Điều 13 thông tư số 09/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024, VAB báo cáo ĐHĐCĐ về việc cho vay các đối tượng hạn chế cấp tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng tính đến thời điểm lấy số liệu để họp ĐHĐCĐ (ngày 31/12/2025) như sau:

a) Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đang kiểm toán tại VAB; người ra quyết định thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra, người giám sát hoạt động đoàn thanh tra đang thanh tra tại VAB; Kế toán trưởng của VAB; Cổ đông lớn, cổ đông sáng lập của VAB; Doanh nghiệp có một trong những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 134 của Luật Các tổ chức tín dụng sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó; Công ty con, công ty liên kết của VAB; Có phát sinh giao dịch và đã được VAB công bố thông tin theo quy định của pháp luật. (Chi tiết giao dịch được báo cáo tại Báo cáo tình hình quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á năm 2025 và được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của VAB).

b) Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng tại VAB (trừ trường hợp cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng cho cá nhân): 34,2 tỷ đồng.

Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với các đối tượng quy định tại các điểm a, b là 0,3% vốn tự có - không vượt quá 5% vốn tự có của VAB.

1.11. Báo cáo về phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024

Thực hiện Nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2025 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên Ngân hàng TMCP Việt Á năm 2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 178/2025/NQ-HĐQT ngày 13/6/2025 về việc thông qua “Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng 2024”. Đồng thời, VAB đã ban hành Báo cáo số 179/2025/BC-HĐQT ngày 16/6/2025 gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc thông qua phương án nêu trên theo đúng quy định.

Theo đó, nội dung phương án gồm 04 (bốn) phần chính: (i) Thông tin, đánh giá về cơ cấu tổ chức và hoạt động kinh doanh của VAB; (ii) Thực trạng tài chính và hoạt động của VAB; (iii) Các biện pháp triển khai nhằm khắc phục từng trường hợp được can thiệp sớm theo quy định tại Khoản 1 Điều 156 Luật Các tổ chức tín dụng 2024, bao gồm các trường hợp: số lỗ lũy kế vượt quá 15% vốn điều lệ và các quỹ dự trữ đồng thời vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày liên tục; vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu trong 06 tháng liên tục; hoặc bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi Ngân hàng Nhà nước; và (iv) Lộ trình, thời hạn thực hiện từng biện pháp khắc phục.

2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2025

Thực hiện trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, theo đó đảm bảo hoạt động của HĐQT và vai trò chỉ đạo, kiểm soát của HĐQT đối với Ban điều hành có hiệu quả, HĐQT xin báo cáo về kết quả hoạt động của HĐQT như sau:

2.1. Về công tác của Hội đồng Quản trị đã thực hiện

- HĐQT đã tổ chức họp định kỳ tháng, quý theo quy định của Luật các TCTD, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VAB; đồng thời tổ chức các cuộc họp giao ban, họp chuyên đề và

xin ý kiến bằng văn bản đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT; ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo chỉ đạo thực hiện liên quan đến các hoạt động chính của ngân hàng.

- HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành triển khai và thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên 2025. HĐQT sẽ báo cáo Đại hội kỳ tiếp theo. Một số nội dung trọng yếu đã thực hiện trong năm 2025:

+ Đôn đốc Ban Điều hành quyết liệt triển khai kế hoạch kinh doanh hàng tháng, hàng quý để hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2025 đã được ĐHĐCĐ giao. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính tín dụng trọng yếu được trình bày tại phần "1.1 Các kết quả tài chính năm 2025" của báo cáo này.

+ Triển khai kế hoạch niêm yết chứng khoán VAB tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh: Chứng khoán VAB chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) từ ngày 22/7/2025 theo Quyết định số 514/QĐ-SGDHCM v/v chấp thuận niêm yết cổ phiếu đối với Ngân hàng TMCP Việt Á, thông báo số 1268/TB-SGDHCM v/v niêm yết và ngày giao dịch đầu tiên.

+ Triển khai tăng vốn điều lệ theo NQ số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2025: Hoàn thành tăng vốn điều lệ Đợt 1 năm 2025 theo Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu. Đối với kế hoạch tăng vốn điều lệ đợt 2, VAB đã được NHNN chấp thuận kế hoạch tăng vốn điều lệ đợt 2 năm 2025 và đang thực hiện bổ sung hồ sơ, thủ tục, ý kiến của UBCK để xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.

+ Triển khai kế hoạch niêm yết trái phiếu phát hành ra công chúng: VAB đã phát hành thành công 6.916.305 trái phiếu ra công chúng với tổng giá trị theo mệnh giá là 691.630.500.000 đồng (đạt 69,16% kế hoạch), tính đến ngày 31/12/2025 đã niêm yết 5.994.070 trái phiếu (đợt 1 và đợt 2) và triển khai thủ tục niêm yết 922.235 trái phiếu phát hành đợt 3 (đến ngày 26/01/2026, VAB đã niêm yết 6.916.305 trái phiếu).

+ Yêu cầu Ban Điều hành triển khai các giải pháp cân đối nguồn vốn phù hợp với chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng, đồng thời nâng cao các tỷ lệ an toàn và hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.

+ Yêu cầu Ban Điều hành chỉ đạo và đôn đốc các khối kinh doanh, ĐVKD triển khai các nội dung HĐQT đã chỉ đạo về công tác tăng trưởng huy động tiền gửi không kỳ hạn (CASA); tối ưu hóa chi phí vốn (COF); đẩy mạnh công tác quản lý nợ, thu hồi và xử lý nợ; tăng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ, tăng thu ngoài lãi trên tổng thu nhập nhằm phát triển bền vững.

+ Đa dạng hóa danh mục tín dụng gia tăng tỷ lệ cho vay khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ nhưng vẫn đảm bảo duy trì khẩu vị rủi ro thận trọng đồng thời nâng cao tỷ lệ biên lợi nhuận toàn Ngân hàng.



+ Triển khai các giải pháp, dự án công nghệ hỗ trợ hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành trong đó đặc biệt gia tăng hoạt động kinh doanh trên nền tảng Ngân hàng số, theo hướng khách hàng là trung tâm, tăng cường trải nghiệm của khách hàng.

+ Phát động chương trình thi đua trên toàn hệ thống; động viên CBNV tích cực tham gia các chương trình thi đua thúc đẩy kinh doanh, đóng góp sáng kiến đổi mới sáng tạo tại VAB;

+ Điều chỉnh mô hình tổ chức và hoạt động của VAB; kiện toàn bộ máy điều hành và đội ngũ quản lý cấp cao, bảo đảm cơ cấu tổ chức hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

+ Tiếp tục các đầu tư giải pháp đảm bảo an ninh, an toàn công nghệ phòng tránh các rủi ro liên quan tới rủi ro trong lĩnh vực công nghệ thông tin; đầu tư phát triển mảng dịch vụ ngân hàng số, chuyển đổi số trong quản trị và vận hành của VAB.

+ HĐQT chỉ đạo, rà soát và cập nhật nhất các quy định mới của Pháp luật để sửa đổi/ ban hành các Quy chế, Quy định một cách kịp thời, đảm bảo hoạt động của VAB luôn tuân thủ quy định của Pháp luật.

- Năm 2025, Hội đồng Quản trị VAB có 07 thành viên; trong đó có 02 thành viên độc lập HĐQT, 01 thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, 01 thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc, 03 thành viên không phải là người điều hành. HĐQT đảm bảo cơ cấu thành phần tuân thủ quy định tại Điều 69, Điều 210 Luật Các TCTD.

- Thông qua các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc, HĐQT giám sát, chỉ đạo Ban Điều hành đối với các hoạt động trọng yếu như: chiến lược kinh doanh, phát triển nguồn nhân lực, định hướng phát triển tín dụng và công tác xử lý nợ... cũng như mọi hoạt động khác của ngân hàng. HĐQT có những quyết định, chỉ đạo thuộc thẩm quyền, hỗ trợ kịp thời cho công tác quản trị và kinh doanh nhằm nâng cao năng lực hoạt động, khả năng cạnh tranh, tạo tiền đề cho sự phát triển vững chắc của VAB trong năm 2026.

2.2. Cơ cấu, tổ chức bộ máy của VAB

Cơ cấu tổ chức quản lý của VAB theo mô hình Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc; tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật các TCTD và điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp. Bộ máy hoạt động của VAB gồm các đơn vị chức năng, tham mưu, giúp việc trực thuộc Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc. Quý III năm 2025, VAB đã rà soát, đánh giá và điều chỉnh bộ máy tổ chức, hoạt động thay thế Quyết định số 158/QĐ-HĐQT/17 ngày 01/11/2017, trong đó đặc biệt thành lập Khối Ngân hàng Đầu tư, chuyển đổi Trung tâm Thẻ và Ngân hàng số thành Trung tâm Dịch vụ Ngân hàng số, chuyển đổi phòng Quan hệ công chúng thành Phòng Truyền thông và Phát triển thương hiệu và trực thuộc Tổng Giám đốc nhằm mở rộng kinh doanh đối tác lớn trên thị trường tài chính quốc tế, tăng tốc độ chuyển đổi số, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, phát triển khách hàng trên môi trường số, đồng thời đôn đốc, chỉ đạo tiếp tục tinh gọn, hiệu quả, hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh của VAB đáp ứng yêu cầu quản trị rủi ro.

2.3. Các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc HĐQT

VAB duy trì các hoạt động của Ủy ban, Hội đồng theo chuyên môn, chức năng quản lý và giám sát hoạt động an toàn cho ngân hàng. Hội đồng Quản trị VAB có các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc (Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Chiến lược,); các Ủy ban, Hội đồng có vai trò tham mưu, giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cho HĐQT trong từng lĩnh vực.

Trong năm 2025, các Ủy ban đã thực hiện đầy đủ chức năng và hoàn thành tốt nhiệm vụ được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của từng Ủy ban. Các cuộc họp định kỳ được các Ủy ban của HĐQT tổ chức nhằm giúp HĐQT tăng cường chức năng quản lý, giám sát hoạt động của Ngân hàng.

2.4. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ các thành viên HĐQT

Các thành viên HĐQT: Ông Phương Thành Long, ông Phan Văn Tới, ông Trần Tiến Dũng, ông Nguyễn Hồng Hải, ông Nguyễn Văn Trọng đã thực hiện tốt vai trò thành viên HĐQT, hoàn thành các nhiệm vụ được HĐQT phân công phụ trách, quản lý, bao gồm nhiệm vụ tại các Ủy ban trực thuộc HĐQT.

Thành viên HĐQT độc lập: Ông Lê Hồng Phương, ông Thái Nguyễn Hoàng Nhã hoàn thành công việc được giao, đảm bảo tính độc lập của mình trong thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo Ngân hàng hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật cũng như Điều lệ của Ngân hàng, phù hợp với chủ trương và định hướng đã đề ra của ĐHĐCĐ và HĐQT.

2.5. Đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT

HĐQT VAB năm 2025 đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với ĐHĐCĐ, đảm bảo vai trò chỉ đạo và kiểm soát có hiệu quả đối với BDH. Nội dung chi tiết được trình bày tại Phụ lục đính kèm - Báo cáo đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT năm 2025).

2.6. Báo cáo về thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT, BKS

Mức thù lao và thưởng năm 2025 của Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát là: **11.244.287.000 đồng** (bằng chữ: *mười một tỷ, hai trăm bốn mươi tư triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng*). Chi tiết thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT, BKS đã được trình bày trong Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán, công bố trên website của VAB.

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

1. Dự báo kinh tế năm 2026.

Năm 2026, Quốc hội đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế từ 10% trở lên, GDP bình quân đầu người đạt 5.400–5.500 USD và kiểm soát lạm phát khoảng 4,5% nhằm tạo nền tảng ổn định cho tăng trưởng cao. Tỷ giá USD/VND được dự báo có thể tăng nhẹ 2,5–3% do áp lực ngoại tệ và chênh lệch lãi suất trong – ngoài nước, trong khi dòng vốn FDI tiếp tục duy trì tích cực, tập trung vào công nghệ cao, năng lượng xanh và logistics. Trong bối cảnh đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam định hướng điều hành chính sách

tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa; kiểm soát tăng trưởng tín dụng toàn ngành khoảng 15%, siết tín dụng bất động sản và quản lý chặt hạn mức tín dụng ngay từ quý I/2026.

Ngành ngân hàng được dự báo chịu áp lực gia tăng về vốn khi yêu cầu tăng cường bộ đệm vốn theo Thông tư 14 được triển khai, buộc các TCTD đẩy mạnh tăng vốn điều lệ nhằm cải thiện hệ số an toàn vốn (CAR), kiểm soát nợ xấu và lãi dự thu. Đồng thời, xu hướng dịch chuyển sang tín dụng tiêu dùng, SME và các lĩnh vực sản xuất – dịch vụ có dòng tiền bền vững sẽ rõ nét hơn. Chuyển đổi số, phát triển dữ liệu ngành, số hóa quy trình và tích hợp đa kênh thanh toán tiếp tục là trọng tâm chiến lược, đi kèm với việc gia tăng đầu tư cho an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu và phòng chống gian lận trong môi trường số, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chống chịu rủi ro của hệ thống.

2. Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2026

Trên cơ sở những kết quả đạt được trong năm 2025, định hướng hoạt động năm 2026 của HĐQT sẽ tập trung vào các nội dung sau:

(i) Tổ chức, triển khai chương trình hành động của VAB trong năm 2026 trên cơ sở nghiên cứu, thực hiện các nội dung trọng tâm trong phạm vi của Tổ chức tín dụng theo Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 09/01/2026 của NHNN về triển khai nhiệm vụ ngành Ngân hàng năm 2026, điều hành chính sách tiền tệ của Chính phủ, NHNN và Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 09/01/2026 của NHNN về đẩy mạnh chuyển đổi số và đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trong hoạt động Ngân hàng năm 2026; Chương trình phát triển bền vững tích hợp ESG, tăng trưởng xanh trong hoạt động Ngân hàng.

(ii) Bám sát kế hoạch kinh doanh năm 2026, tăng trưởng quy mô, khai thác nguồn vốn giá rẻ, mở rộng giao dịch với các định chế tài chính trong và ngoài nước, tăng tỷ trọng tiền gửi thanh toán, tiền gửi không kỳ hạn, đảm bảo hiệu quả tỷ lệ an toàn hoạt động Ngân hàng.

(iii) Tiếp tục thực hiện mục tiêu chuyển dịch cấp tín dụng cho khách hàng theo định hướng tập trung phân khúc khách hàng cá nhân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp vừa và nhỏ trên cơ sở phân tích nhu cầu, cung cấp sản phẩm dịch vụ Ngân hàng, nâng cao trải nghiệm khách hàng và khai thác bán chéo/bán thêm các khách hàng là đối tác chiến lược của VAB.

(iv) Tăng cường ứng dụng công nghệ vào nâng cấp và phát triển sản phẩm – dịch vụ, phát triển hệ thống thanh toán: đẩy mạnh kênh giao dịch Ngân hàng hiện đại (hoàn thành golive nền tảng ứng dụng ngân hàng số Ommi Channel KHDN), triển khai các hình thức thanh toán mới, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng thông qua các chương trình quản trị con người, xây dựng văn hóa và nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp quản lý nhằm thúc đẩy kinh doanh, ... góp phần tăng trưởng thu nhập và dịch vụ của Ngân hàng.

(v) Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, số hóa hoạt động Ngân hàng phù hợp với hoạt động của VAB, từng bước hiện đại hóa hệ thống bán hàng và kênh phân phối, bước

đầu đáp ứng tăng trưởng đối với dịch vụ Ngân hàng tài chính cá nhân, khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ.

(vi) Chú trọng công tác quản lý chất lượng tín dụng, nâng cao năng lực quản trị rủi ro; kiểm soát, thu hồi và xử lý nợ xấu; ngăn ngừa, hạn chế tối đa nợ xấu mới phát sinh nhằm đảm bảo tỷ lệ nợ xấu đạt mức dưới 3% theo định hướng điều hành của NHNN.

(vii) Tiếp tục duy trì xếp hạng tín nhiệm quốc tế, đặt mục tiêu nâng tối thiểu một bậc xếp hạng tín nhiệm Fitch Rating so với năm trước, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh vốn trên thị trường 2 và Ngân hàng đầu tư, đẩy mạnh huy động vốn giá rẻ từ các tổ chức định chế tài chính nước ngoài.

(viii) Tổ chức thực hiện mục tiêu trước Quý III/2026 hoàn thành công tác quy hoạch lại mạng lưới Chi nhánh/ Phòng giao dịch, di chuyển địa điểm kinh doanh đáp ứng yêu cầu phát triển và phù hợp với quy định tại Thông tư 61/2025/TT-NHNN, Thông tư 32/2024/TT-NHNN.

(ix) Tối ưu chi phí hoạt động thường xuyên, quản lý chi tiêu hiệu quả, hợp lý đảm bảo phù hợp với nhu cầu phát triển kinh doanh của Ngân hàng trong năm 2026.

(x) Hoàn thành tăng vốn Điều lệ theo Phương án được Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua.

(xi) Hoàn thành tái cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Việt Á tuân thủ Thông tư 31/2025/TT-NHNN ngày 30/9/2025.

(xii) Rà soát kiện toàn bộ máy điều hành, hệ thống kiểm soát nội bộ, quy trình và quy định nội bộ theo quy định của Thông tư 83/2025/TT-NHNN ngày 31/12/2025; bổ sung và cơ cấu nguồn nhân lực hợp lý cho triển khai kinh doanh đặc biệt đối với nhân sự kinh doanh phù hợp định hướng cho vay của VAB; tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện cơ chế tiền lương và hiệu suất lao động, phát triển các chính sách đãi ngộ CBNV nhằm thu hút, đào tạo và giữ chân nhân tài.

(xiii) Tiếp tục nghiên cứu, đầu tư, hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin nhằm đáp ứng yêu cầu bảo mật thông tin, ứng dụng phát triển khách hàng và đẩy mạnh công tác báo cáo quản trị, phân tích kinh doanh.

(xiv) Tăng cường thực hiện các chương trình văn hóa đoàn thể gắn kết văn hóa doanh nghiệp.

(xv) Tăng cường công tác truyền thông, các chương trình gắn kết cộng đồng, từ đó nâng cao nhận diện thương hiệu, hình ảnh của VAB trong lòng khách hàng và cộng đồng.

(xvi) Một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2026:

Đvt: tỷ đồng, %

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ tăng trưởng
1	Tổng tài sản	140.486	150.500	7,1%
2	Tiền gửi khách hàng và phát hành GTCG	104.039	115.441	11,0%

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ tăng trưởng
3	Dư nợ tín dụng (*)	88.742	101.633	14,5%
4	Lợi nhuận trước thuế	1.646	1.945	18,2%
5	Vốn điều lệ	8.164	12.688	55,4%
6	Tỷ lệ nợ xấu	1,31%	<3%	

(*) Tăng trưởng tín dụng năm 2026 được điều chỉnh linh hoạt theo hạn mức tăng trưởng tín dụng năm 2026 được NHNN giao.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026. Với mục tiêu xây dựng VAB trở thành một Ngân hàng có chất lượng dịch vụ tốt, hoạt động minh bạch, an toàn, bền vững, trở thành địa chỉ uy tín và là sự lựa chọn của các đối tác và khách hàng. HĐQT, Ban Điều hành và toàn thể CBNV VAB cam kết nỗ lực thực hiện thành công định hướng phát triển đã xây dựng. Chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, ủng hộ và hợp tác thường xuyên của các Quý Cổ đông.

Trân trọng báo cáo và kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua. *Chào*

Nơi nhận: *ke*

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *tu*
CHỦ TỊCH



my
PHƯƠNG THÀNH LONG

PHỤ LỤC:

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

Theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Nghị định 245/2025/NĐCP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 VAB về hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT) trong năm 2025 như sau:

I. Nhiệm vụ được HĐQT phân công trong năm 2025:

Trong năm qua, với tư cách là Thành viên Độc lập HĐQT của VAB, tôi đã thực hiện đầy đủ các quyền và nhiệm vụ theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Điều lệ Ngân hàng và các quy chế quản trị nội bộ:

- Thành viên các Ủy ban tham mưu giúp việc cho HĐQT bao gồm: Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban nhân sự, Ủy ban chiến lược, Hội đồng Thi đua khen thưởng, Hội đồng xử lý kỷ luật cấp 1, Ban chỉ đạo xây dựng Phương án cơ cấu lại VAB giai đoạn 2021-2025.
- Giám sát đối với lĩnh vực, Khối Quản trị nguồn nhân lực.
- Thực hiện chức năng giám sát của HĐQT nói chung và thành viên HĐQT độc lập nói riêng theo quy định tại Điều lệ, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT và quy định nội bộ của VAB.

Trong các vai trò, nhiệm vụ được phân công; các tài liệu, thông tin được tiếp cận thành viên HĐQT độc lập đều thực hiện một cách cẩn trọng, độc lập, khách quan trên cơ sở tuân thủ nghiêm túc quy định liên quan của Pháp luật và các quy định nội bộ của VAB. Tham gia góp ý kiến trực tiếp và biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban định kỳ của HĐQT với BDH, các Ủy ban, các cuộc họp có tham gia cũng như các ý kiến góp ý, tham mưu bằng văn bản theo từng lĩnh vực, nội dung được lấy ý kiến.

II. Ý kiến đánh giá của thành viên độc lập HĐQT trong năm 2025:

Trên cơ sở thực tế hoạt động của HĐQT năm 2025 cũng như trong phạm vi các tài liệu, thông tin được cung cấp; thành viên HĐQT độc lập có ý kiến đánh giá như sau:

- **Về cơ cấu tổ chức:** HĐQT đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của VAB về số lượng, các thành viên HĐQT bao gồm các thành viên HĐQT độc lập được bầu đều được phê duyệt của NHNN về tiêu chuẩn, điều kiện.
- **Về cơ chế vận hành, hoạt động:** Năm 2025, HĐQT đã tổ chức 42 phiên họp HĐQT và lấy kiến bằng văn bản 183 với các nội dung mang tính định hướng, chiến lược; thông qua các giao dịch với người có liên quan; xem xét các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT. Các phiên họp HĐQT, các nội dung lấy ý kiến bằng văn bản đều đảm bảo tuân thủ trình tự, thủ tục

theo quy định tại Điều lệ và quy định nội bộ có liên quan. Tại các cuộc họp HĐQT, các thành viên HĐQT theo chức năng cũng như nhiệm vụ được phân công đều chủ động, tích cực thảo luận các đề xuất, đặt các câu hỏi chất vấn, góp ý, phân tích một cách tổng thể tình hình kinh tế vĩ mô, các tác động đến hoạt động ngân hàng nói chung cũng như nội tại hoạt động của VAB để có những điều chỉnh, định hướng phù hợp hướng tới mục tiêu hoạt động an toàn, hiệu quả cho VAB. HĐQT đã thành lập các Ủy ban là Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Chiến lược với đầy đủ quy định về tổ chức hoạt động phù hợp với quy định pháp luật và nhu cầu thực tế của VAB để thực hiện vai trò tham mưu cho HĐQT với các vấn đề liên quan.

- **Về kết quả công tác quản trị và giám sát:** HĐQT đã thực hiện chỉ đạo, giám sát Tổng giám đốc, Ban điều hành triển khai các chỉ tiêu kinh doanh năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Kết quả năm 2025, VAB đã đạt vượt kế hoạch với 3 chỉ tiêu quy mô (tổng tài sản, tăng trưởng cho vay khách hàng, tiền gửi khách hàng (bao gồm giấy tờ có giá), và lợi nhuận trước thuế đạt 124%. HĐQT đã ban hành 216 Nghị quyết về các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, định hướng cho hoạt động chung của ngân hàng. Đặc biệt, trong năm HĐQT đã chỉ đạo sửa đổi, bổ sung và ban hành nhiều chính sách, quy định liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của VAB đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, của NHNN, kịp thời đáp ứng yêu cầu quản trị điều hành, quản lý rủi ro và thúc đẩy kinh doanh. Các báo cáo của Ban kiểm soát và vấn đề nêu trong báo cáo đều được HĐQT xem xét cẩn trọng và chỉ đạo để tăng cường giám sát rủi ro và đảm bảo tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng.

Kết luận: Trong năm 2025, HĐQT VAB đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật, Điều lệ VAB, thực hiện đúng vai trò chỉ đạo và giám sát có hiệu quả đối với Tổng giám đốc, Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu mà ĐHĐCĐ thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TV ĐỘC LẬP HĐQT



Lê Hồng Phương

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

Theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Nghị định 245/2025/NĐCP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 VAB về hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT) trong năm 2025 như sau:

I. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập:

Trong năm qua, với tư cách là Thành viên Độc lập HĐQT của VAB, tôi đã thực hiện đầy đủ các quyền và nhiệm vụ theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Điều lệ Ngân hàng và các quy chế quản trị nội bộ:

- Tham dự họp: Tôi đã tham gia 27/27 phiên họp HĐQT định kỳ cũng như các phiên họp đột xuất, đóng góp ý kiến khách quan vào các quyết sách của VAB.
- Tham gia ý kiến/biểu quyết thông qua phê duyệt việc ban hành quy chế, chính sách thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Tham gia các chương trình, hoạt động của VAB và thực hiện các công việc khác theo phân công của HĐQT.
- Tính độc lập: Tôi xác nhận không có xung đột lợi ích, không có giao dịch cá nhân với Ngân hàng và các bên liên quan gây ảnh hưởng đến tính khách quan trong việc ra quyết định, tuân thủ các điều kiện quy định tại Điều 64 Luật Các tổ chức tín dụng 2024

II. Ý kiến đánh giá của thành viên độc lập HĐQT trong năm 2025:

2.1 Về cơ cấu tổ chức:

ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã bầu bổ sung 2 thành viên, nâng tổng số lượng thành viên HĐQT là 7 (trong đó có 2 thành viên độc lập). Cơ cấu tổ chức HĐQT VAB đảm bảo tuân thủ theo điều lệ và quy định pháp luật về số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện các thành viên HĐQT.

2.2 Đánh giá về hoạt động của HĐQT và giám sát Ban Điều hành

Về cơ chế vận hành hoạt động: Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức các phiên họp tập trung và không tập trung qua hình thức xin ý kiến bằng văn bản để chỉ đạo, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền, nhiệm vụ của HĐQT theo quy định nội bộ của VAB và quy định Pháp luật. Các phiên họp được tổ chức theo quy định với đầy đủ các thành viên. Kết thúc phiên họp, HĐQT ban hành Biên bản/Nghị Quyết để tổ chức triển khai thực hiện.

Về kết quả giám sát Tổng Giám đốc và người điều hành khác: TGD và Ban Điều hành đã tuân thủ nghiêm túc các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của NHNN và Nghị quyết của HĐQT. Không phát hiện trường hợp Ban Điều hành lạm quyền hoặc ra quyết định vượt thẩm quyền được giao.

2.3 Kết quả giám sát lĩnh vực được phân công:

Với nhiệm vụ trọng tâm là giám sát mảng công nghệ, tôi tập trung vào các nội dung sau:

Giám sát tiến độ các Dự án đầu tư Công nghệ trọng điểm

- Dự án chiến lược: Đánh giá định kỳ tiến độ triển khai các dự án CNTT của VAB.
- Hiệu quả đầu tư: Giám sát việc sử dụng ngân sách đầu tư công nghệ, đảm bảo các chi phí được phê duyệt đúng quy trình và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn của cổ đông.

Giám sát An toàn hệ thống và Bảo mật dữ liệu

- Tuân thủ quy định: Kiểm tra việc thực thi các quy định về an toàn hệ thống thông tin theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Quản trị rủi ro công nghệ: Đánh giá tính sẵn sàng của các phương án dự phòng (DRS), phòng chống tấn công mạng và bảo vệ dữ liệu khách hàng. Tôi đã thúc đẩy việc rà soát định kỳ hệ thống để đảm bảo tính liên tục trong kinh doanh.

Chuyển đổi số và Trải nghiệm khách hàng

- Mô hình dịch vụ mới: Giám sát việc triển khai các mô hình giao dịch tự động, thông minh nhằm tăng năng suất lao động và giảm chi phí vận hành tại chi nhánh.
- Chiến lược dữ liệu: Đóng góp ý kiến vào lộ trình xây dựng trực dữ liệu tập trung, hỗ trợ mục tiêu trở thành ngân hàng dẫn đầu về trải nghiệm số vào năm 2030.

III. Kiến nghị và định hướng cho năm 2026:

Để nâng cao năng lực cạnh tranh, tối ưu hiệu quả hoạt động và đảm bảo phát triển bền vững trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ của ngành ngân hàng, tôi kiến nghị như sau:

3.1 Hoàn thiện nền tảng dữ liệu và thúc đẩy ứng dụng phân tích, trí tuệ nhân tạo

Đề nghị Ngân hàng đẩy nhanh lộ trình xây dựng nền tảng dữ liệu tập trung, đồng thời thiết lập khung quản trị dữ liệu (Data Governance) ở cấp toàn Ngân hàng, bao gồm phân định rõ trách nhiệm sở hữu dữ liệu, tiêu chuẩn chất lượng dữ liệu và cơ chế kiểm soát.

Trên nền tảng đó, từng bước triển khai các ứng dụng phân tích dữ liệu nâng cao và trí tuệ nhân tạo (AI) trong các lĩnh vực trọng yếu như chấm điểm tín dụng, phát hiện gian lận, cá nhân hóa sản phẩm dịch vụ và tối ưu hóa vận hành.

3.2 Tăng cường quản trị rủi ro công nghệ và an ninh thông tin ở cấp HĐQT

Trong bối cảnh rủi ro an ninh mạng ngày càng gia tăng, đề nghị HĐQT xem xét thiết lập cơ chế quản trị rủi ro công nghệ và an ninh thông tin ở cấp chiến lược, bao gồm:

Xây dựng khung quản trị rủi ro công nghệ (Cyber Risk Framework) gắn với khẩu vị rủi ro của Ngân hàng.

Thiết lập hệ thống báo cáo định kỳ về rủi ro công nghệ và an ninh mạng tới HĐQT

Tăng cường đầu tư vào các giải pháp bảo mật tiên tiến, đồng thời thường xuyên kiểm tra, diễn tập các kịch bản ứng phó sự cố nhằm đảm bảo tính liên tục trong hoạt động

3.3 Thúc đẩy các mô hình kinh doanh số và hệ sinh thái mở

Đề nghị Ngân hàng tiếp tục nghiên cứu, triển khai các mô hình kinh doanh số mới, bao gồm phát triển nền tảng API, Open Banking và hợp tác với các đối tác trong hệ sinh thái nhằm mở

rộng tệp khách hàng và gia tăng nguồn thu ngoài lãi. Việc xây dựng hệ sinh thái số cần được thực hiện có chọn lọc, gắn với chiến lược dài hạn và năng lực cốt lõi của Ngân hàng.

3.4 Nâng cao hiệu quả đầu tư công nghệ gắn với mục tiêu kinh doanh

Đề nghị HĐQT chỉ đạo xây dựng cơ chế đánh giá hiệu quả đầu tư công nghệ trên cơ sở gắn chặt với các chỉ tiêu kinh doanh cụ thể (như tăng trưởng khách hàng số, CASA, tỷ lệ chi phí/thu nhập – CIR, năng suất lao động).

Các dự án công nghệ cần được thiết kế với mục tiêu đầu ra rõ ràng, có cơ chế đo lường định kỳ và đánh giá hậu kiểm nhằm đảm bảo tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn.

3.5 Tối ưu hóa chi phí công nghệ và chuẩn hóa kiến trúc hệ thống

Đề nghị Ngân hàng thực hiện rà soát tổng thể chi phí công nghệ, bao gồm chi phí đầu tư và chi phí vận hành, nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Cần từng bước chuẩn hóa kiến trúc công nghệ, hạn chế tình trạng phân mảnh hệ thống, giảm phụ thuộc vào nhà cung cấp và nâng cao khả năng tích hợp, mở rộng trong tương lai.

Các kiến nghị nêu trên nhằm hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả quản trị, tối ưu hóa nguồn lực đầu tư, đồng thời thúc đẩy chuyển đổi số một cách bền vững, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và gia tăng giá trị cho cổ đông trong trung và dài hạn.

Kết luận: Tôi đánh giá cao nỗ lực của toàn hệ thống trong việc duy trì sự ổn định và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Hoạt động của HĐQT được tổ chức triển khai tuân thủ theo các quy định của Pháp luật hiện hành, điều lệ, quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT, chỉ đạo triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung tại Nghị quyết ĐHĐCĐ và các nội dung được ĐHĐCĐ ủy quyền. Tôi cam kết sẽ tiếp tục thực hiện vai trò giám sát độc lập một cách tận tâm để bảo vệ lợi ích cao nhất của quý Cổ đông.

Trân trọng cảm ơn!

TV ĐỘC LẬP HĐQT



Thái Nguyễn Hoàng Nhã

Số: 62/2026/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB);
- Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ của VAB đã được kiểm toán năm 2025.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 của VAB đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế (IAV). Một số chỉ tiêu chính như sau:

DVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	BCTC Hợp nhất	BCTC Riêng lẻ
1	Tổng tài sản	140.485.531.667.485	140.449.971.672.248
2	Dư nợ tín dụng	88.741.515.803.254	88.741.515.803.254
3	Tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá	104.038.768.392.602	104.131.332.659.904
4	Lợi nhuận trước thuế	1.645.801.881.770	1.611.454.644.297
5	Lợi nhuận sau thuế	1.319.999.834.944	1.292.522.044.966
6	Vốn điều lệ	8.163.606.720.000	8.163.606.720.000

(Đính kèm báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính riêng lẻ đã được kiểm toán năm 2025 của VAB và được đăng tải trên website của VAB theo quy định của pháp luật)

Trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua. /s/ *Chale*

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phuong Thành Long
Phuong Thành Long

TỜ TRÌNH

Về việc: Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính và Thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2027

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 (gọi chung là Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024);
- Căn cứ Thông tư số 51/2024/TT-NHNN ngày 29/11/2024 quy định về Kiểm toán độc lập đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Việt Á.

Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) kính trình Đại hội đồng Cổ đông VAB thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính và Thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2027, cụ thể như sau:

1. Bối cảnh.

- Theo Điều 59 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 quy định: “*Trước khi kết thúc năm tài chính, tổ chức tín dụng phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập đáp ứng yêu cầu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo*”.
- Theo Khoản 19 Điều 70 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần: “*Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát*”.

2. Nội dung Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua.

Từ các quy định Pháp luật nêu trên, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông VAB các nội dung cụ thể sau:

2.1 Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế (IAV) để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên, kiểm toán Báo cáo tài chính và Thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trong năm tài chính 2027

2.2 Trường hợp vì bất kỳ lý do gì, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế (IAV) không thể thực hiện được việc kiểm toán thì tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn là một trong các công ty kiểm toán sau đây xếp theo thứ tự ưu tiên:

- (1) Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
- (2) Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.
- (3) Công ty TNHH KPMG Việt Nam.
- (4) Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.
- (5) Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC.
- (6) Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông.
- HDQT, BKS.
- Lưu: VPHDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH




Phương Thành Long

Số: 67/2026/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v Niêm yết trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á phát hành ra công chúng

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 26/11/2019 (“Luật chứng khoán”);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán (“Nghị định 155”);
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155;
- Căn cứ Quyết định 22/QĐ-HĐTV ngày 16/3/2026 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế Niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB);

Hội đồng Quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc niêm yết trái phiếu VAB phát hành ra công chúng như sau:

1. Thông qua việc niêm yết trái phiếu do Ngân hàng TMCP Việt Á phát hành ra công chúng trong khoảng thời gian từ ngày hoàn thành tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên VAB năm 2026 đến ngày hoàn thành tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên VAB năm 2027 phù hợp với quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan;
2. Giao/ Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị toàn quyền quyết định và chỉ đạo tổ chức thực hiện các vấn đề liên quan đến việc niêm yết trái phiếu do VAB phát hành ra công chúng theo đúng quy định của pháp luật.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phượng Thành Long

TỜ TRÌNH

V/v: Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - Căn cứ Nghị định 135/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025;
 - Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
 - Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB);
 - Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất của VAB đã được kiểm toán;
- Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ):

1. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 của VAB như sau:

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Giá trị
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2025	1.645.801.881.770
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	325.802.046.826
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	1.319.999.834.944
4	Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (10% * [3])	131.999.983.494
5	Trích lập quỹ dự phòng tài chính (10% * ([3]-[4])) (*)	118.799.985.145
6	Trích lập quỹ phúc lợi (1% * [3])	13.199.998.349
7	Lợi nhuận còn lại sau thuế và trích quỹ năm 2025 [7] = ([3]-[4]-[5]-[6])	1.055.999.867.956

(*) Trích theo quy định tại Điều 26, Nghị định 135/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.

2. Giao/ ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận năm 2025 và phương án sử dụng lợi nhuận/các quỹ theo quy định của pháp luật, quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ của VAB.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Phương Thành Long

Số: 69/2026/TT-HDQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH**V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ VAB****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á**

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (sau đây gọi tắt là Nghị định 155/2020/NĐ-CP);
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (sau đây gọi tắt là Thông tư 116/2020/TT-BTC);
- Căn cứ Nghị định số 135/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Việt Á ("VAB").

Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ VAB, cụ thể như sau:

1. Mục đích sửa đổi và ban hành:

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành đến thời điểm hiện tại, căn cứ yêu cầu thực tiễn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức và hoạt động ngân hàng, do vậy việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VAB là cần thiết dựa trên các cơ sở:

- Đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn mới do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.
- Đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật liên quan đến Nghị định số 135/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/8/2025.

2. Nội dung văn bản sửa đổi, bổ sung và ban hành mới:

- Nội dung sửa đổi các Điều/Khoản của Điều lệ: theo nội dung tại Bảng so sánh Điều lệ 2026 và Dự thảo sửa đổi 2026 - đính kèm Tờ trình này.

3. Nội dung trình phê duyệt của Hội đồng Quản trị:

Từ các nội dung nêu trên, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung như sau:

- a. Phê duyệt thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ VAB;

- b. Chấp thuận giao Hội đồng Quản trị thực hiện các công việc như sau:
- (i) Ký ban hành Điều lệ VAB theo nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông 2026 thông qua tại cuộc họp;
 - (ii) Rà soát, điều chỉnh/cập nhật nội dung, ký ban hành Điều lệ VAB đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và/hoặc quyết định/chỉ đạo/chấp thuận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
 - (iii) Thực hiện công bố thông tin, đăng ký, thông báo cho các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật và thông báo cho các Cổ đông VAB tại trang thông tin điện tử chính thức (website) của VAB. Đối với nội dung này, Hội đồng Quản trị được quyền giao lại cho Tổng giám đốc VAB thực hiện.
- c. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027 các nội dung đã được cập nhật, bổ sung tại Điều lệ VAB 2026 (trong trường hợp có phát sinh).

Trân trọng kính trình.



Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH




Phường Thành Long

**BẢNG SO SÁNH ĐIỀU LỆ VAB
NĂM 2025 VÀ DỰ THẢO SỬA ĐỔI 2026**

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2025	Nội dung Dự thảo điều lệ 2026	Diễn giải
	Điều	Điểm - Khoản			
1.	Điều 1	Khoản 4	4. “Cổ đông sáng lập” là cổ đông góp vốn thành lập tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản điều lệ tổ chức và hoạt động đầu tiên của VAB.	4. “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.	Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020
2.		Khoản 7	7. “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi Cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của VAB sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ về tài chính.	7. “Cổ tức” là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác.”;	Sửa đổi phù hợp điểm a khoản 1 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp
3.		Khoản 13	13. “Người điều hành VAB” bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, <u>Giám đốc Khối Tài chính</u> , Giám đốc Chi nhánh và các chức danh tương đương các vị trí này theo quy định tại Điều lệ và các quy định nội bộ của VAB.	13. “Người điều hành VAB” bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh tương đương khác theo quy định tại Điều lệ và các quy định nội bộ do <u>Hội đồng Quản trị quy định</u> .	Sửa đổi, bổ sung phù hợp khoản 25 Điều 4 Luật Các TCTD 2024
4.		Khoản 14	14. “Người quản lý VAB” bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương khác và các quy định nội bộ của VAB.	14. “Người quản lý VAB” bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương khác <u>theo quy định tại Điều lệ của VAB</u> .	Sửa đổi, bổ sung phù hợp khoản 26 Điều 4 Luật Các TCTD 2024
5.		Khoản 19		Bổ sung 19. “Sổ đăng ký Người sở hữu chứng khoán” là sổ do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập khi quản lý chứng khoán	Bổ sung theo khoản 3 Điều 2 Thông tư 119/2020/TT-BTC



STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2025	Nội dung Dự thảo điều lệ 2026	Diễn giải
	Điều	Điểm - Khoản			
				đã đăng ký, có thể bằng văn bản hoặc dữ liệu điện tử lưu trữ thông tin về tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của VAB và tương đương như Sổ đăng ký cổ đông.	
6.		Khoản 2	2. Trụ sở chính của VAB: Địa chỉ: Tầng 4 và 5, tòa nhà Samsora Premier, số 105 đường Chu Văn An, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	2. Trụ sở chính của VAB: Địa chỉ: Tầng 4 và 5, tòa nhà Samsora Premier, số 105 đường Chu Văn An, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.	Cập nhật địa giới hành chính
7.	Điều 3	Khoản 4	4. VAB được thành lập Chi nhánh, Phòng Giao dịch, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trong và ngoài nước để thực hiện các nội dung và phạm vi hoạt động của VAB.	4. VAB được thành lập Chi nhánh, Phòng Giao dịch, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; thành lập và chuyển đổi hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, bao gồm chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài.	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với khoản 1 Điều 38 Luật Các TCTD 2024
8.	Điều 5			3. Người đại diện theo pháp luật của VAB đại diện cho VAB thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của VAB, đại diện cho VAB với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.	Bổ sung quy định quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật
9.	Điều 8	Khoản 11	11. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý: a) Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng;	11. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý: a) Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, <u>giao đại lý thanh toán theo quy định của Thống đốc NHNN;</u>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp Giấy phép theo Quyết định 2972/QĐ-QLGSS ngày

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2025	Nội dung Dự thảo điều lệ 2026	Diễn giải
	Điều	Điểm - Khoản			
10.		Khoản 12	12. VAB được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc NHNN: Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;	12. VAB được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc NHNN: Dịch vụ quản lý tiền mặt; Dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;	03/11/2025 về việc bổ sung nội dung hoạt động
11.		Khoản 6	6. Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây: a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;	6. Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây: a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, <u>chuyển tiền</u> , thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;	Bổ sung phù hợp điểm a khoản 6 Điều 107 Luật Các TCTD số 2024
12.		Khoản 8	8. Hoạt động vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá của VAB: a) VAB được vay NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Việt Nam.	8. Hoạt động vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá của VAB: a) VAB được vay NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của <u>Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</u> .	Bổ sung phù hợp điểm a khoản 1 Điều 108 Luật Các TCTD số 2024
13.	Điều 11	Khoản 1	1. Vốn điều lệ của VAB là: 5.399.600.430.000 đồng (Năm nghìn ba trăm chín mươi chín tỷ sáu trăm triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Tổng vốn điều lệ của VAB được chia thành 539.960.043 Cổ phần	1. Vốn điều lệ của VAB là: 8.163.606.720.000 đồng (Bằng chữ: Tám nghìn một trăm sáu mươi ba tỷ sáu trăm linh sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng vốn điều lệ của VAB được chia thành 816.360.672 Cổ phần	Sửa đổi, bổ sung phù hợp theo Quyết định số 3186/QĐ-NHNN ngày 18/9/2025 của NHNN Việt Nam v/v sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của VAB

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2025	Nội dung Dự thảo điều lệ 2026	Diễn giải
	Điều	Điểm - Khoản			
14.	Điều 12	Khoản 4	4. Vốn điều lệ của VAB có thể được tăng từ các nguồn sau: a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;	4. Vốn điều lệ của VAB có thể được tăng từ các nguồn sau: a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; <u>quỹ đầu tư phát triển</u>	Bổ sung phù hợp điểm b Khoản 1 Điều 19 TT 34/2024/TT-NHNN
15.	Điều 18	Khoản 1	1. Cổ phiếu là chứng chỉ do VAB phát hành hoặc là bút toán ghi sổ hoặc là dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số Cổ phần của VAB. Cổ phiếu có các nội dung chủ yếu sau đây : a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của VAB, <u>mã số doanh nghiệp</u>	1. Cổ phiếu là chứng chỉ do VAB phát hành hoặc là bút toán ghi sổ hoặc là dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số Cổ phần của VAB. Cổ phiếu có các nội dung chủ yếu sau đây : a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của VAB, <u>Giấy phép thành lập và hoạt động</u>	Sửa đổi phù hợp quy định về sử dụng giấy phép của TCTD theo Điều 27 Luật Các TCTD 2024
16.	Điều 20	Khoản 3	3. Trường hợp số lượng Cổ phần dự định phát hành không được Cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số Cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng Quản trị quản lý. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số Cổ phần đó cho Cổ đông của VAB hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có chấp thuận khác hoặc <u>Cổ phần được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán.</u>	3. Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại cho cổ đông của VAB và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.	Sửa đổi phù hợp Khoản 3 Điều 124 Luật Doanh nghiệp 2020
17.	Điều 24	Khoản 1	VAB có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây: 1. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần của từng loại đã được chào	VAB có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, <u>một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán</u> theo quy định sau đây: 1. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của	Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 133 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2025	Nội dung Dự thảo điều lệ 2026	Diễn giải
	Điều	Điểm - Khoản			
			bán trong 12 (mười hai) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại Cổ phần do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.	từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;	
18.	Điều 28	Khoản 2	2. Hội đồng Quản trị được quy định cụ thể cơ cấu, chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy điều hành, nhân sự (Khối/Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính) với thủ tục phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của VAB trong từng thời kỳ để bảo đảm hoạt động kinh doanh hiệu quả, an toàn trên cơ sở cơ cấu tổ chức quản lý đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua .	2. Hội đồng Quản trị được quy định cụ thể cơ cấu, chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy điều hành, nhân sự các đơn vị, chi nhánh, phòng giao dịch, công ty con... của VAB với thủ tục phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của VAB trong từng thời kỳ để bảo đảm hoạt động kinh doanh hiệu quả, an toàn trên cơ sở cơ cấu tổ chức quản lý đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	Điều chỉnh phù hợp hoạt động tại VAB
19.		Khoản 1	1. VAB phải lập và lưu giữ Sổ Cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ Cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.	1. Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.	
20.	Điều 29	Khoản 2	2. Sổ Cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của VAB; b) Tổng số Cổ phần được quyền chào bán, loại Cổ phần được quyền chào bán và số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại; c) Tổng số Cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn Cổ phần đã góp; d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy	Lược bỏ	Điều chỉnh phù hợp khi đã thực hiện đăng ký tập trung và niêm yết chứng khoán trên HOSE



STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2025	Nội dung Dự thảo điều lệ 2026	Diễn giải
	Điều	Điểm - Khoản			
			tờ pháp lý tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; e) Số lượng Cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký Cổ phần.		
21.		Khoản 3	3. Sổ đăng ký Cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của VAB hoặc tổ chức khác có chức năng lưu giữ Sổ đăng ký. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của mình trong Sổ đăng ký Cổ đông trong giờ làm việc của VAB hoặc tổ chức khác có chức năng lưu giữ Sổ đăng ký.	Lược bỏ	
22.	Điều 30	Khoản 4	4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số Cổ phần và thời điểm đăng ký Cổ phần của từng Cổ đông, tổng số Cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Cổ phần của VAB, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.	4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số Cổ phần và thời điểm đăng ký Cổ phần của từng Cổ đông, tổng số Cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Cổ phần của VAB, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho</u>	Sửa đổi phù hợp điểm a khoản 18 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2025	Nội dung Dự thảo điều lệ 2026	Diễn giải
	Điều	Điểm - Khoản			
				ơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.	
23.		Khoản 7	Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; danh sách ứng cử viên phải được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông gửi tới Hội đồng Quản trị theo thời hạn <u>trong thông báo yêu cầu đề cử, ứng cử của Hội đồng Quản trị gửi đến trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông</u> . Thời hạn lấy ý kiến các Cổ đông về việc đề cử, ứng cử nhân sự dự kiến thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.	Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; danh sách ứng cử viên phải được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông gửi tới Hội đồng Quản trị theo thời hạn <u>trong Thông báo yêu cầu đề cử, ứng cử của Hội đồng Quản trị đã gửi đến cổ đông</u> . Thời hạn lấy ý kiến các Cổ đông về việc đề cử, ứng cử nhân sự dự kiến thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.	Điều chỉnh nội dung phù hợp
24.	Điều 34	Khoản 1	b) Người được ủy quyền hoặc người được ủy quyền lại không được ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát với tư cách của chính mình.	Lược bỏ	Lược bỏ do đã có nội dung quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 30
25.	Điều 39	Khoản 3	3. VAB công bố thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông trên website của VAB và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của VAB niêm yết hoặc đăng ký giao dịch, và đồng thời, <u>gửi thông báo mời họp bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông theo quy định pháp luật</u>	3. VAB công bố thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông trên website của VAB và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của VAB niêm yết hoặc đăng ký giao dịch, và đồng thời, <u>gửi thông báo mời họp bằng phương thức bảo đảm và/hoặc bằng các phương thức điện tử để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông (bao gồm việc gửi thư điện tử, thư qua đường bưu điện hoặc phương thức phù hợp khác</u>	Điều chỉnh nội dung phù hợp



STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2025	Nội dung Dự thảo điều lệ 2026	Diễn giải
	Điều	Điểm - Khoản			
				theo quy định của VAB từng thời kỳ). Việc gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức và cách thức do Hội đồng quản trị quyết định, phù hợp quy định pháp luật và văn bản của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.	
26.	Điều 43	Khoản 3	<p>3. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, VAB sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền, mã vạch của Cổ đông (nếu có) và số Phiếu biểu quyết của Cổ đông đó cho một vấn đề hoặc nhóm vấn đề cần biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, số thẻ tán thành nghị quyết được đếm trước, số thẻ không tán thành nghị quyết và số phiếu không có ý kiến được đếm sau và cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu tán thành, phản đối hoặc không có ý kiến không hợp lệ đối với từng vấn đề. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, phiếu không hợp lệ và không có ý kiến đối với từng vấn đề sẽ được Chủ tọa thông báo trước khi bế mạc phiên họp.</p>	<p>3. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, VAB sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền, mã vạch của Cổ đông (nếu có) và số Phiếu biểu quyết của Cổ đông đó cho một vấn đề hoặc nhóm vấn đề cần biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, số thẻ tán thành nghị quyết được đếm trước, số thẻ không tán thành nghị quyết và số phiếu không có ý kiến được đếm sau và cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu tán thành, phản đối hoặc không có ý kiến không hợp lệ đối với từng vấn đề. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, phiếu không hợp lệ và không có ý kiến đối với từng vấn đề sẽ được Chủ tọa thông báo trước khi bế mạc phiên họp. <u>Hoặc các phương thức biểu quyết được quy định chi tiết tại Quy chế họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.</u></p>	Bổ sung đáp ứng linh hoạt Quy chế họp hàng năm

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2025	Nội dung Dự thảo điều lệ 2026	Diễn giải
	Điều	Điểm - Khoản			
27.	Điều 44	Khoản 2	2. ..Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được <u>địa chỉ thường trú (hoặc địa chỉ liên lạc khác mà Cổ đông đã đăng ký trước với VAB)</u> của từng Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (Mười) ngày trước ngày phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.	2. ..Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được <u>địa chỉ liên lạc</u> của từng Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (Mười) ngày trước ngày phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.	Thay đổi phù hợp quy định hiện hành của Luật Doanh nghiệp 2020
28.		Khoản 5	c) Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ , kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;	c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và <u>phương thức gửi phiếu biểu quyết</u> , kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;	Sửa đổi phù hợp Khoản 5 Điều 149 Luật Doanh nghiệp 2020
29.	Điều 45	Khoản 1	g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến ; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;	g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu <u>hợp lệ, không hợp lệ</u> , tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp	Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020
30.	Điều 50	Khoản 2	2. Hội đồng Quản trị phải có không ít hơn 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng Quản trị phải có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành VAB.	2. Hội đồng Quản trị phải có không ít hơn 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng Quản trị phải có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành VAB. <u>Trường hợp VAB có số thành viên Hội đồng</u>	Bổ sung đảm bảo phù hợp quy định tại Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2025	Nội dung Dự thảo điều lệ 2026	Diễn giải
	Điều	Điểm - Khoản			
				quản trị từ 09 (chín) đến 11 (mười một) thành viên phải có tối thiểu 03 thành viên độc lập.	
31.		Khoản 10	10. Hội đồng Quản trị được thành lập các Ủy ban, Hội đồng để giúp Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý Rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng Quản trị quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo quy định của Thống đốc NHNN. Nhiệm vụ Ủy ban Nhân sự bao gồm các công việc liên quan đến chính sách phát triển nhân sự, lương thưởng và nhiệm vụ khác theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. <u>Hội đồng Quản trị cử thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng, nhân sự. Tổ chức hoạt động của các Ủy ban trên được quy định cụ thể trong các Quy chế của VAB.</u>	10. Hội đồng Quản trị được thành lập các Ủy ban, Hội đồng để giúp Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý Rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng Quản trị quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo quy định của Thống đốc NHNN. Nhiệm vụ Ủy ban Nhân sự bao gồm các công việc liên quan đến chính sách phát triển nhân sự, lương thưởng và nhiệm vụ khác theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. <u>Tổ chức hoạt động của các Ủy ban trên được quy định cụ thể trong các Quy chế của VAB do Hội đồng Quản trị ban hành.</u>	Thay đổi phù hợp với thực tế hoạt động VAB
32.	Điều 51	Khoản 22	22. Trên cơ sở được Đại hội đồng cổ đông giao/phân quyền, Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của NHNN (trong danh sách các tổ chức kiểm toán do Ban Kiểm soát đề xuất và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua) để thực hiện kiểm toán các hoạt động của VAB trong năm tài chính tiếp theo trước khi kết thúc năm tài chính.	Lược bỏ	Lược bỏ đảm bảo phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 70 Luật Các TCTD 2024

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2025	Nội dung Dự thảo điều lệ 2026	Diễn giải
	Điều	Điểm - Khoản			
33.			22. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các <u>vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông</u> , trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.	22. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các <u>nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông</u> , trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.	Sửa đổi đảm bảo phù hợp quy định tại khoản 19 Điều 70 Luật Các TCTD 2024
34.		Khoản 1	1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành VAB trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, thành viên góp vốn trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ của VAB.	1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành VAB trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ của VAB.	Lược bỏ phù hợp mô hình hiện
35.	Điều 67	Khoản 2	2. Ban hành Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, <u>các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo</u> .	2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, <u>quy định nội bộ của VAB về kế toán, báo cáo</u> .	Sửa đổi đảm bảo phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Các TCTD 2024
36.		Khoản 5	5. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hàng năm của VAB, <u>bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện</u> . Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hằng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến	5. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hàng năm của VAB. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hằng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.	Sửa đổi đảm bảo phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 52 Luật Các TCTD 2024

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2025	Nội dung Dự thảo điều lệ 2026	Diễn giải
	Điều	Điểm - Khoản			
			của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.		
37.		Khoản 13	13. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của VAB; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của VAB khi xét thấy cần thiết.	Lược bỏ	Lược bỏ đảm bảo phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 70 Luật Các TCTD 2024
38.	Điều 53	Khoản 2	2. <u>Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu</u> Người điều hành VAB, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo.	2. <u>Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành VAB, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo</u>	Sửa đổi đảm bảo phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Các TCTD 2024
39.	Điều 62	Khoản 8	8. Ban hành theo thẩm quyền quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.	8. Ban hành theo thẩm quyền <u>quy chế</u> , quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.	Sửa đổi đảm bảo phù hợp quy định tại khoản 5 Điều 56 Luật Các TCTD 2024
40.		Khoản 11	11. Kiến nghị, đề xuất <u>cơ cấu tổ chức và hoạt động</u> của VAB trình Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo thẩm quyền.	11. Kiến nghị, đề xuất <u>cơ cấu tổ chức quản lý</u> của VAB trình Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo thẩm quyền.	Sửa đổi đảm bảo phù hợp quy định tại Khoản 8 Điều 56 Luật Các TCTD 2024
41.	CHƯƠNG XII		<u>NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC</u>	<u>TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC</u>	Sửa đổi phù hợp quy định hiện hành
42.	Điều 76		Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc <u>điều hành và</u>	Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và <u>người</u>	Sửa đổi phù hợp quy định hiện hành

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2025	Nội dung Dự thảo điều lệ 2026	Diễn giải
	Điều	Điểm - Khoản			
			<u>cán bộ</u> quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình...	<u>quản lý khác</u> có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình...	
43.	CHƯƠNG XIII		<u>QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ</u>	<u>QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ</u>	Sửa đổi phù hợp quy định hiện hành
44.		Khoản 2	2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và <u>cán bộ quản lý</u> có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ đông của VAB, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của VAB vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và <u>người quản lý</u> có quyền tra cứu sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của VAB, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của VAB vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	Sửa đổi phù hợp quy định hiện hành
45.	Điều 82	Khoản 3	3. VAB sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp và nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký doanh nghiệp được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.	3. VAB sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp và nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký doanh nghiệp được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.	Bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 49 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC
46.	Điều 84	Khoản 9	9. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của VAB. Căn cứ theo ngày đó,	9. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị có thể thông qua nghị quyết, xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó,	Sửa đổi, bổ sung phù hợp quy định tại khoản 5 Điều 51 Điều lệ mẫu

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2025	Nội dung Dự thảo điều lệ 2026	Diễn giải
	Điều	Điểm - Khoản			
			những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan. Cổ tức trả cho Cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại Cổ phần ưu đãi.	những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.	ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
47.	CHƯƠNG XVI		TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	Sửa đổi phù hợp quy định hiện hành
48.	Điều 86	Khoản 1	<p>1. Lợi nhuận của VAB sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phân lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:</p> <p>a) Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).</p> <p>...</p> <p>d) Trích 10% vào Quỹ dự phòng tài chính.</p> <p>e) Lợi nhuận còn lại được phân phối tiếp cho việc trích vào các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ chia cổ tức</p>	<p>1. Lợi nhuận của VAB sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phân lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:</p> <p>a) Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo các giao dịch, hợp đồng đã ký kết (nếu có).</p> <p>d) Phần lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại điểm a, điểm b, điểm c Khoản này được phân phối theo thứ tự sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; - Lợi nhuận còn lại được phân phối tiếp cho việc trích vào các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ chia cổ tức 	Sửa đổi theo quy tại Nghị định số 135/2025/NĐ-CP về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2025	Nội dung Dự thảo điều lệ 2026	Diễn giải
	Điều	Điểm - Khoản			
		 do Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm. do Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm.	có hiệu lực từ ngày 01/08/2025
49.	CHƯƠNG XVIII	MỤC 1	KIỂM TOÁN NỘI BỘ	KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP, KIỂM TOÁN NỘI BỘ	Sửa đổi phù hợp quy định hiện hành
50.	Điều 97	Khoản 1	1. Trước khi kết thúc năm tài chính, VAB phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của NHNN để kiểm toán các hoạt động của mình trong năm tài chính tiếp theo.	1. Trước khi kết thúc năm tài chính, VAB phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập đáp ứng yêu cầu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo.	Sửa đổi đảm bảo phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 59 Luật Các TCTD 2024
51.	CHƯƠNG XX		CAN THIỆP SỚM, KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, PHÁ SẢN, GIẢI THỂ THANH LÝ	CAN THIỆP SỚM, KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, GIẢI THỂ, GIA HẠN, THANH LÝ	Sửa đổi phù hợp quy định hiện hành
52.	Điều 109		1. VAB được vay đặc biệt của NHNN, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác trong các trường hợp sau đây: a) Để hỗ trợ thanh khoản khi VAB có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống trong thời gian VAB được kiểm soát đặc biệt, bao gồm cả trường hợp VAB đang thực hiện phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt;	1. Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt bằng nguồn tiền từ thực hiện chức năng của ngân hàng trung ương về phát hành tiền trong các trường hợp sau: a) VAB bị rút tiền hàng loạt và khi VAB được kiểm soát đặc biệt để chi trả tiền gửi cho người gửi tiền; b) VAB khi được kiểm soát đặc biệt để thực hiện phương án phục hồi đã được phê duyệt; c) VAB khi được kiểm soát đặc biệt để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt; 2. Tổ chức tín dụng khác (trừ Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam) cho vay đặc biệt trong các trường hợp sau:	Sửa đổi, bổ sung nội dung theo Thông tư 35/2025/TT-NHNN

STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2025	Nội dung Dự thảo điều lệ 2026	Diễn giải
	Điều	Điểm - Khoản			
			<p>b) Để hỗ trợ phục hồi theo phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.</p> <p>2. Khoản vay đặc biệt được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác, kể cả các khoản nợ có tài sản bảo đảm của VAB trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Khi đến hạn trả nợ, trừ trường hợp trong thời gian phương án cơ cấu lại chưa được phê duyệt hoặc trường hợp thay đổi phương án cơ cấu lại nhưng chưa được phê duyệt;</p> <p>b) Khi giải thể, phá sản tổ chức tín dụng.</p>	<p>a) VAB bị rút tiền hàng loạt để chi trả tiền gửi cho người gửi tiền;</p> <p>b) VAB được kiểm soát đặc biệt để thực hiện phương án phục hồi đã được phê duyệt;</p> <p>c) VAB được kiểm soát đặc biệt để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.</p>	
53.	CHƯƠNG XX	Mục 2	PHÁ SẢN, GIẢI THỂ, THANH LÝ	GIẢI THỂ, GIA HẠN, THANH LÝ	Sửa đổi phù hợp quy định hiện hành
54.	Điều 113		<p>1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của VAB hoặc sau khi có quyết định giải thể, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên VAB hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được</p>	<p>1. Khi giải thể, chấm dứt hoạt động theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, VAB phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của NHNN và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.</p> <p>2. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản của VAB bị giải thể, nếu phát hiện VAB không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, NHNN quyết định chấm dứt thanh lý tài sản và thực hiện phương án phá sản tổ</p>	Sửa đổi đảm bảo phù hợp quy định tại Điều 204 Luật Các TCTD 2024



STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2025	Nội dung Dự thảo điều lệ 2026	Diễn giải
	Điều	Điểm - Khoản			
			<p>VAB ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của VAB.</p> <p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt VAB trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý VAB trước Toà án và các cơ quan hành chính.</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a) Các khoản chi phí thanh lý, lương, trợ cấp cho người lao động, khoản nợ, thuế và các khoản chi phí khác với thứ tự ưu tiên theo quy định pháp luật;</p> <p>b) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ tại mục (a) trên đây được phân chia cho các Cổ đông. Các Cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</p>	<p>chức tín dụng theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng</p> <p>3. VAB có trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản.</p>	
55.	Điều 114	Khoản 1	<p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của VAB hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay <u>các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định</u>, giữa:</p>	<p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của VAB hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp <u>hoặc các quy định pháp luật hiện hành khác</u>, giữa:</p>	Sửa đổi phù hợp quy định hiện hành



STT	Điều khoản sửa đổi chính		Nội dung Điều lệ 2025	Nội dung Dự thảo điều lệ 2026	Diễn giải
	Điều	Điểm - Khoản			
			<p>a) Cổ đông với VAB; hoặc</p> <p>b) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc hay chức danh quản lý khác theo quy định của VAB.</p> <p>Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định một <u>chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài</u> cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p>	<p>a) Cổ đông với VAB; hoặc</p> <p>b) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc hay chức danh quản lý khác theo quy định của VAB.</p> <p>Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định <u>chuyên gia độc lập để hành động với tư cách làm trung gian hòa giải</u> cho quá trình giải quyết tranh chấp</p>	

Tất cả các nội dung sửa đổi được trình bày toàn văn theo Dự thảo Điều lệ 2026 đính kèm

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á
VIETNAM - ASIA COMMERCIAL JOINT STOCK BANK



VIET A BANK

ĐIỀU LỆ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á

NĂM 2026

MỤC LỤC

Điều 1.	Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ.....	2
Điều 2.	Áp dụng dẫn chiếu.....	4
Điều 3.	Tên, địa chỉ trụ sở chính của VAB.....	4
Điều 4.	Thời hạn hoạt động.....	5
Điều 5.	Người đại diện theo pháp luật của VAB.....	5
Điều 6.	Hình thức hoạt động.....	5
Điều 7.	Mục tiêu hoạt động.....	5
Điều 8.	Nội dung và phạm vi hoạt động.....	6
Điều 9.	Góp vốn, mua Cổ phần.....	8
Điều 10.	Bảo đảm an toàn trong hoạt động.....	9
Điều 11.	Vốn điều lệ của VAB.....	9
Điều 12.	Thay đổi Vốn điều lệ.....	9
Điều 13.	Vốn hoạt động của VAB.....	10
Điều 14.	Sử dụng vốn, tài sản.....	11
Điều 15.	Tỷ lệ bảo đảm an toàn.....	11
Điều 16.	Các loại Cổ phần.....	11
Điều 17.	Tỷ lệ sở hữu Cổ phần.....	12
Điều 18.	Cổ phiếu.....	13
Điều 19.	Chứng chỉ chứng khoán khác.....	14
Điều 20.	Chào bán Cổ phần.....	14
Điều 21.	Chuyển nhượng Cổ phần.....	15
Điều 22.	Thu hồi Cổ phần.....	15
Điều 23.	Mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông.....	16
Điều 24.	Mua lại Cổ phần theo quyết định của VAB.....	16
Điều 25.	Điều kiện thanh toán và xử lý các Cổ phần được mua lại.....	17
Điều 26.	Thừa kế Cổ phần.....	17
Điều 27.	Phát hành trái phiếu.....	18
Điều 28.	Cơ cấu tổ chức quản lý.....	18
Điều 29.	Đăng ký Cổ đông và xác lập danh sách Cổ đông.....	19
Điều 30.	Quyền của Cổ đông.....	19
Điều 31.	Nghĩa vụ của Cổ đông VAB.....	22
Điều 32.	Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 33.	Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	24

Điều 34.	Các đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 35.	Thay đổi các quyền.....	27
Điều 36.	Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 37.	Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 38.	Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.....	30
Điều 39.	Mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	31
Điều 40.	Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	31
Điều 41.	Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	32
Điều 42.	Thê thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	32
Điều 43.	Thê thức biểu quyết thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	34
Điều 44.	Thẩm quyền và thê thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	36
Điều 45.	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	38
Điều 46.	Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	39
Điều 47.	Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	39
Điều 48.	Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.....	40
Điều 49.	Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, không cùng đảm nhiệm chức vụ.....	41
Điều 50.	Hội đồng Quản trị và cơ cấu Hội đồng Quản trị.....	43
Điều 51.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị.....	44
Điều 52.	Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	47
Điều 53.	Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị.....	48
Điều 54.	Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị.....	49
Điều 55.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị.....	50
Điều 56.	Dương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên Hội đồng Quản trị....	50
Điều 57.	Người phụ trách quản trị VAB.....	51
Điều 58.	Họp Hội đồng Quản trị.....	52
Điều 59.	Biên bản họp Hội đồng Quản trị.....	54
Điều 60.	Thẩm quyền và thê thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.....	55
Điều 61.	Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc.....	57
Điều 62.	Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....	57
Điều 63.	Tiền lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc.....	58
Điều 64.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc.....	58
Điều 65.	Dương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.....	59
Điều 66.	Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban Kiểm soát.....	60
Điều 67.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.....	61

Điều 68.	Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát.....	62
Điều 69.	Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát.....	63
Điều 70.	Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát.....	63
Điều 71.	Tiền lương và các quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát.....	64
Điều 72.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát.....	64
Điều 73.	Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	64
Điều 74.	Cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản của Ban Kiểm soát.....	66
Điều 75.	Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát.....	68
Điều 76.	Trách nhiệm cần trọng.....	68
Điều 77.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	68
Điều 78.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	69
Điều 79.	Công khai lợi ích khác.....	70
Điều 80.	Quyền và nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành VAB.....	71
Điều 81.	Giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị chấp thuận.....	72
Điều 82.	Quyền tiếp cận thông tin, kiểm tra sổ sách và hồ sơ.....	73
Điều 83.	Người lao động và công đoàn.....	74
Điều 84.	Trả cổ tức.....	74
Điều 85.	Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	76
Điều 86.	Trích lập các quỹ.....	76
Điều 87.	Tài khoản ngân hàng.....	76
Điều 88.	Chế độ tài chính.....	77
Điều 89.	Năm tài chính.....	77
Điều 90.	Hệ thống kế toán.....	77
Điều 91.	Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	77
Điều 92.	Báo cáo thường niên.....	77
Điều 93.	Báo cáo.....	77
Điều 94.	Công khai báo cáo tài chính.....	78
Điều 95.	Thông tin.....	78
Điều 96.	Bảo mật thông tin.....	79
Điều 97.	Kiểm toán độc lập.....	79
Điều 98.	Bộ phận kiểm toán nội bộ.....	79
Điều 99.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh của kiểm toán nội bộ.....	80
Điều 100.	Thiết lập và duy trì hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.....	80
Điều 101.	Bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách.....	80
Điều 102.	Con dấu.....	81
Điều 103.	Xây dựng phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm.....	81

Điều 104.	Các trường hợp VAB có thể bị áp dụng can thiệp sớm.....	81
Điều 105.	Chấm dứt can thiệp sớm.....	82
Điều 106.	Báo cáo về trường hợp bị rút tiền hàng loạt.....	82
Điều 107.	Các trường hợp VAB có thể được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt.....	82
Điều 108.	Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc khi VAB trong tình trạng kiểm soát đặc biệt.....	83
Điều 109.	Khoản vay đặc biệt.....	83
Điều 110.	Chấm dứt kiểm soát đặc biệt.....	83
Điều 111.	Giải thể và chấm dứt hoạt động.....	84
Điều 112.	Gia hạn hoạt động.....	84
Điều 113.	Thanh lý.....	85
Điều 114.	Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	85
Điều 115.	Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.....	85
Điều 116.	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....	86
Điều 117.	Điều khoản thi hành.....	86



ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á

PHẦN MỞ ĐẦU

Ngân hàng TMCP Việt Á là ngân hàng thương mại cổ phần được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật nhằm mục tiêu lợi nhuận theo quy định của pháp luật, phục vụ nhân dân và các thành phần kinh tế, góp phần phát triển kinh tế của Việt Nam.

Điều lệ này bao gồm 22 Chương, 117 Điều, soạn thảo và ban hành theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính và các quy định khác có liên quan, phù hợp với hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Á.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số .../2026/NQ-DHDCD của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á tại phiên họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á tổ chức ngày .../4/2026 và ban hành theo Nghị quyết số .../2026/NQ-HĐQT ngày .../.../2026 của Hội đồng Quản trị. Điều lệ này có hiệu lực từ ngày .../.../2026. Các phụ lục và các văn bản sửa đổi Điều lệ (nếu có) là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.



CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ

1. “**VAB**” nghĩa là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á.
2. “**Cổ đông**” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một Cổ phần đã phát hành của VAB.
3. “**Cổ đông lớn**” là Cổ đông của VAB sở hữu từ 05% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VAB, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.
4. “**Cổ đông sáng lập**” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.
5. “**Cổ phần**” là Vốn điều lệ của VAB được chia thành các phần bằng nhau, mỗi phần có giá trị là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).
6. “**Cổ phiếu**” là chứng chỉ do VAB phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số Cổ phần của VAB. Cổ phiếu của VAB có thể là cổ phiếu ghi tên hay cổ phiếu không ghi tên theo quy định của Điều lệ này.
7. “**Cổ tức**” là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác.
8. “**Công ty con**” của VAB là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a) VAB hoặc VAB và người có liên quan của VAB sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 50% (năm mươi phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó;
 - b) VAB có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty đó;
 - c) VAB có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.
 - d) VAB hoặc VAB và người có liên quan của VAB trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên của công ty đó.
9. “**Công ty liên kết**” của VAB là Công ty mà VAB hoặc VAB và người có liên quan của VAB sở hữu trên 11% (mười một phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 11% (mười một phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của VAB.
10. “**Luật Các tổ chức tín dụng**” có nghĩa là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024, và các văn bản luật sửa đổi, bổ sung Luật này.
11. “**Luật Doanh nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản luật sửa đổi, bổ sung Luật này.

12. **“Người có liên quan”** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hiện hành.
13. **“Người điều hành VAB”** bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh tương đương khác theo quy định tại Điều lệ và các quy định nội bộ do Hội đồng Quản trị quy định.
14. **“Người quản lý VAB”** bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương khác theo quy định tại Điều lệ của VAB.
15. **“Người nội bộ VAB”** bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin;
16. **“NHNN”** là chữ viết tắt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
17. **“Pháp luật”** có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị định, thông tư, quyết định và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng.
18. **“Sổ đăng ký cổ đông”** là một tài liệu bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử hoặc bằng cả hai hình thức là văn bản và dữ liệu điện tử có chứa các nội dung chủ yếu theo quy định của NHNN và các quy định pháp luật khác có liên quan.
19. **“Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán”** là sổ do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập khi quản lý chứng khoán đã đăng ký, có thể bằng văn bản hoặc dữ liệu điện tử lưu trữ thông tin về tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của VAB và tương đương như Sổ đăng ký cổ đông.
20. **“Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị”** là thành viên của Hội đồng Quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp luật và tại Điều lệ này.
21. **“Thời hạn hoạt động”** có nghĩa là khoảng thời gian mà VAB được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho đến khi VAB chấm dứt hoạt động theo các quy định pháp luật có liên quan. VAB có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định bằng văn bản của Đại hội đồng cổ đông và sự chấp thuận bằng văn bản của NHNN.
22. **“Tổ chức lại”** là việc VAB bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản”.
23. **“Việt Nam”** có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
24. **“Vốn điều lệ”** là tổng mệnh giá cổ phần của VAB đã bán cho cổ đông.
25. **“Giấy tờ pháp lý của cá nhân”** là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, thẻ Căn cước, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

26. “Giấy tờ pháp lý của tổ chức” là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.
27. “VSDC” là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 2. Áp dụng dẫn chiếu

1. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những văn bản, quy định sửa đổi, bổ sung hoặc các văn bản pháp luật khác thay thế các quy định, văn bản pháp luật được dẫn chiếu.
2. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ,

THỜI HẠN, HÌNH THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA VAB

Điều 3. Tên, địa chỉ trụ sở chính của VAB

1. Tên của Ngân hàng:
 - a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á.
 - b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Ngân hàng Việt Á.
 - c) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Vietnam - Asia Commercial Joint Stock Bank.
 - d) Tên viết tắt bằng tiếng Anh: VAB.
 - e) Tên nhận diện thương hiệu đã được bảo hộ: VIETABANK
2. Trụ sở chính của VAB:

Địa chỉ: Tầng 4 và 5, tòa nhà Samsora Premier, số 105 đường Chu Văn An, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (024) 39 333 636 Fax: (024) 39 336 426

Website: www.vietabank.com.vn
3. VAB có quyền chuyển một hoặc một số bộ phận không giao dịch trực tiếp với khách hàng thuộc trụ sở chính sang địa điểm khác nằm ngoài trụ sở chính phù hợp với các điều kiện theo quy định của pháp luật.
4. VAB được thành lập Chi nhánh, Phòng Giao dịch, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; thành lập và chuyển đổi hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, bao gồm chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài.
5. VAB được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết trong và ngoài nước để hoạt động trong các lĩnh vực theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện các mục tiêu của VAB phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.

Điều 4. Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của VAB là 99 (chín mươi chín) năm kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. VAB có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được NHNN chấp thuận.

Điều 5. Người đại diện theo pháp luật của VAB

1. VAB có một Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định và gửi thông báo tới NHNN trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm chức danh đảm nhiệm người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ.¹
2. Người đại diện theo pháp luật của VAB phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là Người quản lý, Người điều hành của VAB đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.²
3. Người đại diện theo pháp luật của VAB đại diện cho VAB thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của VAB, đại diện cho VAB với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Hình thức hoạt động

1. VAB thuộc loại hình Ngân hàng thương mại được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân theo quy định của Pháp luật.
2. VAB có con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại NHNN, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của NHNN.
3. VAB áp dụng Bảng cân đối kế toán và trích lập các Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.

**CHƯƠNG III
MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG**

Điều 7. Mục tiêu hoạt động

1. Mục tiêu của VAB là trở thành một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam với chất lượng dịch vụ hoàn hảo dựa trên hệ thống công nghệ hiện đại, lực lượng nhân sự có trình độ chuyên môn cao, tạo ra mức lợi nhuận cao nhất cho các Cổ đông, tạo việc làm ổn định và ngày càng phát triển cho người lao động, đóng góp tích cực cho ngân sách Nhà nước, cho sự phát triển chung của nền kinh tế Việt Nam và lợi ích của cộng đồng xã hội.
2. Lĩnh vực kinh doanh của VAB là hoạt động tài chính, ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật hiện

¹ Điều 11.3 Luật các TCTD năm 2024.

² Điều 11.2 Luật các TCTD năm 2024.



hành có liên quan. Nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của VAB được ghi trong Giấy phép hoặc văn bản khác do NHNN cấp cho VAB.

3. Định vị thương hiệu VIETABANK - Đồng hành cùng khát vọng.

Điều 8. Nội dung và phạm vi hoạt động³

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chi tiền gửi.
3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a) Cho vay;
 - b) Chiết khấu, tái chiết khấu;
 - c) Bảo lãnh ngân hàng;
 - d) Phát hành thẻ tín dụng;
 - đ) Bao thanh toán trong nước;
 - e) Thư tín dụng;
 - f) Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc NHNN.
4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.
6. Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:
 - a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
 - b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc NHNN.
7. Mở tài khoản của VAB:
 - a) Mở tài khoản thanh toán tại NHNN và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản này;
 - b) Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản;
 - c) Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
8. Hoạt động vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá của VAB:
 - a) VAB được vay NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - b) VAB được mua, bán giấy tờ có giá với NHNN theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - c) VAB được cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc NHNN.
 - d) VAB được vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

³ Từ Điều 107 đến Điều 114 Luật các TCTD năm 2024.



9. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán:

- a) Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
- b) VAB được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

10. VAB được kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm sau đây:

- a) Ngoại hối;
- b) Các hoạt động khác sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

11. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý:

- a) Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Thống đốc NHNN;
- b) Hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc NHNN.

12. VAB được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc NHNN:

- a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; Dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
- b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;
- c) Mua, bán tín phiếu NHNN, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại điểm a khoản 13 Điều này;
- d) Dịch vụ môi giới tiền tệ;
- e) Kinh doanh vàng;
- f) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép.

13. VAB được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan:

- a) Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- b) Phát hành trái phiếu;
- c) Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;
- d) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

14. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.

15. Mua nợ.
16. Ví điện tử.
17. Các hoạt động khác theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, quy định của NHNN, quy định khác của pháp luật có liên quan.
18. Nội dung, phạm vi hoạt động của VAB được ghi nhận cụ thể theo Giấy phép hoạt động do NHNN cấp đồng thời hoạt động của VAB có thể được điều chỉnh theo giấy phép hoạt động, các quy định pháp luật, quy định, hướng dẫn của NHNN trong từng thời kỳ.

Điều 9. Góp vốn, mua Cổ phần⁴

1. VAB chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 9.2, Điều 9.3, Điều 9.4 và Điều 9.7 của Điều lệ này và tuân thủ các giới hạn theo quy định của pháp luật để bảo đảm an toàn trong hoạt động đầu tư, góp vốn.
2. VAB phải thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết khi thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:
 - a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;
 - b) Cho thuê tài chính;
 - c) Bảo hiểm.
3. VAB được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
4. VAB được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:
 - a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
 - b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
5. VAB thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại Điều 9.2 và Điều 9.3 sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
6. Điều kiện, thủ tục và trình tự thành lập công ty con, công ty liên kết của VAB thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
7. VAB, công ty con của VAB được mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của NHNN.

⁴ Điều 111 Luật các TCTD năm 2024.



8. VAB, công ty con của VAB không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng sau đây:
- Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông, thành viên góp vốn của VAB;
 - Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là người có liên quan của cổ đông lớn, thành viên góp vốn của VAB.
9. Hội đồng Quản trị có thẩm quyền ban hành quy định cụ thể hóa các nội dung liên quan đến góp vốn, mua cổ phần, đầu tư ra ngoài VAB quy định tại Điều này, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật có liên quan và điều kiện thực tế của VAB.

Điều 10. Bảo đảm an toàn trong hoạt động

Trong quá trình hoạt động, VAB phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN, thực hiện phân loại tài sản “Cố” và trích lập dự phòng để xử lý các rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG

PHƯƠNG THỨC GÓP, TẶNG, GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 11. Vốn điều lệ của VAB

- Vốn điều lệ của VAB là: 8.163.606.720.000 đồng (Bằng chữ: Tám nghìn một trăm sáu mươi ba tỷ sáu trăm linh sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng vốn điều lệ của VAB được chia thành 816.360.672 Cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/một Cổ phần.
- Vốn điều lệ của VAB đã được các Cổ đông thực góp như ghi trong Điều lệ này của VAB.
- Vốn điều lệ của VAB được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
- Trong quá trình hoạt động, VAB phải đảm bảo duy trì giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật. Khi có sự thay đổi vốn điều lệ, VAB phải công bố công khai số vốn điều lệ mới.

Điều 12. Thay đổi Vốn điều lệ

- Việc thay đổi Vốn điều lệ của VAB phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Văn bản chấp thuận việc thay đổi mức vốn điều lệ của VAB có hiệu lực trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký. Trường hợp việc tăng vốn điều lệ chưa hoàn tất trong thời hạn cho phép, nếu Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thay đổi phương án tăng vốn điều lệ đã được NHNN chấp thuận, văn bản trên hết hiệu lực pháp lý.
- Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của NHNN.
- Sau khi đã hoàn tất việc thay đổi mức Vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của các cơ quan quản lý nhà nước, VAB phải có văn bản báo cáo NHNN về kết quả thực hiện thay đổi mức vốn điều lệ.

4. Vốn điều lệ của VAB có thể được tăng từ các nguồn sau:
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; quỹ đầu tư phát triển;
 - Quỹ thặng dư vốn Cổ phần; lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;
 - Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ;
 - Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;
 - Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.
5. VAB có thể giảm vốn điều lệ trong các trường hợp sau:
- VAB mua lại và hủy bỏ số lượng Cổ phần có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến được điều chỉnh giảm;
 - VAB thu hồi và hủy bỏ số lượng cổ phiếu quỹ có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến điều chỉnh giảm;
 - Các hình thức khác phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 13. Vốn hoạt động của VAB³

1. Vốn chủ sở hữu bao gồm:
- Vốn điều lệ;
 - Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá;
 - Thặng dư vốn cổ phần;
 - Các quỹ: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính;
 - Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối, lỗ lũy kế chưa xử lý;
 - Vốn khác thuộc sở hữu hợp pháp của VAB.
2. Vốn huy động bao gồm:
- Vốn huy động tiền gửi của các tổ chức và cá nhân;
 - Vốn vay các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong và ngoài nước;
 - Vốn vay NHNN;
 - Vốn huy động thông qua phát hành các giấy tờ có giá;
 - Vốn nhận ủy thác đầu tư.
3. Vốn khác theo quy định của pháp luật.

³ Điều 4 Nghị định số 135/2025/NĐ-CP về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước.

Điều 14. Sử dụng vốn, tài sản⁶

1. VAB được quyền thay đổi cơ cấu vốn, tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.
2. VAB sử dụng vốn hoạt động để kinh doanh theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật khác có liên quan, đảm bảo nguyên tắc an toàn và phát triển vốn.
3. VAB được mua, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán. VAB phải chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư, xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.
4. Việc điều động vốn, tài sản giữa các chi nhánh của VAB được thực hiện theo quy định nội bộ của VAB và quy định pháp luật.

Điều 15. Tỷ lệ bảo đảm an toàn⁷

1. VAB phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:
 - a) Tỷ lệ khả năng chi trả;
 - b) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ;
 - c) Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;
 - d) Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;
 - e) Tỷ lệ bảo đảm an toàn khác.
2. VAB khi tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia phải ký quỹ tiền tại NHNN, nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của Thống đốc NHNN trong từng thời kỳ.
3. Tổng số vốn của VAB đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, công ty con của VAB dưới hình thức góp vốn, mua Cổ phần và các khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua Cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán không được tính vào vốn tự có khi tính các tỷ lệ bảo đảm an toàn.

CHƯƠNG V

CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Điều 16. Các loại Cổ phần⁸

1. Mỗi Cổ phần của VAB có mệnh giá là 10.000 đồng (mười nghìn đồng). Số lượng Cổ phần của VAB bằng vốn điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần.
2. Toàn bộ Cổ phần của VAB vào ngày thông qua Điều lệ này là Cổ phần phổ thông.

⁶ Điều 5 Nghị định số 135/2025/NĐ-CP

⁷ Điều 138 Luật các TCTD 2024

⁸ Điều 60 Luật các TCTD 2024.



3. VAB có Cổ phần phổ thông. Người sở hữu Cổ phần phổ thông là Cổ đông phổ thông.
4. VAB có thể có Cổ phần ưu đãi là Cổ phần ưu đãi cổ tức hoặc Cổ phần ưu đãi biểu quyết. Cổ phần ưu đãi cổ tức là Cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của Cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của VAB và chỉ được trả khi VAB có lãi. Trường hợp VAB kinh doanh thua lỗ hoặc có lãi nhưng không đủ để chia cổ tức cố định thì cổ tức cố định trả cho Cổ phần ưu đãi cổ tức được cộng dồn vào các năm tiếp theo. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được ghi trên cổ phiếu của Cổ phần ưu đãi cổ tức. Tổng giá trị mệnh giá của Cổ phần ưu đãi cổ tức tối đa bằng 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB.

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý, Người điều hành khác⁹ của VAB không được mua Cổ phần ưu đãi cổ tức do VAB phát hành. Người được mua và số lượng Cổ phần ưu đãi cổ tức được mua do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền và nghĩa vụ như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

5. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành Cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành Cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
6. VAB luôn bảo đảm duy trì tối thiểu 100 (một trăm) Cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trừ trường hợp VAB được kiểm soát đặc biệt hoặc đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc quy định của pháp luật.
7. VAB có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo trình tự và thủ tục phù hợp với các quy định của pháp luật.
8. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua Cổ phần của VAB theo hướng dẫn của NHNN và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 17. Tỷ lệ sở hữu Cổ phần¹⁰

1. Một Cổ đông là cá nhân không được sở hữu cổ phần vượt quá 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ của VAB.
2. Một Cổ đông là tổ chức không được sở hữu cổ phần vượt quá 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ của VAB.
3. Cổ đông và người có liên quan của Cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 15% (mười lăm phần trăm) vốn điều lệ của VAB. Cổ đông lớn của VAB và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng

⁹ Người điều hành khác được hiểu là những Người điều hành (theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Điều lệ VAB) còn lại ngoài Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VAB.

¹⁰ Điều 63 Luật Các TCTD năm 2024;

- khác và ngược lại Cổ đông lớn của tổ chức tín dụng khác và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên của VAB.
4. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:
 - a) Sở hữu cổ phần tại công ty con, công ty liên kết là tổ chức tín dụng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Điều lệ;
 - b) Sở hữu cổ phần nhà nước tại tổ chức tín dụng cổ phần hóa;
 - c) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 7 Điều này.
 5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 1 của Điều lệ.
 6. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu Cổ phần quy định pháp luật.
 7. Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của VAB theo quy định pháp luật liên quan.

Điều 18. Cổ phiếu¹¹

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do VAB phát hành hoặc là bút toán ghi sổ hoặc là dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số Cổ phần của VAB. Cổ phiếu có các nội dung chủ yếu sau đây¹²:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của VAB, Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - b) Số lượng Cổ phần và loại Cổ phần;
 - c) Mệnh giá mỗi Cổ phần và tổng mệnh giá số Cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của Cổ đông là cá nhân. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của Cổ đông là tổ chức;
 - e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của VAB;
 - f) Số đăng ký tại sổ đăng ký Cổ đông của VAB và ngày phát hành cổ phiếu;
 - g) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của Cổ phần ưu đãi.
2. Quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu VAB không bị ảnh hưởng trong trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu phát hành do lỗi của VAB. Người đại diện theo pháp luật của VAB chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót nêu trên gây ra cho VAB.

¹¹ Điều 121 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

¹² Điều 121 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì Cổ đông được VAB cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của Cổ đông đó. Đề nghị của Cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin Cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác.
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
4. Cổ phiếu của VAB không được sử dụng để làm tài sản bảo đảm tại chính VAB.
5. Trường hợp VAB phát hành cổ phiếu mới để tăng vốn điều lệ, VAB thực hiện phát hành Giấy chứng nhận cổ phiếu cho các Cổ đông chưa lưu ký.

Điều 19. Chứng chỉ chứng khoán khác¹³

Chứng chỉ chứng khoán của VAB được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật, con dấu của VAB và các yếu tố khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Chào bán Cổ phần¹⁴

1. Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán Cổ phần trong số Cổ phần được quyền bán. Giá bán Cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị sổ sách của Cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a) Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là Cổ đông sáng lập;
 - b) Cổ phần bán cho tất cả Cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở VAB;
 - c) Cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp Điều lệ VAB quy định khác.
2. Trường hợp VAB phát hành thêm Cổ phần phổ thông và bán số Cổ phần đó cho tất cả Cổ đông phổ thông theo tỷ lệ Cổ phần hiện có của Cổ đông tại VAB thì trình tự thủ tục chào bán thực hiện theo quy định của pháp luật và của VAB từng thời kỳ.
3. Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại cho cổ đông của VAB và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
4. Cổ phần của VAB được coi là đã bán khi được người mua thanh toán đủ tiền mua và những thông tin về người mua quy định tại Điều 29 của Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán. Kể từ thời điểm đó, người mua Cổ phần trở thành Cổ đông của VAB. Cổ đông chỉ được công nhận chính thức khi được ghi nhận trong Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của VAB do VSDC quản lý và cung cấp tại từng thời điểm cụ thể.

¹³ Điều 8 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

¹⁴ Điều 124 và 126 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Điều 21. Chuyển nhượng Cổ phần¹⁵

1. Tất cả các Cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác.
2. Cổ đông là cá nhân, Cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại VAB là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của VAB không được chuyển nhượng Cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.
Người đại diện phần vốn góp quy định tại khoản này không bao gồm người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại VAB.
3. Trong thời gian đang xử lý hậu quả do trách nhiệm cá nhân theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây :
 - a) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc là đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;
 - b) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc bị buộc chuyển nhượng Cổ phần theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
 - c) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc chuyển nhượng Cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.
4. Trường hợp mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn phải được sự chấp thuận bằng văn bản của NHNN trước khi chuyển nhượng¹⁶.
5. Việc chuyển nhượng Cổ phần của VAB thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 22. Thu hồi Cổ phần¹⁷

1. Trường hợp Cổ đông thanh toán không đầy đủ và không đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng Quản trị thông báo bằng văn bản và có quyền yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của VAB phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho VAB theo quy định của VAB.
2. Thông báo thanh toán nêu tại Điều 22.1 phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số Cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

¹⁵ Điều 64 Luật các TCTD năm 2024; Điều 127 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

¹⁶ Điều 37.1.d Luật các TCTD năm 2024;

¹⁷ Điều 10 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi số Cổ phần đó. Hội đồng Quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các Cổ phần bị thu hồi theo quy định tại Điều 22.4, Điều 22.5 và Điều 22.6 và các trường hợp khác quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu Cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ Cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những Cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của VAB phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ Cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

Điều 23. Mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông¹⁸

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại VAB hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ VAB có quyền yêu cầu VAB mua lại Cổ phần của mình.
2. VAB mua lại cổ phiếu của Người lao động theo Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của VAB, mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn của chủ sở hữu.
3. VAB chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số tiền tương ứng với số cổ phần được mua lại mà vẫn đảm bảo tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định của ngân hàng thương mại cổ phần.
4. Việc mua lại cổ phần của cổ đông của VAB phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục và hồ sơ đề nghị mua lại cổ phần của ngân hàng thương mại cổ phần thực hiện theo quy định của Thống đốc NHNN.

Điều 24. Mua lại Cổ phần theo quyết định của VAB¹⁹

VAB có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

¹⁸ Điều 132 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

¹⁹ Điều 133 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

2. Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại Cổ phần. Đối với Cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điều 24.3. Đối với Cổ phần loại khác, nếu Điều lệ VAB không quy định hoặc VAB và Cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
3. VAB chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số tiền tương ứng với số cổ phần được mua lại mà vẫn đảm bảo tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định của ngân hàng thương mại cổ phần.
4. Việc mua lại cổ phần của cổ đông của VAB phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục và hồ sơ đề nghị mua lại cổ phần của ngân hàng thương mại cổ phần thực hiện theo quy định của Thống đốc NHNN.

Điều 25. Điều kiện thanh toán và xử lý các Cổ phần được mua lại²⁰

1. Ngoài các điều kiện áp dụng đối với công ty đại chúng theo quy định của pháp luật có liên quan, VAB chỉ được quyền thanh toán Cổ phần được mua lại cho Cổ đông theo Điều 23 và Điều 24 Điều lệ này nếu sau khi thanh toán hết số Cổ phần được mua lại mà vẫn đảm bảo tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định của ngân hàng thương mại cổ phần.
2. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu Cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi Cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với VAB.
3. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều này được coi là Cổ phần chưa bán. VAB phải làm thủ tục điều chỉnh giám vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các Cổ phần được VAB mua lại trong thời hạn 10 (Mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại Cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
4. Sau khi thanh toán hết số Cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của VAB giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì VAB phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số Cổ phần mua lại.

Điều 26. Thừa kế Cổ phần

1. Việc thừa kế Cổ phần thực hiện theo quy định của Điều lệ này, Bộ Luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. Sau khi thực hiện xong tất cả các thủ tục thừa kế và xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh tư cách thừa kế hợp pháp, người thừa kế thực hiện đăng ký các loại cổ phần được thừa kế tại VAB. Trên cơ sở hồ sơ nhận được, VAB thực hiện đăng ký thông tin người thừa kế tại Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của VAB tại VSDC. Người thừa kế trở thành cổ đông của VAB tại ngày VSDC ghi nhận vào danh sách cổ đông, được hưởng các quyền lợi và nghĩa vụ

²⁰ Điều 134 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 65 Luật các TCTD năm 2024.



của Cổ đông tính trên số Cổ phần mà họ được thừa kế phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Người thừa kế Cổ phần của Cổ đông là thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác không đương nhiên được thừa kế quyền nắm giữ các chức danh đó.

Điều 27. Phát hành trái phiếu

1. VAB có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ VAB.
2. Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi, phương án phát hành trái phiếu kèm chứng quyền.
3. Hội đồng Quản trị có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu trừ phương án trái phiếu thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 2, Điều này.

CHƯƠNG VI

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 28. Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của VAB bao gồm:
 - a) Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Hội đồng Quản trị;
 - c) Ban Kiểm soát;
 - d) Tổng Giám đốc.
2. Hội đồng Quản trị được quy định cụ thể cơ cấu, chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy điều hành, nhân sự các đơn vị, chi nhánh, phòng giao dịch, công ty con... của VAB với thủ tục phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của VAB trong từng thời kỳ để bảo đảm hoạt động kinh doanh hiệu quả, an toàn trên cơ sở cơ cấu tổ chức quản lý đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát phải xây dựng cơ chế ủy quyền, phân công trong nội bộ Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát phù hợp với các quy định khác của pháp luật để đảm bảo việc quản trị, điều hành ngân hàng được an toàn, hiệu quả và thông suốt.



CHƯƠNG VII CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 29. Đăng ký Cổ đông và xác lập danh sách Cổ đông²¹

1. Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán:
 - a) VAB đã thực hiện đăng ký lưu ký tập trung đối với danh sách người sở hữu chứng khoán của Ngân hàng với VSDC từ thời điểm đăng ký giao dịch theo quy định của Luật Chứng khoán. Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
 - b) Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán có các nội dung theo quy định của VSDC trong từng thời kỳ.
 - c) Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán được quản lý, theo dõi, cập nhật tập trung bởi VSDC. Các danh sách bản cứng, bản mềm được cung cấp tại các thời điểm theo yêu cầu của VAB được lưu giữ tại trụ sở chính của VAB. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách Cổ đông này.
 - d) Trường hợp Cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với VAB hoặc các tổ chức có chức năng cập nhật để đăng ký cập nhật với VSDC. VAB không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với Cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của Cổ đông.
 - e) VAB phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong danh sách Cổ đông theo yêu cầu của Cổ đông có liên quan theo quy định của VSDC tại từng thời kỳ.
2. Xác lập danh sách Cổ đông:
 - a) VAB quy định cụ thể về thời điểm xác lập danh sách các Cổ đông được hưởng các quyền của Cổ đông theo quy định pháp luật;
 - b) Các giao dịch chuyển nhượng Cổ phần phát sinh trong khoảng thời gian từ sau ngày chốt danh sách Cổ đông đến ngày quyền của Cổ đông được thực hiện thì người chuyển nhượng là người được hưởng các quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác về việc dự họp Đại hội đồng cổ đông.
3. VAB phải hỗ trợ cập nhật kịp thời thay đổi Cổ đông trong Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán theo yêu cầu của Cổ đông có liên quan và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 30. Quyền của Cổ đông²²

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

²¹ Điều 122 Luật Doanh nghiệp năm 2020

²² Điều 115, 116, 117 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 61 Luật các TCTD năm 2024.



- a) Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định; mỗi Cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Được nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Được ưu tiên mua Cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ Cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong VAB;
 - d) Được chuyển nhượng Cổ phần, quyền mua Cổ phần cho Cổ đông khác của VAB hoặc tổ chức, cá nhân khác, bán lại Cổ phần cho VAB theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - e) Xem, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f) Xem, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của VAB, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Được chia một phần tài sản còn lại tương ứng với số Cổ phần sở hữu tại VAB khi VAB giải thể hoặc phá sản sau khi VAB đã thanh toán cho các chủ nợ và các Cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
 - h) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;
 - i) Các quyền khác theo quy định của pháp luật (nếu có);
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông trở lên có thêm các quyền sau đây:
- a) Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các quyết định, nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, các báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của VAB;
 - b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Điều 30.3 này;
 - c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của VAB khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần và thời điểm đăng ký Cổ phần của từng Cổ đông, tổng số Cổ phần của cá nhân Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Cổ phần của VAB; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 30.2 có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a) Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

- b) Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị đã vượt quá 06 (Sáu) tháng mà Hội đồng Quản trị mới chưa được bầu thay thế.
4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số Cổ phần và thời điểm đăng ký Cổ phần của từng Cổ đông, tổng số Cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Cổ phần của VAB, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Cổ đông sở hữu Cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền sau đây²³:
- Nhận cổ tức với mức theo quy định tại Điều lệ này;
 - Được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số tỷ lệ sở hữu cổ phần tại VAB, sau khi VAB đã thanh toán hết các khoản nợ, Cổ phần ưu đãi hoàn lại khi VAB giải thể hoặc phá sản;
 - Các quyền khác như Cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.
6. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền Cổ đông của mình, tổ chức là cổ đông có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số Cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến VAB và chỉ có hiệu lực kể từ ngày VAB nhận được văn bản. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày trong quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông;
 - Số lượng Cổ phần, loại Cổ phần và ngày đăng ký Cổ đông tại VAB;
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của người đại diện theo ủy quyền;
 - Số Cổ phần được ủy quyền đại diện;
 - Thời hạn đại diện theo ủy quyền;
 - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ đông.

²³ Điều 117.2 và Điều 117.3 Luật Doanh nghiệp năm 2020.



7. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát với tỷ lệ như sau:
- Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% (Năm phần trăm) đến dưới 10% (Mười phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% (Mười phần trăm) đến dưới 30% (Ba mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 30% (Ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (Bốn mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 40% (Bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (Năm mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trong được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 50% (Năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (Sáu mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 60% (Sáu mươi phần trăm) đến dưới 70% (Bảy mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 70% (Bảy mươi phần trăm) đến dưới 80% (Tám mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ 80% (Tám mươi phần trăm) đến dưới 90% (Chín mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên;

Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; danh sách ứng cử viên phải được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông gửi tới Hội đồng Quản trị theo thời hạn trong Thông báo yêu cầu đề cử, ứng cử của Hội đồng Quản trị đã gửi đến cổ đông. Thời hạn lấy ý kiến các Cổ đông về việc đề cử, ứng cử nhân sự dự kiến thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị (đối với ứng viên thành viên Hội đồng Quản trị), Ban Kiểm soát (đối với ứng viên thành viên Ban Kiểm soát) đề cử.

Điều 31. Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông

- Cổ đông của VAB phải thực hiện các nghĩa vụ sau:
 - Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
 - Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số Cổ phần cam kết mua trong thời hạn do VAB quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VAB trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào VAB;

- c) Không được rút vốn đã góp bằng Cổ phần phổ thông ra khỏi VAB dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của VAB, trừ trường hợp được VAB hoặc người khác mua lại Cổ phần theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Điều 31.1 thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong VAB phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VAB trong phạm vi giá trị Cổ phần đã bị rút và các thiệt hại đã xảy ra;
- d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại VAB; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của VAB; không được góp vốn, mua cổ phần của VAB dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;
- e) Tuân thủ Điều lệ và Quy chế Quản trị nội bộ của VAB;
- f) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.
- g) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- h) Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm khi nhân danh VAB dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với VAB.
- i) Bảo mật các thông tin được VAB cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
- j) Có nghĩa vụ thực hiện cung cấp các thông tin của theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật trong từng thời kỳ.
2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số Cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư; trong trường hợp VAB phát hiện các Cổ đông đó không cung cấp thông tin/cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các Cổ phần, VAB có quyền đình chỉ quyền Cổ đông của các Cổ đông này²⁴.

²⁴ Điều 62 Luật các TCTD năm 2024.

Điều 32. Đại hội đồng cổ đông²⁵

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VAB.
2. Đại hội đồng cổ đông hoạt động qua phiên họp thường niên, phiên họp bất thường và lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.
3. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chỉ diễn ra khi đảm bảo số lượng tối thiểu cổ đông tham dự theo quy định tại Điều 41 Điều lệ này.
5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông chỉ có giá trị khi được cổ đông hoặc người được ủy quyền thông qua theo tỷ lệ quy định tại Điều 43 Điều lệ này.
6. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định tại nơi chủ tọa tham dự họp và phải trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông²⁶

1. Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của VAB;
 - b) Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ VAB;
 - c) Thông qua quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này, quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan;
 - e) Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này;
 - f) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; Quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - g) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho VAB và cổ đông của VAB;
 - h) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của VAB;
 - i) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới của từng loại cổ phần;

²⁵ Điều 139 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

²⁶ Điều 138 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 67 Luật các TCTD năm 2024.



- j) Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan;
- k) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền;
- l) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của VAB;
- m) Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện quyền hạn nhiệm vụ được giao;
- n) Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của VAB;
- o) Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản VAB;
- p) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- q) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của VAB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- r) Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa VAB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của VAB; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của VAB; công ty con, công ty liên kết của VAB, trừ trường hợp VAB đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;
- s) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của VAB;
- t) Phê duyệt Quy chế Quản trị nội bộ của VAB;
- u) Thảo luận và thông qua kế hoạch kinh doanh hằng năm của VAB trên cơ sở báo cáo của Hội đồng Quản trị;
- v) Thông qua Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm;
- w) Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;
- x) Thông qua việc niêm yết phát hành trái phiếu ra công chúng;
- y) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a) Các hợp đồng quy định tại Điều 33.1 này khi Cổ đông đó hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b) Việc mua Cổ phần của Cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới Cổ đông đó.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
 4. Trong khoảng thời gian giữa các phiên họp Đại hội đồng cổ đông, Đại hội đồng cổ đông VAB có thể phân công, phân cấp, giao cho Hội đồng Quản trị VAB thực hiện một số nội dung công việc quy định tại Điều 33.1 và phải được ghi nhận rõ ràng trong Nghị quyết của một phiên họp Đại hội đồng cổ đông. Các nội dung Hội đồng Quản trị thực hiện theo phân công, phân cấp, giao nhiệm vụ đề cập tại Điều 33.4 phải được báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông trong phiên họp gần nhất.
 5. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 34. Các đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông²⁷

1. Các Cổ đông, người đại diện hợp pháp của cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Người được ủy quyền phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định pháp luật. Nguyên tắc ủy quyền được áp dụng như sau:
 - a) Người được ủy quyền dự họp được ủy quyền lại bằng văn bản cho người thứ ba nếu được người ủy quyền đồng ý; văn bản ủy quyền lại phải có nội dung như văn bản ủy quyền lần đầu.
 - b) Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện, trường hợp không xác định rõ số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
 - c) Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện. Cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông chỉ được ủy quyền cho 01 người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền;

²⁷ Điều 16 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

- a) Trường hợp Cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.
- b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với VAB).
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trừ các trường hợp sau đây:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp VAB nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 35. Thay đổi các quyền²⁸

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại Cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại Cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) Cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các Cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ Cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số Cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ đông nắm giữ Cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ Cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp

²⁸ Điều 17 Điều lệ này áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.



hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi Cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 41, 42 và 43 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành Cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại Cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của VAB không bị thay đổi khi VAB phát hành thêm các Cổ phần cùng loại.

Điều 36. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông²⁹

1. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để thảo luận, thông qua các vấn đề theo quy định tại Điều 33 Điều lệ này.
2. Hội đồng Quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của VAB;
 - b) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 50 Điều lệ;
 - c) Số thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 66 Điều lệ;
 - d) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông;
 - e) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - f) Quyết định nội dung theo yêu cầu của NHNN khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của VAB³⁰;
 - g) Tình hình tài chính của VAB cho thấy VAB bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN;
 - h) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và/hoặc theo quy định của pháp luật.
3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu như quy định tại Điều 36.2.d và Điều 36.2.e Điều lệ này.

Trường hợp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều 50 và khoản 2 Điều 66 của Điều lệ, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bảo đảm trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, VAB hoàn thành việc bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật Các tổ chức tín dụng.

²⁹ Điều 67.2 Luật các TCTD năm 2024; Điều 140 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

³⁰ Điều 67.2 Luật các TCTD năm 2024.

Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với VAB.

4. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 36.3 thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với VAB.

5. Trường hợp Ban Kiểm soát cũng không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 36.4 thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 36.2.d Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

6. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 36.3, Điều 36.4 và Điều 36.5 sẽ được VAB hoàn lại.

Điều 37. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông³¹

1. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của VAB. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. VAB phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.³²
2. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký Cổ đông của từng Cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép tên và địa chỉ liên lạc của Cổ đông trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý VAB phải cung cấp kịp thời thông tin số đăng ký Cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của Cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu

³¹ Điều 141 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

³² Điều 18 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC



cung cấp thông tin trong Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB.

Điều 38. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông³³

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách Cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại Đại hội; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp;
 - b) Xác định thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội;
 - c) Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông đến các Cổ đông có quyền dự họp;
 - d) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - f) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 30.2 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến VAB chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại Cổ phần của Cổ đông, số và ngày đăng ký Cổ đông tại VAB, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Điều 38.2 nếu có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Điều 38.2 Điều lệ này;
 - b) Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ ít nhất 5% (Năm phần trăm) tổng cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều 30.2 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Vấn đề kiến nghị đòi hỏi phải có thời gian chuẩn bị hoặc cần có cơ sở giải quyết mà Đại hội đồng Cổ đông không thể đáp ứng ngay tại phiên họp.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Điều 38.2 vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điều 38.3; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

³³ Điều 142 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều 18 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

Điều 39. Mời họp Đại hội đồng cổ đông³⁴

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả Cổ đông có quyền dự họp trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 (Hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm: tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b) Phiếu biểu quyết.

Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp được công bố trên website của VAB để các cổ đông có thể tiếp cận.
3. VAB công bố thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông trên website của VAB và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của VAB niêm yết hoặc đăng ký giao dịch, và đồng thời, gửi thông báo mời họp bằng phương thức bảo đảm và/hoặc bằng các phương thức điện tử để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông (bao gồm việc gửi thư điện tử, thư qua đường bưu điện hoặc phương thức phù hợp khác theo quy định của VAB từng thời kỳ). Việc gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức và cách thức do Hội đồng quản trị quyết định, phù hợp quy định pháp luật và văn bản của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Điều 40. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông³⁵

1. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:
 - a) Trực tiếp tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng Quản trị chậm nhất 01 (Một) ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp này, Trưởng Ban Kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của Cổ đông đó;
 - c) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Điều 30.6 Điều lệ này thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (theo thông báo mời họp của người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông).
 - e) Các phương thức khác phù hợp với quy định pháp luật được VAB thông báo áp dụng cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ.

³⁴ Điều 143 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

³⁵ Điều 144 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

2. Trường hợp Cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách Cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng chỉ có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số Cổ phần đã chuyển nhượng khi các bên đã thực hiện xong thủ tục xác nhận việc chuyển nhượng Cổ phần theo quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ này.
3. Trường hợp Cổ đông là pháp nhân mới tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp) có quyền kế thừa cổ phần hợp pháp thì Cổ đông này gửi cho VAB các văn bản pháp lý chứng minh quyền kế thừa để VAB thực hiện các thủ tục xác định Cổ đông, cổ phần và người có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.
4. VAB có thể áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 41. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông³⁶

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện như Khoản 41.1 trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, người triệu tập hủy bỏ cuộc họp và thông báo Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi thông báo mời họp lần hai trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) Cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết, người triệu tập hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được gửi thông báo mời họp lần ba trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai, và trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 39 Điều lệ này.

Điều 42. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông³⁷

1. Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để báo cáo hoạt động và trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu

³⁶ Điều 145 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều 19 Điều lệ mẫu cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC;

³⁷ Điều 146 Luật doanh nghiệp năm 2020; Điều 20 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

2. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, VAB phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
3. Cổ đông/người được ủy quyền đến dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm Chủ tọa; trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị được ủy quyền hoặc các thành viên Hội đồng Quản trị có mặt sẽ bầu ra một người trong số họ theo nguyên tắc đa số để làm Chủ tọa của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không bầu được Chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp. Người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để cử một hoặc một số thư ký để lập biên bản cuộc họp. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
6. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc.
7. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp Đại hội đồng cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội đồng cổ đông nếu nhận thấy rằng:
 - a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức cuộc họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Hành vi của những người có mặt gây rối, mất trật tự hoặc có khả năng làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
 - d) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của cuộc họp được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa cuộc họp có thể hoãn cuộc họp khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không

quá 03 (ba) ngày kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp. Cuộc họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại cuộc họp bị trì hoãn trước đó.

8. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Điều 42.7 Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
9. Chủ tọa của cuộc họp có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
10. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Chủ tọa có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng Quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia cuộc họp.
11. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị cho là thích hợp để:
 - a) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - b) Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp;
 - c) Bố trí chỗ ngồi cho mọi người tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp Giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

Điều 43. Thẻ thức biểu quyết thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông³⁸

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người chịu trách nhiệm kiểm phiếu và/hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của Ban Kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, VAB sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền, mã vạch của Cổ đông (nếu có) và số Phiếu biểu quyết của Cổ đông đó cho một vấn đề hoặc nhóm vấn đề cần biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, số thẻ tán thành nghị quyết được đếm trước, số thẻ không tán thành nghị quyết và số phiếu không có ý kiến được đếm sau và cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu tán thành, phản

³⁸ Điều 146 và 147 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 67 Luật các TCTD năm 2024; Điều 20 Thông tư 116/2020/TT-BTC



đổi hoặc không có ý kiến không hợp lệ đối với từng vấn đề. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, phiếu không hợp lệ và không có ý kiến đối với từng vấn đề sẽ được Chủ tọa thông báo trước khi bế mạc phiên họp. Hoặc các phương thức biểu quyết được quy định chi tiết tại Quy chế họp Đại đồng cổ đông thường niên hằng năm.

4. Quyết định về các vấn đề quy định tại các Điều 33.1.a, Điều 33.1.d, Điều 33.1.g và Điều 33.1.o. Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi bảo đảm các điều kiện sau đây³⁹:
 - a) Trừ trường hợp quy định tại Điều 43.5.b, 43.5.c và 43.7, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số Cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận;
 - b) Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại Điều 33.1.i, Điều 33.1.q Điều lệ này thì phải được số Cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản;
 - c) Đối với quyết định về nội dung quy định tại Điều 33.1.o Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
6. Trường hợp Cổ đông dự họp là người có liên quan (là một bên trong giao dịch, hợp đồng với VAB) không có quyền biểu quyết, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về vấn đề đó được thông qua khi có trên 50% (năm mươi phần trăm) hoặc trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu được quyền biểu quyết tương ứng theo quy định tại Điều 43.5.a và Điều 43.5.b.
7. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần trong tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của Điều lệ này.
8. Trường hợp tất cả Cổ đông đại diện 100% (một trăm phần trăm) số vốn Cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả

³⁹ Điều 67 Luật các TCTD năm 2024;



trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

9. Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hoặc chưa đồng ý kiến. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua⁴⁰ hoặc nghị quyết sẽ được thông báo bằng cách đăng tải lên trang thông tin điện tử của VAB.

Điều 44. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông⁴¹

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của VAB, trừ các trường hợp quy định tại Điều 33.1.a, Điều 33.1.d, Điều 33.1.g và Điều 33.1.o Điều lệ này.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến được lập dựa trên Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của VAB. Danh sách này được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo⁴².

Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (Mười) ngày trước ngày phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của VAB;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về VAB phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

⁴⁰ Điều 148 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

⁴¹ Điều 149 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 22 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

⁴² Điều 141.1 và Điều 149.2 Luật Doanh nghiệp năm 2020.



4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

Phiếu lấy ý kiến gửi về VAB phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về VAB sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý VAB. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ thông qua biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và của các thành viên trong Ban Kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và các thành viên trong Ban Kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm phiếu. Việc gửi Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của VAB.
7. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến NHNN⁴³.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VAB.
9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản được thông qua phải được số Cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận; trừ trường hợp lấy ý kiến đối với vấn đề tại Điều 33.1.b, Điều 33.1.i

⁴³ Điều 68 Luật các TCTD năm 2024.

và Điều 33.1.q Điều lệ này thì trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông⁴⁴.

Điều 45. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông⁴⁵

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của VAB và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f) Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số Cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
 - h) Các nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

Trưởng họp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
4. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả Cổ đông trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của VAB.

⁴⁴ Điều 22.8 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

⁴⁵ Điều 150 Luật Doanh nghiệp năm 2020



5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, các bản ghi chép, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VAB.

Điều 46. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông⁴⁶

1. Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.
2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến NHNN⁴⁷.
3. Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông theo quy định tại Điều 30.2 Điều lệ này yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác hoặc sẽ được thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
4. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (Một trăm phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 47. Yêu cầu hủy bỏ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông⁴⁸

1. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông, nhóm Cổ đông theo quy định tại Điều 30.2 Điều lệ, có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp được quy định tại Điều 47.2.
2. Các trường hợp có quyền yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông:
 - a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB, trừ trường hợp quy định tại Điều 46.4 Điều lệ này;
 - b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ VAB.

⁴⁶ Điều 152 Luật Doanh nghiệp 2020;

⁴⁷ Điều 68 Luật các TCTD năm 2024;

⁴⁸ Điều 151 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 24 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

CHƯƠNG VIII
QUY ĐỊNH CHUNG VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 48. Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc⁴⁹

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 30.7 Điều lệ này.
2. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu khoảng thời gian bằng thời hạn gửi Danh sách đề cử ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát cho NHNN cộng với thời hạn lấy ý kiến cổ đông về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật, Hội đồng Quản trị VAB phải thông báo cho các Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; trong đó dự kiến số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị; đồng thời thông báo thời hạn gửi danh sách ứng cử viên, các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các Cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.
3. Trên cơ sở danh sách đề cử của các Cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng Quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên đối với các chức danh dự kiến bầu và gửi NHNN. Trường hợp các Cổ đông không đề cử đủ số lượng, ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm cả thành viên độc lập Hội đồng Quản trị), thành viên Ban Kiểm soát hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị (đối với ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị), Ban Kiểm soát (đối với ứng cử viên thành viên Ban Kiểm soát) đề cử.
4. Đối với các ứng cử viên không đảm bảo điều kiện theo quy định, Hội đồng Quản trị thông báo cho Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử của ứng cử viên này biết rõ lý do.
5. Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát được bầu và tiến hành bầu những người có tên trong Danh sách ứng cử viên đã được NHNN chấp thuận tại Điều 48.2. VAB có thể lập danh sách đề cử và tiến hành bầu riêng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp này, việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị độc lập được tiến hành như việc bầu các thành viên Hội đồng Quản trị khác.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát bắt đầu thực hiện nhiệm vụ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông bầu vào các chức danh này. Các thành viên trên tiếp quản công việc; phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ của mình trong thời gian đương nhiệm.
7. Trong thời hạn tối đa 10 (mười) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông bầu các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát, VAB phải có văn bản thông báo cho NHNN danh sách những người được bầu vào các chức danh nêu trên⁵⁰.

⁴⁹ Điều 44 Luật các TCTD năm 2024;

⁵⁰ Điều 44 Luật các TCTD năm 2024;

8. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc. Người dự kiến được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm. Hội đồng Quản trị phải có văn bản thông báo cho NHNN người được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc trong thời hạn 10 (Mười) ngày kể từ ngày bổ nhiệm⁵¹.

Điều 49. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, không cùng đảm nhiệm chức vụ⁵²

1. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ:

- a) Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Tổng giám đốc (Giám đốc) Công ty con của VAB:
- i. Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - ii. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;
 - iii. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
 - iv. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;
 - v. Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng theo yêu cầu nhiệm vụ;
 - vi. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng;
- b) Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc của VAB:
- i. Thuộc đối tượng quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này;
 - ii. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành

⁵¹ Điều 55.1 và Điều 44 Luật các TCTD năm 2024;

⁵² Điều 42, 43 Luật các TCTD năm 2024.

viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;

- iii. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng Quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;
- iv. Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) của VAB, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 50 Điều lệ này;
- v. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ ngân hàng.

c) Cha mẹ (gồm cả cha, mẹ nuôi), vợ, chồng, con (gồm cả con nuôi), anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc người phụ trách tài chính của VAB.

2. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ:

a) Thành viên Hội đồng Quản trị không phải là thành viên độc lập của VAB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

- i. Người điều hành của VAB, trừ trường hợp là Tổng giám đốc;
- ii. Kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác;
- iii. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của VAB hoặc của công ty mẹ của VAB hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;
- iv. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát của VAB và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.

b) Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của VAB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

- i. Người điều hành của VAB;
- ii. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;
- iii. Kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

- c) Thành viên Ban Kiểm soát của VAB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:
- Người quản lý, người điều hành VAB, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của VAB hoặc công ty con VAB;
 - Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị của VAB là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.
- d) Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của VAB không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của VAB là người quản lý, người điều hành công ty con của VAB hoặc công ty mẹ của VAB.
3. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG IX

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 50. Hội đồng Quản trị và cơ cấu Hội đồng Quản trị⁵³

- Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị của VAB, có toàn quyền nhân danh VAB để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VAB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng Quản trị phải có không ít hơn 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng Quản trị phải có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành VAB. Trường hợp VAB có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 (chín) đến 11 (mười một) thành viên phải có tối thiểu 03 thành viên độc lập.
- Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng Quản trị nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng Quản trị của VAB, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.
- Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế phù hợp theo quy định pháp luật. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội

⁵³ Điều 50 và Điều 69 Luật các TCTD năm 2024



đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

5. Hội đồng Quản trị có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể là thành viên độc lập. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và đương nhiên mất tư cách của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán⁵⁴.
8. Hội đồng Quản trị sử dụng con dấu của VAB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
9. Hội đồng Quản trị có bộ phận giúp việc. Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận giúp việc do Hội đồng Quản trị quy định.
10. Hội đồng Quản trị được thành lập các Ủy ban, Hội đồng để giúp Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý Rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng Quản trị quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo quy định của Thống đốc NHNN. Nhiệm vụ Ủy ban Nhân sự bao gồm các công việc liên quan đến chính sách phát triển nhân sự, lương thưởng và nhiệm vụ khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tổ chức hoạt động của các Ủy ban trên được quy định cụ thể trong các Quy chế của VAB do Hội đồng Quản trị ban hành.

Điều 51. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị⁵⁵

1. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, kế hoạch kinh doanh của công ty con VAB theo quy định pháp luật.
2. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
3. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông.
4. Thông qua việc đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của VAB; quyết định việc thành lập, thay đổi thông tin, thay đổi nội dung hoạt động kinh doanh của các chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trên toàn hệ thống VAB.

Hội đồng Quản trị có thể giao/phân cấp/phân quyền lại đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.

5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với

⁵⁴ Khoản 5 Điều 26 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC;

⁵⁵ Điều 70 Luật các TCTD năm 2024; Điều 153 Luật Doanh nghiệp năm 2020.



các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng Quản trị.

6. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
7. Quyết định cử người đại diện vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của người đại diện vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.

Hội đồng Quản trị có thể phân cấp/phân quyền/giao lại đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.

8. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của VAB như sau:
 - a) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của VAB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị có thể giao/phân cấp/phân quyền quyết định phương án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần phù hợp với thực tiễn hoạt động của VAB
 - b) Các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản khác của VAB không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ này. Hội đồng Quản trị có thể giao/phân cấp/phân quyền lại việc quyết định các giao dịch này đảm bảo tuân thủ Khoản 11 Điều này và phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.

9. Quyết định các khoản cấp tín dụng như sau:

- a) Các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật Các tổ chức tín dụng trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- b) Các khoản cấp tín dụng khác không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ này. Hội đồng Quản trị có thể giao/phân cấp/phân quyền lại việc phê duyệt cấp tín dụng trong trường hợp này đảm bảo phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.

10. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa VAB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của VAB; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của VAB; công ty con, công ty liên kết của VAB.

11. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.

12. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty con; phê chuẩn Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty con; cử người đại diện theo ủy quyền của VAB tại Công ty

con; quyết định thay đổi trụ sở chính của công ty con; các quyền và nghĩa vụ khác của Chủ sở hữu đối với Công ty con được quy định tại Điều lệ này, các Quy chế của Hội đồng Quản trị ban hành từng thời kỳ và/hoặc Điều lệ công ty con.

13. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của VAB phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông.
14. Ban hành, sửa đổi, bổ sung và quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của VAB.
15. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.
16. Quyết định lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
17. Đề nghị Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.
18. Quyết định chào bán Cổ phần mới trong phạm vi số Cổ phần được quyền chào bán.
19. Quyết định giá chào bán Cổ phần và trái phiếu chuyển đổi ra công chúng của VAB trên cơ sở được Đại hội đồng cổ đông phân công, phân cấp, giao/ủy quyền.
20. Quyết định mua lại Cổ phần của VAB.
21. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
22. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.
23. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
24. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.
25. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.
26. Trừ các hợp đồng phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của VAB (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập công ty và liên doanh).
27. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của VAB.
28. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm của công ty thành viên độc lập thuộc VAB.

29. Giám sát Tổng giám đốc trong việc tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn; Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác⁵⁶.
30. Phê duyệt chủ trương cung cấp sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc⁵⁷.
31. Phê duyệt Kế hoạch vốn của VAB⁵⁸.
32. Ban hành Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với các chức danh tại VAB (trừ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với thành viên Ban Kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ).⁵⁹
33. Xây dựng, điều chỉnh, phê duyệt và chỉ đạo thực hiện Phương án cơ cấu lại VAB trên cơ sở các định hướng phát triển của ngân hàng đã được Đại hội đồng cổ đông VAB thông qua đồng thời đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật, hướng dẫn, chỉ đạo cụ thể của NHNN và cơ quan quản lý khác.
34. Quyết định phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, trái phiếu ra công chúng, trừ phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
35. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
36. Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do Đại hội đồng cổ đông phân công, phân cấp, giao/ủy quyền triển khai thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
37. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VAB (nếu có).

Điều 52. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị⁶⁰

1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị.
3. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
5. Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
6. Bảo đảm các thành viên Hội đồng Quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng Quản trị phải xem xét.

⁵⁶ Điều 12.1 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

⁵⁷ Điều 26.1.b Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

⁵⁸ Điều 61.2 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

⁵⁹ Điều 15.3 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

⁶⁰ Điều 71 Luật TCTD 2024; Điều 156 Luật Doanh nghiệp năm 2020

7. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng Quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
8. Giám sát các thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung.
9. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng Quản trị, các Ủy ban của Hội đồng Quản trị tối thiểu mỗi năm 01 (Một) lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
10. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt tại trụ sở VAB hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị không làm việc được hoặc các trường hợp khác nếu Chủ tịch Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị được ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác trong Hội đồng Quản trị để thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.
11. Thay mặt Hội đồng Quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
12. Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo hoạt động của VAB, báo cáo kiểm toán và báo cáo khác thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị.
13. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VAB (nếu có).

Điều 53. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị⁶¹

1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của VAB và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành VAB, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo.
3. Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về quyết định của mình.
4. Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.

⁶¹ Điều 72 Luật các TCTD năm 2024



5. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
6. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải thông báo với Hội đồng Quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 55 và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện.
7. Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
8. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
9. Yêu cầu Người điều hành, Người quản lý cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của VAB nhằm thực hiện nhiệm vụ quản trị của mình.
10. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ VAB gây thiệt hại cho ngân hàng thì các thành viên Hội đồng Quản trị tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho ngân hàng; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của VAB có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.
11. Thành viên Hội đồng Quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 3, 5, 6, 8, 9, 10, 13, 14, 15, 21 và 35 Điều 51 của Điều lệ và các nội dung theo quy định pháp luật từng thời kỳ.
12. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật (nếu có).

Điều 54. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị⁶²

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị được nhận thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của VAB.
2. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của VAB theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của pháp luật và phải ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VAB, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại các cuộc họp thường niên.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác theo quy định khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của VAB.

⁶² Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020;



Điều 55. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị⁶³

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau đây:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự;
 - b) Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ này, quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng; không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Ngân hàng theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - c) Có sức khỏe và hiểu biết pháp luật; có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc NHNN;
 - d) Có trình độ từ đại học trở lên;
 - e) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
2. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị: ngoài những tiêu chuẩn nêu tại Điều 55.1 phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập như sau⁶⁴:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho VAB hoặc công ty con của VAB hoặc đã làm việc cho VAB hoặc công ty con của VAB trong 03 (ba) năm liền kể trước đó;
 - b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của VAB ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của VAB, Người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của VAB hoặc công ty con của VAB;
 - d) Không đại diện sở hữu cổ phần của VAB; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VAB;
 - e) Không phải là Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của VAB tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kể trước đó.

Điều 56. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên Hội đồng Quản trị⁶⁵

1. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:
 - a) Chết;
 - b) Vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 49 Điều lệ này và các quy định pháp luật liên quan về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;

⁶³ Điều 155 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 41 Luật các TCTD năm 2024.

⁶⁴ Điều 41.2 Luật các TCTD năm 2024;

⁶⁵ Điều 45 và Điều 46 Luật các TCTD năm 2024;



- c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của VAB khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
 - d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;
 - e) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - f) VAB bị thu hồi giấy phép;
 - g) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật;
2. Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp⁶⁶:
- a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị của VAB;
 - b) Bãi nhiệm khi không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Bãi nhiệm khi không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 55 Điều lệ này.
 - d) Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không đáp ứng quy định tại Điều 43, Điều 49, Điều 55 của Điều lệ này;
 - e) Bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị xin từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị bầu một thành viên Hội đồng Quản trị mới lên thay theo nguyên tắc đa số trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.
4. Trường hợp Hội đồng Quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Điều lệ này thì trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, VAB phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật Các tổ chức tín dụng⁶⁷.

Điều 57. Người phụ trách quản trị VAB⁶⁸

1. Hội đồng Quản trị chỉ định 01 (một) hoặc nhiều người làm Người phụ trách quản trị VAB với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị VAB khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Thư ký Hội đồng Quản trị tùy từng thời điểm.
2. Người phụ trách quản trị VAB phải là người có hiểu biết về pháp luật. Người phụ trách quản trị VAB không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VAB. Vai trò và nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị VAB bao gồm:
 - a) Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;

⁶⁶ Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020;

⁶⁷ Điều 50 Luật các TCTD năm 2024

⁶⁸ Điều 32 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC



- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Người phụ trách quản trị VAB có thể kiêm nhiệm Thư ký VAB tùy theo quyết định của Hội đồng Quản trị VAB.

Điều 58. Hợp Hội đồng Quản trị⁶⁹

1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường, mỗi quý phải họp ít nhất 01 (một) lần. Hội đồng Quản trị có thể họp tại trụ sở chính của VAB hoặc ở nơi khác. Cuộc họp Hội đồng Quản trị có thể bằng hình thức họp mặt và/ hoặc hình thức họp trực tuyến khác.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên của Hội đồng Quản trị.
 Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

⁶⁹ Điều 153 và Điều 157 Luật Doanh nghiệp năm 2020.



4. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phái triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại Điều 58.3. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với VAB, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng Quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.
5. Hội đồng Quản trị có quyền ban hành quy định nội bộ về các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp.
6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp, trừ trường hợp họp khẩn cấp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại VAB. Trường hợp khẩn cấp, người triệu tập họp có thể thông báo mời họp 01 (một) ngày làm việc trước ngày họp; các tài liệu liên quan có thể được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị ngay tại cuộc họp.

7. Trong trường hợp cuộc họp Hội đồng Quản trị có mời các thành viên Ban Kiểm soát và/hoặc Tổng giám đốc và/hoặc các thành phần khác, Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên này như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các thành phần khác không phải là thành viên Hội đồng Quản trị có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị trở lên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng Quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Trường hợp họp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng Quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng Quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất 01 (Một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên dự họp.

10. Thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng Quản trị dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận. Việc biểu quyết của người được ủy quyền tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành.
11. Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản, lấy ý kiến thông qua phần mềm luân chuyển hồ sơ trình ký nội bộ và/hoặc các phần mềm/ ứng dụng khác theo quy định của VAB từng thời kỳ và đảm bảo theo đúng quy định pháp luật. Hội đồng Quản trị quy định cụ thể hình thức, quy trình, thủ tục thực hiện phù hợp với Điều lệ. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.
13. Trường hợp có thành viên Hội đồng Quản trị yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.
14. Hội đồng Quản trị được quyền tổ chức các cuộc họp dưới các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành với điều kiện các hình thức này phải được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Điều 59. Biên bản họp Hội đồng Quản trị⁷⁰

- I. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c) Thời gian, địa điểm họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ tên, chữ ký chủ tọa, chữ ký các thành viên tham gia và người ghi biên bản.

⁷⁰ Điều 158 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

2. Người ký biên bản phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
3. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký, có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VAB và pháp luật có liên quan.
4. Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.
5. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của VAB.

Điều 60. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản. Chủ tịch Hội đồng Quản trị được quyền ủy quyền, phân công cho các thành viên Hội đồng Quản trị khác ký Phiếu lấy ý kiến Thành viên Hội đồng Quản trị trước khi thực hiện việc lấy ý kiến của các Thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.
2. Cán bộ được Văn phòng Hội đồng Quản trị phân công chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo có thể được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác của thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của VAB;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến;
 - e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về VAB;
 - g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền;
 - h) Phần ô trống Họ và tên, chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị có ý kiến.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị và gửi về VAB theo quy định của VAB.
5. Thư ký Hội đồng Quản trị hoặc nhân sự thuộc Văn phòng Hội đồng Quản trị được phân công kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ thời điểm hết hạn gửi phiếu lấy ý kiến dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên độc lập Hội đồng Quản trị và/hoặc nhân sự khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị từng thời kỳ (người này phải là thành viên Ban Kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng Quản trị). Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của VAB;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
 - c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng Quản trị đã tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
 - e) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.
6. Thư ký Hội đồng Quản trị hoặc nhân sự thuộc văn phòng Hội đồng Quản trị được phân công tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VAB. Văn phòng Hội đồng Quản trị là đơn vị có trách nhiệm bảo quản và lưu giữ các tài liệu này.
9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

CHƯƠNG X TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 61. Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc⁷¹

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của VAB, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho VAB thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho VAB. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc và sẽ ký một hợp đồng lao động quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc phù hợp với Bộ luật lao động, quy định của NHNN và các quy định của pháp luật.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm nhưng không quá 05 (năm) năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Lương, trợ cấp, các khoản bồi thường (nếu có) và các quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo với Đại hội đồng cổ đông của VAB và ghi tại Báo cáo tài chính của VAB.
4. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ. Hội đồng Quản trị quyết định cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy chuyên môn nghiệp vụ theo đề nghị của Tổng Giám đốc.
5. Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của VAB theo sự phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công, ủy quyền.
6. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của VAB, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công, ủy quyền.

Điều 62. Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc⁷²

1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.
2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của VAB.
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của VAB.
4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế Quản trị nội bộ của VAB.
5. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
6. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.

⁷¹ Điều 162 và Luật Doanh nghiệp 2020; Điều 55 Luật các TCTD năm 2024;

⁷² Điều 56 Luật các TCTD năm 2024; Điều 162 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

7. Lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua hoặc đề báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
8. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.
9. Báo cáo Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của VAB.
10. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng Quản trị.
11. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức quản lý của VAB trình Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
12. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ này.
13. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của VAB, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.
14. Ký kết hợp đồng nhân danh VAB theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của VAB.
15. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng và phụ cấp (nếu có) của người lao động theo thẩm quyền.
16. Trình Hội đồng Quản trị quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
17. Trường hợp được Hội đồng Quản trị phân quyền/giao quyền, Tổng Giám đốc được quyết định về các dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật.
18. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng Quản trị.

Điều 63. Tiền lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc⁷³

Hội đồng Quản trị quyết định tiền lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc căn cứ vào kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương của Tổng Giám đốc tính vào chi phí kinh doanh của VAB theo quy định Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác có liên quan, phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VAB và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 64. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc⁷⁴

1. Tổng Giám đốc VAB phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự;

⁷³ Điều 163 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

⁷⁴ Điều 41 Luật các TCTD năm 2024.



- b) Không thuộc đối tượng không được là Tổng Giám đốc theo quy định của điểm b khoản 1 Điều 49 Điều lệ này và quy định của Luật Các Tổ chức tín dụng, các quy định của pháp luật về ngân hàng; không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
 - c) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 năm là người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
 - d) Có sức khỏe, hiểu biết luật pháp;
 - e) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc NHNN;
 - f) Cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
 - g) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của VAB.
2. Phó Tổng Giám đốc VAB phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
- a) Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 64.1.a và Điều 64.1.f;
 - b) Không thuộc đối tượng không được là Phó Tổng Giám đốc theo quy định của điểm b khoản 1 Điều 49 Điều lệ này và quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng;
 - c) Có một trong các điều kiện sau đây: có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.

Điều 65. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc⁷⁵

- 1. Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau:
 - a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 64.1.b Điều lệ này;
 - b) Chết;
 - c) Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;
 - d) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
 - e) Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực;

⁷⁵ Điều 45 và Điều 46 Luật Các TCTD năm 2024.



- f) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà Tổng Giám đốc là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;
 - g) Mất tư cách là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - h) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
2. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- a) Bãi nhiệm khi không đảm bảo tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 64.1.b, Điều 64.1.c, Điều 64.1.d và Điều 64.1.e Điều lệ này;
 - b) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của VAB;
 - c) Theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị; Hội đồng Quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
3. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày Tổng Giám đốc bị xác định đương nhiên mất tư cách hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi chưa có người thay thế, Hội đồng Quản trị phải có Quyết định cử ngay một Phó Tổng Giám đốc điều hành hoạt động VAB để đảm bảo VAB hoạt động ổn định, liên tục và có văn bản báo cáo NHNN trong thời hạn 10 ngày. Người được cử điều hành VAB phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao trong thời gian đảm nhận nhiệm vụ này.

CHƯƠNG XI

BAN KIỂM SOÁT

Điều 66. Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban Kiểm soát⁷⁶

- 1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.
- 2. Ban Kiểm soát của VAB có tối thiểu 05 thành viên.
- 3. Ban Kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc khác để thực hiện nhiệm vụ của mình.
- 4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
- 5. Trường hợp Ban Kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, VAB phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của

⁷⁶ Điều 51 Luật các TCTD năm 2024.



Luật Các tổ chức tín dụng. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 67. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát⁷⁷

1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành VAB trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ của VAB.
2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của VAB về kế toán, báo cáo.
3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
4. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành VAB, có quyền sử dụng các nguồn lực của VAB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
5. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hằng năm của VAB. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hằng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
6. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của VAB khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của NHNN, Cổ đông lớn hoặc nhóm Cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.
7. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành VAB có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của VAB, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
8. Lập danh sách Cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên, thành viên góp vốn và người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc của VAB, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
9. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ VAB và quy định của pháp luật.

⁷⁷ Điều 52 Luật các TCTD năm 2024; Điều 170 Luật Doanh nghiệp năm 2020.



10. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao theo quy định tại Điều lệ này.
11. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và các cuộc họp khác của VAB.
12. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 (sáu) tháng của VAB, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
13. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của VAB thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.
14. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.
15. Kịp thời báo cáo NHNN về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 7, 10, 16 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.
16. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 68. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát⁷⁸

1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát quy định tại Điều 67 Điều lệ này và chịu trách nhiệm về thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Triệu tập và chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.
3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.
4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
5. Tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát.
8. Bảo đảm các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét.
9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát.

⁷⁸ Điều 53 Luật các TCTD năm 2024;



10. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 69. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát⁷⁹

1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ VAB và quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng Ban Kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của VAB và của cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Bầu một thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát..
3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập Ban Kiểm soát họp bất thường.
4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
5. Được quyền yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của VAB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
6. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường của VAB và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.
7. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
8. Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành VAB.
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 70. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát⁸⁰

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị phải được gửi đến cho các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do VAB phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

⁷⁹ Điều 54 Luật các TCTD năm 2024.

⁸⁰ Điều 171 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

- Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của VAB lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của VAB trong giờ làm việc.
- Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của VAB theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

Điều 71. Thù lao và các quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát⁸¹

- Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.
- Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập ở mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của VAB theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VAB.

Điều 72. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát⁸²

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thông đốc NHNN;
- Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 49 Điều lệ này, các quy định của Luật Các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng; không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý Doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Có trình độ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của VAB; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán;
- Không phải người có liên quan của người quản lý VAB;
- Trưởng Ban Kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 73. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát⁸³

- Thành viên Ban Kiểm soát đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau:

⁸¹ Điều 172 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

⁸² Điều 169 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 41 Luật các TCTD năm 2024.

⁸³ Điều 45, 546 Luật các TCTD năm 2024 và Điều 174 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

- a) Không đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 72.2 Điều lệ này;
 - b) Chết;
 - c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của VAB khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
 - d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) Tư cách là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức chấm dứt;
 - f) VAB bị thu hồi giấy phép;
 - g) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
2. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - b) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- a) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - c) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm soát quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - e) Thuộc một trong các trường hợp tại Điều 73.2 Điều lệ này;
 - f) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
4. Trong thời hạn tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát. Trong thời hạn tối đa sáu mươi 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Trưởng Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét, quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Trưởng Ban Kiểm soát thay thế.
5. Hội đồng Quản trị của VAB phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc thành viên Ban Kiểm soát đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này (trừ trường hợp tại điểm f khoản 1 Điều này) gửi NHNN trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này.
6. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.

Điều 74. Cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản của Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát để bầu Trưởng Ban Kiểm soát và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Ban Kiểm soát nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên Ban Kiểm soát có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Ban Kiểm soát.
2. Cuộc họp:
 - a) Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát theo đề nghị của:
 - Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - Tổng Giám đốc;
 - NHNN Chi nhánh Khu vực;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
 - b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của một trong các đối tượng nêu trên, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường. Trường hợp sau hai lần đề nghị liên tiếp mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp, Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo NHNN Chi nhánh Khu vực nơi VAB đặt trụ sở chính và tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban Kiểm soát, bầu một thành viên Ban Kiểm soát đủ điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban Kiểm soát và gửi thông báo tới NHNN theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).
 - c) Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau 05 (năm) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát. Trường hợp họp bất thường thì thời hạn thông báo có thể ngắn hơn theo quyết định của Trưởng Ban Kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát không thể trực tiếp dự họp có thể gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản, đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến cho Chủ tọa cuộc họp chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết bằng văn bản này chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.
 - d) Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền dự họp. Trường hợp triệu

tập họp Ban Kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày tiếp theo kể từ ngày cuộc họp lần đầu không thể tổ chức do không đủ số thành viên tham dự. Sau 02 (hai) lần triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát không có đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban Kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng Quản trị biết và đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo kể từ ngày cuộc họp lần hai để Cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban Kiểm soát.

e) Biểu quyết:

- Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
- Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên được Ban Kiểm soát ủy quyền làm Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt hoặc Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp theo đề nghị).

3. Lấy ý kiến bằng văn bản:

- a) Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường nếu:
- Được sự nhất trí bằng văn bản của ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
 - Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.
- b) Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát cho các thành viên Ban Kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang

kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

Điều 75. Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát

1. Bất kỳ thành viên Ban Kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại Điều 81 và Điều 77.4 Điều lệ này sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
2. Thành viên Ban Kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thỏa thuận dự kiến giao kết với VAB phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát để xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không. Nếu sau khi Hợp đồng, giao dịch đã được ký kết mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng Quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban Kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

CHƯƠNG XII

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC⁸⁴

Điều 76. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Ủy ban, Hội đồng của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của VAB và với mức độ cần trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 77. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của VAB phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác của VAB và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của VAB.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa VAB, công ty con, công ty khác do VAB nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ trở lên với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận, VAB phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

⁸⁴ Chương X Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định Điều lệ này.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác của VAB và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa VAB với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [20%] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng Quản trị và được Hội đồng Quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn [20%] hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ [20%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 78. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn cần thiết phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. VAB bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do VAB là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được VAB ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của VAB với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của VAB với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của VAB, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. VAB có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 79. Công khai lợi ích khác⁸⁵

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của VAB phải công khai với VAB các thông tin sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);
 - c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
 - d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
2. Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của VAB phải cung cấp cho tổ chức tín dụng các thông tin sau đây:
 - a) Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;
 - b) Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
 - c) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại VAB;
 - d) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại VAB.
3. Đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải gửi VAB bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.

Đối với thông tin tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho VAB khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên của VAB so với lần cung cấp liền trước.
4. VAB phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tại trụ sở chính của VAB và gửi báo cáo bằng văn bản cho NHNN trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày VAB nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, VAB công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 và các điểm a, c, d khoản 2 Điều này với Đại hội đồng cổ đông của VAB.

⁸⁵ Điều 164. Luật Doanh nghiệp 2020; Điều 49 Luật các TCTD năm 2024.



5. VAB phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của VAB và thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của VAB trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày VAB nhận được thông tin cung cấp.
6. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.
7. Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ này, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau⁸⁶:
 - a) Các giao dịch giữa VAB với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là Người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - b) Các giao dịch giữa VAB, công ty con, công ty khác do VAB nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ trở lên với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật và theo quy định tại 77.3 Điều lệ này.

Điều 80. Quyền và nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành VAB⁸⁷

1. Quyền của người quản lý, người điều hành VAB:

- a) Được hưởng thù lao, tiền lương và lợi ích khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan;
- b) Được tham gia quản lý, điều hành hoạt động của VAB trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của VAB và quy định của pháp luật có liên quan;
- c) Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này, quy định của VAB và quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành VAB.

- a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ VAB, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của VAB, Cổ đông của VAB;
- c) Trung thành với lợi ích của VAB và Cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của VAB, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của VAB để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại đến lợi ích của VAB và Cổ đông VAB;

⁸⁶ Khoản 2 Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

⁸⁷ Điều 165 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 48 Luật các TCTD năm 2024.

- d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho VAB về quyền lợi của mình có được ở các tổ chức khác, các giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của VAB và chỉ tham gia khi giao dịch đó được Hội đồng Quản trị đã xem xét và chấp thuận;
- e) Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của VAB để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của VAB, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của NHNN;
- f) Không được cạnh tranh bất hợp pháp với VAB hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của VAB;
- g) Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình quy định tại Điều lệ này vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của VAB với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn, so với quy định chung của pháp luật và của VAB;
- h) Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi VAB bị lỗ;
- i) Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng;
- j) Các nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật;
- k) Cung cấp và cập nhật các thông tin sau cho VAB khi có sự thay đổi:
 - Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
 - Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho VAB và bên thứ ba.

Điều 81. Giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị chấp thuận⁸⁸

- 1. Hợp đồng, giao dịch giữa VAB với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận (trừ các giao dịch cấp tín dụng theo quy định tại Điều 134 và Điều 135 Luật các Tổ chức tín dụng):
 - a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông của VAB và những người có liên quan của họ;
 - b) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;

⁸⁸ Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 67 và 70 Luật các TCTD năm 2024.



- c) Doanh nghiệp quy định tại Điều 79.1.a và Điều 79.1.b Điều lệ này và Người có liên quan của Người quản lý VAB;
 - d) Công ty con, công ty liên kết của VAB.
2. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch nêu tại Điều 81.1 có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện của VAB ký hợp đồng phải thông báo cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng được chấp thuận khi có số Cổ đông đại diện trên 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp được quyền biểu quyết/lấy ý kiến bằng văn bản còn lại đồng ý.
3. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch nêu tại Điều 81.1 có giá trị nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện VAB đề ký hợp đồng phải thông báo cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- Hợp đồng nêu tại Điều 81.1 được ký kết, thực hiện mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều 81.2 và Điều 81.3, thì hợp đồng đó bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật. Các đối tượng có liên quan nêu tại Điều 81.1 và các cá nhân phía VAB tham gia quyết định, ký kết, thực hiện các hợp đồng này phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho VAB các khoản lợi ích thu được từ việc thực hiện các hợp đồng đó.
4. VAB phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG XIII

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ⁸⁹

Điều 82. Quyền tiếp cận thông tin, kiểm tra sổ sách và hồ sơ

- 1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách, hồ sơ cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

⁸⁹ Điều 49 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC;



- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của VAB.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý có quyền tra cứu sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của VAB, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của VAB vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. VAB sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hằng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký doanh nghiệp được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ này được công bố trên website của VAB.

CHƯƠNG XIV

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 83. Người lao động và công đoàn⁹⁰

Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của VAB với tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của VAB và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XV

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 84. Trả cổ tức⁹¹

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của VAB. VAB chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi VAB đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ VAB và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB; ngay sau khi trả hết số cổ tức, VAB vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

⁹⁰ Điều 50 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

⁹¹ Điều 135 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

2. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Hội đồng Quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của VAB.
4. VAB không trả lãi suất hoặc một khoản tiền khác có tính chất lãi cho cổ tức, trừ trường hợp cổ tức được trả vào tài khoản tiền gửi của Cổ đông tại VAB.
5. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu VAB và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, VAB sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng cổ phần hoặc bằng tài sản khác theo quy định tại Điều lệ VAB, đảm bảo theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.
7. Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi VAB đã có đủ chi tiết về ngân hàng của Cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu VAB đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của Cổ đông thì VAB không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.
8. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu Cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các Cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các Cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những Cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các Cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
9. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị có thể thông qua nghị quyết, xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.
10. Hội đồng Quản trị phải lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng Cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả Cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên VAB; họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Căn cước/số căn cước công dân/số Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần từng loại của Cổ đông; mức cổ tức đối với từng Cổ phần và tổng số cổ tức mà Cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của VAB.

11. Trường hợp Cổ đông chuyển nhượng Cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ VAB.
12. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc VSDC.

Điều 85. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 86. Trích lập các quỹ⁹²

1. Lợi nhuận của VAB sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phân lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:
 - a) Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo các giao dịch, hợp đồng đã ký kết (nếu có).
 - b) Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp.
 - c) Trích 10% vào Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của VAB. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của VAB.
 - d) Phần lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại điểm a, điểm b, điểm c Khoản này được phân phối theo thứ tự sau:
 - Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính;
 - Lợi nhuận còn lại được phân phối tiếp cho việc trích vào các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ chia cổ tức do Đại hội đồng cổ đông thông qua hằng năm.
2. Các vấn đề liên quan đến việc trích lập và sử dụng các quỹ nêu trên được thực hiện theo các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VAB.

CHƯƠNG XVI

**TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH
VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

Điều 87. Tài khoản ngân hàng

1. VAB mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, VAB có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. VAB tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà VAB mở tài khoản.

⁹² Điều 26 Nghị định số 135/2025/NĐ-CP



Điều 88. Chế độ tài chính

1. VAB tự chủ về tài chính, thực hiện báo cáo tài chính theo các quy định của pháp luật liên quan tới tài chính, thuế, phí và các quy định liên quan khác của pháp luật, đồng thời thực hiện báo cáo tài chính theo quy định của NHNN đối với các tổ chức tín dụng (ngân hàng thương mại).
2. Đại hội đồng cổ đông giao, phân công, ủy quyền cho Hội đồng quản trị ban hành Quy chế Tài chính của VAB phù hợp với quy định pháp luật trong từng thời kỳ.

Điều 89. Năm tài chính

Năm tài chính của VAB bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch.

Điều 90. Hệ thống kế toán

Thực hiện chế độ kế toán: VAB tổ chức thực hiện chế độ kế toán theo Luật kế toán và hệ thống tài khoản kế toán theo quy định của NHNN đối với các tổ chức tín dụng (ngân hàng thương mại).

CHƯƠNG XVII

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN,
THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

Điều 91. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý⁹³

1. VAB phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều lệ này. VAB công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán của TCTD. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của VAB.

Điều 92. Báo cáo thường niên

VAB phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 93. Báo cáo⁹⁴

1. VAB phải thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, điều tra thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của NHNN và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của VAB chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

⁹³ Điều 55 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC

⁹⁴ Điều 152 Luật các TCTD năm 2024.

2. Ngoài các báo cáo quy định tại Điều 93.1, VAB có trách nhiệm báo cáo kịp thời bằng văn bản với NHNN trong các trường hợp sau:
 - a) Phát sinh diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của VAB;
 - b) Thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của Cổ đông lớn và thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của VAB; mua, bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn;
 - c) Thay đổi tên chi nhánh của VAB; tạm ngừng hoạt động kinh doanh dưới 05 ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.
3. Công ty con, Công ty liên kết của VAB có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho NHNN khi được yêu cầu.
4. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, VAB phải gửi NHNN các báo cáo hằng năm theo quy định của pháp luật.
5. VAB có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo các quy định về công bố thông tin của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và của Ủy ban chứng khoán Nhà nước hướng dẫn công ty đại chúng công bố thông tin.

Điều 94. Công khai báo cáo tài chính

1. Trong thời hạn 120 (một trăm hai mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, VAB phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật⁹⁵.
2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm được kiểm toán, VAB phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm theo quy định tại Luật Chứng khoán và các quy định khác có liên quan của pháp luật áp dụng đối với công ty đại chúng⁹⁶.

Điều 95. Thông tin⁹⁷

1. VAB phải thông tin cho chủ tài khoản về giao dịch và số dư trên tài khoản tại VAB cho chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản.
2. VAB được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động của VAB.
3. VAB có trách nhiệm báo cáo, cung cấp cho NHNN các thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được NHNN cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với VAB theo quy định của NHNN.
4. VAB có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung và các quy định khác có liên quan của pháp luật áp dụng đối với công ty đại chúng.

⁹⁵ Điều 154 Luật các TCTD năm 2024;

⁹⁶ Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC

⁹⁷ Điều 12 Luật các TCTD năm 2024;

Điều 96. Bảo mật thông tin⁹⁸

1. Nhân viên, Người quản lý, Người điều hành của VAB và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật kinh doanh của VAB.
2. VAB phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại VAB.
3. VAB không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch khác của khách hàng tại VAB cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

CHƯƠNG XVIII**HỆ THỐNG KIỂM TOÁN, KIỂM SOÁT NỘI BỘ⁹⁹****MỤC 1****KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP, KIỂM TOÁN NỘI BỘ****Điều 97. Kiểm toán độc lập¹⁰⁰**

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, VAB phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập đáp ứng yêu cầu theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, VAB phải thông báo cho NHNN về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.
2. VAB phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.
3. Kiểm toán viên độc lập được phép tham dự các phiên họp Đại hội đồng cổ đông, thu thập các thông tin và các thông tin khác liên quan đến bất kỳ phiên họp nào mà các Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.¹⁰¹

Điều 98. Bộ phận kiểm toán nội bộ¹⁰²

1. Kiểm toán nội bộ của VAB được tổ chức thành hệ thống thống nhất theo ngành dọc, trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát.
2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của VAB; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao

⁹⁸ Điều 13 Luật các TCTD năm 2024;⁹⁹ Thông tư số 44/2011/TT-NHNN;¹⁰⁰ Điều 59 Luật các TCTD năm 2024;¹⁰¹ Điều 57 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC;¹⁰² Điều 58 Luật các TCTD năm 2024;

hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm VAB hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban Kiểm soát và gửi Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc VAB.

Điều 99. Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh của kiểm toán nội bộ¹⁰³

Ban Kiểm soát bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.

MỤC 2

KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Điều 100. Thiết lập và duy trì hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ

1. VAB phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ giúp Tổng Giám đốc điều hành thông suốt, an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động nghiệp vụ của VAB.
2. Hệ thống kiểm soát nội bộ của VAB là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của VAB được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của NHNN và được tổ chức thực hiện nhằm kiểm soát, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra.
3. Hệ thống kiểm soát nội bộ của VAB phải bảo đảm các yêu cầu sau đây¹⁰⁴:
 - a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
 - b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;
 - c) Mọi hoạt động của VAB đảm bảo tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy định, quy trình nội bộ;
 - d) Kiểm soát xung đột lợi ích; phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm;
 - e) Nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của cá nhân, bộ phận đối với kiểm soát nội bộ để xây dựng, duy trì văn hóa kiểm soát của VAB.
4. Các đơn vị kiểm soát nội bộ của VAB phải thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành pháp luật và các quy định nội bộ; trực tiếp kiểm tra, kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ trên tất cả các lĩnh vực tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

Điều 101. Bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách

1. Tùy theo quy mô, mức độ, phạm vi và đặc thù hoạt động của mình, VAB tự xem xét, quyết định thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách, chịu sự điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc. Trong mọi trường hợp dù có hay không có bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách,

¹⁰³ Điều 52 Luật các TCTD 2024;

¹⁰⁴ Điều 14.1 Thông tư 13/2018/TT-NHNN;



VAB phải thiết lập, duy trì, tổ chức thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ theo các quy định của NHNN.

- Bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật và các quy chế, quy định nội bộ, quy trình nghiệp vụ của VAB; giúp Tổng Giám đốc thực hiện việc tự kiểm tra để tổng hợp, rà soát, đánh giá tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm phát hiện, ngăn ngừa và kịp thời kiến nghị xử lý những tồn tại, sai phạm trong mọi hoạt động nghiệp vụ, hoàn thiện hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của NHNN, đảm bảo VAB hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

CHƯƠNG XIX

CON DẤU

Điều 102. Con dấu

- Hội đồng Quản trị quyết định và thông qua con dấu chính thức của VAB. Con dấu của VAB được khắc, đăng ký theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc điều hành quy định về mẫu dấu, số lượng con dấu, quản lý và sử dụng con dấu của VAB theo quy định pháp luật và VAB.

CHƯƠNG XX

CAN THIỆP SỚM, KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT,

GIẢI THỂ, GIA HẠN, THANH LÝ

MỤC 1

CAN THIỆP SỚM, KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT¹⁰⁵

Điều 103. Xây dựng phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm

- VAB phải xây dựng phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.
- Phương án khắc phục quy định tại khoản 1 Điều này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và gửi NHNN trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được thông qua.
- Định kỳ ít nhất 02 năm, VAB cập nhật, điều chỉnh phương án khắc phục quy định tại khoản 1 Điều này. Phương án sau cập nhật, điều chỉnh phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và gửi NHNN trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được thông qua.

Điều 104. Các trường hợp VAB có thể bị áp dụng can thiệp sớm

- Số lỗ lũy kế của VAB lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ, vốn được cấp và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 của Luật Các tổ chức tín dụng.

¹⁰⁵ Chương IX, chương X Luật các TCTD năm 2024.

2. Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc NHNN.
3. Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 138 của Luật Các tổ chức tín dụng trong thời gian 30 ngày liên tục;
4. Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 của Luật Các tổ chức tín dụng trong thời gian 06 tháng liên tục;
5. Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi NHNN.

Điều 105. Chấm dứt can thiệp sớm

VAB chấm dứt can thiệp sớm trong các trường hợp sau đây:

1. NHNN có văn bản chấm dứt việc thực hiện văn bản yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 156 của Luật Các tổ chức tín dụng khi VAB khắc phục được tình trạng dẫn đến thực hiện can thiệp sớm theo quy định tại khoản 1 Điều 156 của Luật Các tổ chức tín dụng và có văn bản báo cáo gửi NHNN;
2. NHNN có văn bản chấp thuận sáp nhập, hợp nhất VAB với tổ chức tín dụng khác theo quy định tại Điều 201 của Luật Các tổ chức tín dụng;
3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyết định giải thể, phá sản VAB theo quy định của pháp luật;
4. NHNN có quyết định đặt VAB vào kiểm soát đặc biệt quy định tại Điều 162 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 106. Xử lý trong trường hợp bị rút tiền hàng loạt

1. Khi bị rút tiền hàng loạt, VAB phải báo cáo NHNN và thực hiện ngay các biện pháp sau đây:
 - a) Không chia cổ tức bằng tiền mặt; tạm dừng hoặc hạn chế các hoạt động cấp tín dụng và các hoạt động khác có sử dụng nguồn tiền của VAB; các giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu chi trả tiền gửi cho khách hàng;
 - b) Thực hiện các biện pháp tại phương án khắc phục trong tình huống bị rút tiền hàng loạt theo phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm; cập nhật, điều chỉnh phương án trong trường hợp cần thiết.
2. Trường hợp VAB đang được can thiệp sớm bị rút tiền hàng loạt, VAB phải báo cáo NHNN về tình trạng rút tiền hàng loạt và rà soát, đánh giá lại thực trạng để xây dựng, điều chỉnh phương án khắc phục theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.
3. VAB được áp dụng biện pháp hỗ trợ sau đây khi bị rút tiền hàng loạt:
 - a) Bán giấy tờ có giá cho NHNN trên nghiệp vụ thị trường mở với lãi suất 0%;
 - b) Thực hiện giao dịch ngoại tệ với NHNN để bảo đảm thanh khoản theo quy định của Thống đốc NHNN;
 - c) Vay đặc biệt từ NHNN; vay đặc biệt từ tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi; vay đặc biệt từ tổ chức tín dụng khác.

Điều 107. Các trường hợp VAB có thể được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt

1. VAB được can thiệp sớm nhưng không có phương án khắc phục gửi NHNN hoặc không điều chỉnh phương án khắc phục theo yêu cầu bằng văn bản của NHNN;

2. Trong thời hạn thực hiện phương án khắc phục, VAB được can thiệp sớm nhưng không có khả năng thực hiện phương án khắc phục;
3. Hết thời hạn thực hiện phương án khắc phục mà VAB không khắc phục được tình trạng dẫn đến thực hiện can thiệp sớm;
4. Bị rút tiền hàng loạt và có nguy cơ gây mất an toàn hệ thống tổ chức tín dụng;
5. Tỷ lệ an toàn vốn của VAB thấp hơn 04% trong thời gian 06 tháng liên tục;
6. VAB bị giải thể không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ trong quá trình thanh lý tài sản.

Điều 108. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc khi VAB trong tình trạng kiểm soát đặc biệt

1. Xây dựng phương án cơ cấu lại theo yêu cầu của Ban Kiểm soát đặc biệt;
2. Thực hiện chủ trương, phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.
3. Tiếp tục quản trị, kiểm soát, điều hành hoạt động và bảo đảm an toàn tài sản của ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật trừ trường hợp bị đình chỉ, tạm đình chỉ quyền quản trị, điều hành, kiểm soát ngân hàng.
4. Thực hiện yêu cầu của Ban Kiểm soát đặc biệt, NHNN theo quy định của pháp luật.

Điều 109. Khoản vay đặc biệt¹⁰⁶

1. NHNN cho vay đặc biệt bằng nguồn tiền từ thực hiện chức năng của ngân hàng trung ương về phát hành tiền trong các trường hợp sau:
 - a) VAB bị rút tiền hàng loạt và khi VAB được kiểm soát đặc biệt để chi trả tiền gửi cho người gửi tiền;
 - b) VAB khi được kiểm soát đặc biệt để thực hiện phương án phục hồi đã được phê duyệt;
 - c) VAB khi được kiểm soát đặc biệt để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;
2. Tổ chức tín dụng khác (trừ Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam) cho vay đặc biệt trong các trường hợp sau:
 - a) VAB bị rút tiền hàng loạt để chi trả tiền gửi cho người gửi tiền;
 - b) VAB được kiểm soát đặc biệt để thực hiện phương án phục hồi đã được phê duyệt;
 - c) VAB được kiểm soát đặc biệt để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

Điều 110. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt

NHNN xem xét, quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt đối với VAB khi được kiểm soát đặc biệt thuộc một trong các trường hợp sau đây:

¹⁰⁶ Điều 4 Thông tư 35/2025/TT-NHNN

1. VAB khắc phục được tình trạng dẫn đến việc bị đặt vào kiểm soát đặc biệt và tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật;
2. Trường hợp được kiểm soát đặc biệt, VAB hoàn thành phương án phục hồi, phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;
3. Trong thời gian kiểm soát đặc biệt, VAB được sáp nhập, hợp nhất vào tổ chức tín dụng khác hoặc bị giải thể;
4. Sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để tiến hành thủ tục phá sản đối với VAB.

MỤC 2

GIẢI THỂ, GIA HẠN, THANH LÝ¹⁰⁷

Điều 111. Giải thể và chấm dứt hoạt động¹⁰⁸

1. VAB giải thể và chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây:
 - a) Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
 - b) Hết thời hạn hoạt động nhưng không đề nghị gia hạn hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
 - c) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.
 - d) VAB không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.
 - e) VAB được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. VAB chỉ giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và được NHNN chấp thuận theo quy định pháp luật.

Điều 112. Gia hạn hoạt động¹⁰⁹

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 (bảy) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để Cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của VAB theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

¹⁰⁷ Mục XIII Luật các TCTD năm 2024;

¹⁰⁸ Từ Điều 207 đến Điều 211 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 202 Luật các TCTD năm 2024;

¹⁰⁹ Điều 204 Luật các TCTD năm 2024;

Điều 113. Thanh lý¹¹⁰

1. Khi giải thể, chấm dứt hoạt động theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, VAB phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của NHNN và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.
2. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản của VAB bị giải thể, nếu phát hiện VAB không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, NHNN quyết định chấm dứt thanh lý tài sản và thực hiện phương án phá sản tổ chức tín dụng theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng
3. VAB có trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản.

CHƯƠNG XXI**GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ****Điều 114. Giải quyết tranh chấp nội bộ¹¹¹**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của VAB hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hoặc các quy định pháp luật hiện hành khác, giữa:
 - a) Cổ đông với VAB; hoặc
 - b) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc hay chức danh quản lý khác theo quy định của VAB.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định chuyên gia độc lập để hành động với tư cách làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong thời hạn 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Trọng tài, Tòa án sẽ do Trọng tài, Tòa án phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 115. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc¹¹²

1. Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu ít nhất 01% (một phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh VAB khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau đây:

¹¹⁰ Điều 61 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

¹¹¹ Điều 62 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC;

¹¹² Điều 166 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

- a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý VAB theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật;
 - b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
 - c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ VAB hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của VAB để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - e) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của VAB để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB.
2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp Cổ đông, nhóm Cổ đông khởi kiện nhân danh VAB sẽ tính vào chi phí của VAB, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.
 3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

CHƯƠNG XXII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 116. Sửa đổi, bổ sung, ban hành Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. Điều lệ VAB sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng Quản trị ký ban hành Điều lệ và thực hiện các thủ tục công bố, báo cáo theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của VAB chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của VAB.

Điều 117. Điều khoản thi hành

1. Điều lệ được lập thành 06 (sáu) bản gốc, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a) 01 (một) bản gốc nộp cho NHNN;
 - b) 01 (một) bản gốc nộp cho NHNN Chi nhánh Khu vực;
 - c) 01 (một) bản gốc đăng ký tại Sở tài chính Thành phố Hà Nội;
 - d) 01 (một) bản gốc nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - e) 02 (hai) bản gốc lưu trữ tại Trụ sở chính VAB.

2. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ VAB có giá trị khi được sao y trích lục theo quy định nội bộ về công tác văn thư của VAB và quy định pháp luật.
3. Quy định chuyển tiếp:
 - a) Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của VAB được bầu, bổ nhiệm trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại Điều 49 và 55 Điều lệ này, Điều 41, 42 và 43 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.
 - b) Hội đồng Quản trị của VAB được bầu trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 50 của Điều lệ này, khoản 1 và khoản 3 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị.
 - c) Ban Kiểm soát của VAB có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 66 Điều lệ này, khoản 2 Điều 51 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14 cho đến hết nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, trừ trường hợp VAB bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban Kiểm soát.
 - d) Cổ đông, cổ đông và người có liên quan sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều lệ này trước ngày 01 tháng 07 năm 2024 được tiếp tục duy trì cổ phần nhưng không được tăng thêm cổ phần cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định của Điều lệ này, trừ trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
4. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông phiên họp thường niên năm 2026 của VAB thông qua ngày/4/2026 và ban hành theo Nghị quyết số/2026/NQ-HĐQT ngày...../...../2026 của Hội đồng Quản trị. Điều lệ này có hiệu lực vào ngày/...../2026. Các bản Điều lệ trước đây của VAB hết hiệu lực từ ngày...../...../2026 trừ việc thực hiện các quy định chuyển tiếp theo quy định tại Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024.



ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

PHƯƠNG THÀNH LONG

Số: 70 /2026/TT-~~HDQT~~

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: “Sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Á”

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (sau đây gọi tắt là Thông tư 116/2020/TT-BTC);
- Căn cứ Quy chế Quản trị nội bộ hiện hành của Ngân hàng TMCP Việt Á (“VAB”),

Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quy chế Quản trị nội bộ VAB, cụ thể như sau:

1. Mục đích sửa đổi và ban hành:

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành và căn cứ yêu cầu thực tiễn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức và hoạt động ngân hàng, việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ của VAB là cần thiết để:

- Đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.

2. Nội dung văn bản sửa đổi, bổ sung và ban hành mới:

Nội dung sửa đổi các Điều/Khoản của Quy chế Quản trị nội bộ VAB: theo nội dung tại Bảng so sánh Quy chế Quản trị nội bộ VAB năm 2025 và dự thảo sửa đổi 2026 - đính kèm Tờ trình này.

3. Nội dung trình phê duyệt của Hội đồng Quản trị:

Từ các nội dung nêu trên, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung như sau:

- Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ VAB;
- Chấp thuận giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện các công việc như sau:
 - Ký ban hành Quy chế Quản trị nội bộ VAB theo nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2026 thông qua tại cuộc họp;

- (ii) Xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ VAB căn cứ trên các quy định pháp luật hiện hành giữa 02 (hai) kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và/hoặc theo hướng dẫn, yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- (iii) Thực hiện công bố thông tin, đăng ký, thông báo cho các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật và thông báo cho các Cổ đông VAB tại website của VAB. Đối với nội dung này, Hội đồng Quản trị được quyền ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc VAB thực hiện.
- c. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027 các nội dung đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại Quy chế Quản trị nội bộ VAB 2026.

Trân trọng kính trình.



Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu Phòng PC&GSTT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH




Phương Thành Long

**BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ VAB
NĂM 2025 VÀ DỰ THẢO SỬA ĐỔI 2026**

STT	Điều khoản sửa đổi		Quy chế quản trị nội bộ 2025	Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ 2026	Diễn giải
	Điều	Điểm - Khoản			
1.	Điều 6	Khoản 2	2. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VAB, hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.	2. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VAB, hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.	Sửa đổi thống nhất nội dung tại Điều lệ
2.		Khoản 4	4. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết ĐHĐCĐ trước đó chưa được thực hiện, HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ tại <u>kỳ họp</u> thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ tại <u>cuộc họp gần nhất thông qua trước</u> khi thực hiện.	4. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết ĐHĐCĐ trước đó chưa được thực hiện, HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ tại <u>phiên họp</u> thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ tại <u>phiên họp gần nhất thông qua</u> trước khi thực hiện.	
3.	Điều 8	Khoản 7	7. Cách thức phân đổi nghị quyết của ĐHĐCĐ: Cổ đông biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại VAB hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ VAB có quyền yêu cầu VAB mua lại cổ phần của mình theo quy định tại Điều lệ VAB. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu VAB mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến VAB trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.	7. Cách thức phân đổi nghị quyết của ĐHĐCĐ: Cổ đông biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại VAB hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ VAB có quyền yêu cầu VAB mua lại cổ phần của mình theo quy định tại Điều lệ VAB. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu VAB mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến VAB trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này. <u>Việc mua lại cổ phần của cổ đông của VAB phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật. Trình</u>	Bổ sung thống nhất nội dung tại Điều 23 Điều lệ

				<u>tư, thủ tục và hồ sơ đề nghị mua lại cổ phần của ngân hàng thương mại cổ phần thực hiện theo quy định của Thống đốc NHNN.</u>	
4.	Điều 11	Khoản 3	3. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.	3. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế phù hợp theo quy định pháp luật. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.	Sửa đổi để thống nhất nội dung Điều lệ.
5.	Điều 26.	Khoản 4	Giám đốc Khối Tài chính thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định nội bộ của VAB và theo phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.	Lược bỏ	Sửa đổi để thống nhất nội dung Điều lệ.
6.	Tiêu đề Phụ lục I		Tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và hình thức bỏ phiếu điện tử	Sửa đổi: TỔ CHỨC CUỘC HỌP ĐHĐCĐ TRỰC TUYẾN VÀ HÌNH THỨC BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ	Thêm cụm từ “Cuộc họp” vào trước ĐHĐCĐ và “Hình thức” vào trước cụm từ “Bỏ phiếu điện tử” để logic và phù hợp quy định
7.	Điều 1 Phụ lục I	Khoản 1	1. Phụ lục này quy định về việc tổ chức và tham dự ĐHĐCĐ (thường niên hoặc bất thường) của VAB theo hình thức Đại hội trực tuyến và quy định về việc biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu điện tử của các cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.	1. Phụ lục này quy định về việc tổ chức và tham dự ĐHĐCĐ (thường niên hoặc bất thường) của VAB theo hình thức Đại hội trực tuyến và quy định về việc biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu điện tử <u>đối với bất cứ hình thức họp nào</u> của các cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.	Bổ sung cụm từ “đối với bất cứ hình thức họp nào” để tránh hiểu lầm giữa việc phải kết hợp giữa họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử



8.	Điều 10 Phụ lục I			<p>Bổ sung</p> <p>1. Cách thức bỏ phiếu bầu cử: Việc bầu cử thành viên HĐQT và/hoặc Ban kiểm soát (nếu có) được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Theo đó, mỗi Đại biểu có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết nhân với số lượng thành viên cần bầu. Đại biểu thực hiện bầu cử bằng cách:</p> <p>a. Đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” (hoặc “Bầu đều”) đối với ứng viên mà Đại biểu muốn bầu; hoặc</p> <p>b. Ghi rõ số phiếu bầu cụ thể vào ô tương ứng của từng ứng viên (đảm bảo tổng số phiếu không vượt quá tổng số phiếu bầu được của Đại biểu và không vượt quá số lượng thành viên cần bầu).</p> <p>c. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.</p>	Bổ sung quy định cụ thể
9.	Điều 11 Phụ lục I	Khoản 1	1. Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu điện tử, số phiếu biểu quyết được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số thẻ không ý kiến.	1. Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu điện tử, số phiếu biểu quyết được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số thẻ không ý kiến. <u>Đối với bầu cử: tổng số phiếu bầu hợp lệ cho từng ứng viên theo phương thức bầu dồn phiếu.</u>	Bổ sung quy định cụ thể
10.		Khoản 2		<p>Bổ sung</p> <p>2. Hệ thống sẽ tự động kết xuất biên bản kiểm phiếu điện tử đối với từng nội dung biểu quyết và bầu cử. Biên bản này phải ghi rõ số phiếu hợp</p>	Bổ sung quy định cụ thể



[Handwritten signature] 3

				lệ, số phiếu không hợp lệ (nếu có), tỷ lệ biểu quyết/bầu cử và danh sách ứng viên trúng cử (nếu có).	
11.	Điều 12 Phụ lục I		Căn cứ biên bản kiểm phiếu được ghi nhận như quy định tại Điều 11 Phụ lục này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình Đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội.	1. Căn cứ biên bản kiểm phiếu được ghi nhận như quy định tại Điều 11 Phụ lục này, Ban Bầu cử, Kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình Đại hội. 2. Kết quả kiểm phiếu (bao gồm cả kết quả bầu cử thành viên HĐQT/Ban kiểm soát) sẽ được Chủ tọa hoặc Trưởng Ban Bầu cử, Kiểm phiếu công bố công khai ngay tại Đại hội trước khi bế mạc. Kết quả này được ghi nhận trong Biên bản Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung quy định cụ thể
12.	Điều 16 Phụ lục I		Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để ĐHĐCĐ có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, tất cả các vấn đề đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong ĐHĐCĐ được triệu tập gần nhất.	Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để cuộc họp ĐHĐCĐ được tiếp tục tiến hành <u>và/hoặc việc biểu quyết/bầu cử không thể</u> tiếp tục diễn ra trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, tất cả các nội dung đã được Đại hội biểu quyết/bầu cử thông qua hợp lệ (bao gồm cả dữ liệu ghi nhận trên hệ thống điện tử) trước thời điểm tuyên bố tạm dừng <u>vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý. Việc tiếp tục cuộc họp và/hoặc tiếp tục hoặc lựa chọn hình thức biểu quyết/bầu cử các vấn đề khác chưa được thông qua sẽ được giải quyết theo quy chế cuộc họp ĐHĐCĐ được thông qua khi tiến hành cuộc họp.</u>	Sửa đổi phù hợp thực tế và tạo sự linh hoạt cho việc áp dụng phương thức giải quyết sự cố phát sinh tại cuộc họp.

Tất cả các nội dung sửa đổi được trình bày toàn văn theo Quy Chế Quản Trị Nội Bộ 2026 đính kèm



DỰ THẢO

QUY CHẾ

QUẢN TRỊ NỘI BỘ NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ngày tháng..... năm ...
của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị ngân hàng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông và Ngân hàng TMCP Việt Á (“VAB”), quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác đảm bảo VAB hoạt động phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ VAB và các chuẩn mực, thông lệ trong hoạt động kinh doanh ngân hàng nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với các bộ phận trong bộ máy tổ chức của VAB được quy định tại Điều lệ VAB, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCD”), Hội đồng Quản trị (“HDQT”), Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các đơn vị, bộ phận, cá nhân liên quan khác của VAB.

Điều 2. Các nguyên tắc quản trị cơ bản

Quy chế này được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc quản trị cơ bản sau đây:

1. Tuân thủ các quy định có liên quan của Pháp luật và Điều lệ VAB.
2. Cơ cấu quản trị, điều hành hợp lý, hiệu quả.
3. Bảo đảm hiệu quả hoạt động của HDQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc; nâng cao trách nhiệm của HDQT.
4. Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị VAB.
5. Bảo đảm quyền của Cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông.
6. Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của VAB; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.
7. Ngăn ngừa xung đột lợi ích.

Điều 3. Cơ cấu quản trị VAB

Cơ cấu quản trị VAB gồm có:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị.
3. Ban Kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.

Điều 4. Giải thích thuật ngữ

Các từ ngữ và thuật ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ VAB có cùng ý nghĩa khi áp dụng trong Quy chế này. Mọi tham chiếu đến một hoặc nhiều quy định hay văn bản khác đều bao gồm cả các nội dung sửa đổi hoặc các văn bản thay thế của những quy định, văn bản đó. Trường hợp các định nghĩa không được thể hiện trong Quy chế này hoặc không còn phù hợp, sẽ áp dụng các quy định mới theo quy định của pháp luật hoặc theo Điều lệ của VAB ban hành từng thời kỳ.

Chương II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐÔNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB. Ngoài ra, cổ đông VAB có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp VAB có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông.
2. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do VAB công bố theo quy định của pháp luật.
3. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ VAB, nghị quyết/quyết định của HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ VAB gây thiệt hại cho VAB, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định/nghị quyết đó theo quy định của pháp luật.
4. Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:
 - a. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của VAB và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB.
 - b. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật, Điều lệ VAB và các quy định nội bộ của VAB.

Điều 6. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ

1. Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ VAB tuân thủ theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.
2. ĐHĐCĐ gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VAB, hoạt động thông qua phiên họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định tại Điều lệ VAB.
4. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết ĐHĐCĐ trước đó chưa được thực hiện, HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ tại phiên họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ tại phiên họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 7. Cuộc họp ĐHĐCĐ

Cuộc họp ĐHĐCĐ của VAB được thực hiện theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB, cụ thể như sau:

- a. Họp ĐHĐCĐ thường niên: ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần do HĐQT triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- b. Hợp DHDCD bất thường: DHDCD bất thường được triệu tập trong một số trường hợp nhất định được quy định tại Điều lệ VAB.
- c. VAB phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm của VAB dự hợp DHDCD thường niên trong trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của VAB có các khoản ngoại trừ trọng yếu.
- d. Các trường hợp triệu tập hợp DHDCD khác và nội dung liên quan thực thực hiện theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.

Điều 8. Trình tự, thủ tục DHDCD thông qua Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp DHDCD

1. Thẩm quyền triệu tập DHDCD: DHDCD được triệu tập bởi HĐQT hoặc theo các trường hợp quy định pháp luật và Điều lệ VAB.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự hợp DHDCD được lập dựa trên danh sách người sở hữu chứng khoán do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp và theo quy định tại Điều lệ VAB.
3. VAB phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự hợp DHDCD tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
4. Thông báo mời hợp DHDCD được gửi cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự hợp với nội dung và theo phương thức, thời gian được quy định tại Điều lệ VAB.
5. Chương trình, nội dung hợp DHDCD:
Chương trình hợp DHDCD, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại DHDCD được gửi cho các cổ đông và/hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của VAB. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời hợp DHDCD, thông báo mời hợp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu hợp được công bố trên website của VAB để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: Chương trình hợp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát; Phiếu biểu quyết; Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình hợp.
6. Cách thức đăng ký tham dự DHDCD:
 - a. Cổ đông có thể xác nhận việc tham dự hợp DHDCD theo các cách thức sau: gửi giấy xác nhận tham dự hợp DHDCD đến VAB, xác nhận với người được thay mặt VAB tiếp nhận xác nhận tham dự hợp DHDCD trên thông báo mời hợp qua điện thoại, thư điện tử hoặc fax hoặc hình thức khác được ghi trên thông báo mời hợp.
 - b. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự hợp DHDCD. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự hợp DHDCD phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được uỷ quyền, số lượng cổ phần được uỷ quyền và có chữ ký theo quy định sau đây:
 - Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự hợp;
 - Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và người được uỷ quyền dự hợp;

- Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

7. Cách thức phân đối nghị quyết của ĐHĐCĐ:

Cổ đông biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại VAB hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ VAB có quyền yêu cầu VAB mua lại cổ phần của mình theo quy định tại Điều lệ VAB. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu VAB mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến VAB trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này. Việc mua lại cổ phần của cổ đông của VAB phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục và hồ sơ đề nghị mua lại cổ phần của ngân hàng thương mại cổ phần thực hiện theo quy định của Thống đốc NHNN.

8. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ: Biên bản họp ĐHĐCĐ phải thể hiện rõ các nội dung quy định tại Điều lệ VAB và diễn biến của cuộc họp ĐHĐCĐ. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin trên website của VAB trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp; việc gửi biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải trên website của VAB.
9. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ: Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; VAB thực hiện gửi nghị quyết bằng việc đăng tải lên website của VAB, đồng thời thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
10. VAB tiến hành trình tự, thủ tục triệu tập họp, điều kiện tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ; các quy định khác về cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ, cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu, của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ của VAB. Những nội dung chưa được quy định tại Điều lệ thì sẽ áp dụng tại Quy chế này.

Điều 9. Trình tự, thủ tục ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, hội nghị trực tuyến và các hình thức khác

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, hội nghị trực tuyến hoặc các hình thức khác để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của VAB.
2. Trình tự, thủ tục ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB.
3. Trình tự thủ tục ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến được hướng dẫn tại phụ lục 01 đính kèm Quy chế này, các hình thức khác thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ VAB.

Điều 10. Báo cáo hoạt động của HĐQT và Ban Kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ VAB. Ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo

quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ VAB.

- b. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT.
- c. Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT
- d. Hoạt động của các ủy ban khác thuộc HĐQT (nếu có).
- e. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc.
- f. Kết quả giám sát đối với Người điều hành khác.
- g. Các kế hoạch trong tương lai.
- h. Báo cáo về các giao dịch giữa VAB, công ty con của VAB với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa VAB với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

2. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát

Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ VAB.

Ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ VAB.
- b. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát.
- c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của VAB.
- d. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc và các Người điều hành khác của VAB.
- e. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
- f. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa VAB, công ty con của VAB với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của VAB và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa VAB với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác của VAB là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý VAB trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Cơ cấu tổ chức và vai trò của HĐQT trong quản trị

1. HĐQT là cơ quan quản trị VAB, có toàn quyền nhân danh VAB để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VAB không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. HĐQT bao gồm các thành viên đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ VAB từng thời kỳ.

Số lượng thành viên HĐQT tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định. Cơ cấu thành phần của HĐQT, số lượng thành viên HĐQT độc lập đảm bảo theo quy định tại Điều lệ VAB.

- Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế phù hợp theo quy định pháp luật. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
- Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT được quy định theo pháp luật hiện hành, quy định nội bộ và Điều lệ VAB từng thời kỳ.

Điều 12. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ VAB từng thời kỳ và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Cách thức ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

Việc đề cử người vào HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có quyền đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định nội bộ của VAB. Việc HĐQT giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB.

2. Giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

- Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của VAB để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.
- Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm:
 - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các chức danh quản lý khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
 - Các lợi ích liên quan đến VAB và các bên có liên quan của VAB (nếu có);
 - Các thông tin khác (nếu có).
- Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của VAB nếu được bầu làm thành viên HĐQT.
- Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều lệ VAB.
- Các trường hợp bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT được thực hiện theo quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ VAB từng thời kỳ.
- Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, nhận được đơn xin từ nhiệm của thành viên HĐQT, VAB phải công bố thông tin về các quyết định này trên trang thông tin điện tử của VAB (trong đó cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ).

Đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật.

Điều 14. Tư cách thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.
2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của VAB.
3. Thành viên HĐQT không cùng đảm nhiệm các chức vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.

Điều 15. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT được quy định theo Điều lệ VAB và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT

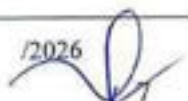
1. HĐQT phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần theo trình tự, thủ tục họp quy định tại Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VAB.
2. Chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo thời hạn quy định của pháp luật, Điều lệ VAB và chi tiết tại Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VAB.
3. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp HĐQT phải được lập thành Nghị quyết thông qua.

Điều 17. Nghị quyết, quyết định của HĐQT

1. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua theo quy định tại Điều lệ VAB và chi tiết tại Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT VAB.
2. Nghị quyết, quyết định của HĐQT phải được gửi 01 (một) bản sao cho Trường Ban Kiểm soát để giám sát và 01 (một) bản sao cho Tổng Giám đốc để biết, thực hiện sau ban hành.
3. Nghị quyết, quyết định của HĐQT có tính hiệu lực cao nhất giữa hai kỳ họp ĐHĐCĐ. Mọi bộ phận, cá nhân trong VAB, kể cả thành viên HĐQT đều có nghĩa vụ thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT.
4. Tổng Giám đốc và/hoặc người được Tổng Giám đốc phân công chỉ đạo chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nội dung có liên quan đã nêu tại nghị quyết, quyết định của HĐQT. Tổng Giám đốc phải nhanh chóng báo cáo Chủ tịch HĐQT trong trường hợp nhận thấy việc thực hiện nghị quyết, quyết định trên thực tế tại thời điểm hiện tại hoặc tương lai có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh của VAB để HĐQT xem xét. Trường hợp HĐQT không ban hành nghị quyết, quyết định thay thế, Tổng Giám đốc có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT đã được ban hành.

Điều 18. Các Ủy ban/Hội đồng thuộc HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập các Ủy ban/Hội đồng để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều lệ VAB và theo quy định của pháp luật hiện hành. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban/Hội đồng này do HĐQT quy định phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
2. Việc thành lập và hoạt động của các Ủy ban/Hội đồng thuộc HĐQT bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:



- a. Các Ủy ban/Hội đồng thuộc HĐQT
- b. Cơ cấu của các Ủy ban/Hội đồng
- c. Tiêu chuẩn thành viên của Ủy ban/Hội đồng, chủ tịch Ủy ban/Hội đồng
- d. Việc thành lập Ủy ban/Hội đồng
- e. Trách nhiệm và nội dung hoạt động của các Ủy ban/Hội đồng và từng thành viên.

Chương IV **BAN KIỂM SOÁT**

Điều 19. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban Kiểm soát trong quản trị ngân hàng

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
2. Ban Kiểm soát của VAB có tối thiểu 05 thành viên, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Trưởng Ban Kiểm soát phân công công việc cho các thành viên Ban Kiểm soát về toàn bộ hoạt động của Ban Kiểm soát.
3. Ban Kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình, được sử dụng các nguồn lực của VAB, được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.
4. Ban Kiểm soát ban hành quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 20. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện, các trường hợp không được đồng thời đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ VAB từng thời kỳ.

Điều 21. Thù lao và các quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định tại Điều lệ VAB từng thời kỳ, quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 22. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Cách thức ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát
 - a. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB.
 - b. Trường hợp số lượng ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có quyền đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định nội bộ của VAB. Việc Ban Kiểm soát giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.
2. Giới thiệu ứng viên thành viên Ban Kiểm soát
 - a. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm soát được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên

trang thông tin điện tử của VAB để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

- b. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban Kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:
- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
 - Các lợi ích liên quan đến VAB và các bên có liên quan của VAB (nếu có);
 - Các thông tin khác (nếu có).
3. Ứng viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của VAB nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều lệ VAB.
5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB.
6. Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát, nhận được đơn xin từ nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát, VAB phải công bố thông tin về các quyết định này trên trang thông tin điện tử của VAB (trong đó cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ). Đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB. Ngoài ra, Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
2. Giám sát tình hình tài chính VAB, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác;
3. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ VAB của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác của VAB, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
4. Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ VAB.
5. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông.
6. Xây dựng Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát và trình ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 24. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát họp định kỳ mỗi quý 01 (một) lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết công việc đột xuất. Số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.

2. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.
3. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên Ban Kiểm soát quan tâm.

Điều 25. Quyết định của Ban Kiểm soát

1. Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua theo quy định tại Điều lệ VAB và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.
2. Quyết định của Ban Kiểm soát phải được gửi 01 (một) bản cho các thành viên HĐQT và 01 (một) bản cho Tổng Giám đốc để biết, thực hiện ngay sau khi ban hành.

Chương V

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 26. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc và Người điều hành khác¹

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của VAB, chịu sự giám sát của HĐQT và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc có vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ VAB.
2. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành một số lĩnh vực trong hoạt động của VAB theo phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, phân quyền.
3. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê của VAB, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.
4. Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định theo quy định tại Điều lệ và các quy định nội bộ của VAB thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định nội bộ của VAB và theo phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc. Báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, ủy quyền.
5. Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có nhiệm vụ quản lý, điều hành trực tiếp hoạt động kinh doanh của VAB theo chính sách, định hướng được ĐHĐCD và HĐQT đề ra trong từng thời kỳ và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCD, HĐQT về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
6. Tổng Giám đốc xây dựng, ban hành và thực hiện Quy định điều hành của Tổng Giám đốc phù hợp với quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ VAB và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCD, HĐQT và quy định tại Quy chế này.

Điều 27. Tiêu chuẩn, điều kiện làm Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

¹ Người điều hành khác được hiểu là những Người điều hành (theo khoản 13 Điều 1 Điều lệ VAB) còn lại ngoài Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VAB.

1. Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện, các trường hợp không được đồng thời đảm nhiệm chức vụ theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ VAB.
2. Kế toán trưởng phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành và Điều lệ của VAB.
3. Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định nội bộ của VAB. Tổng Giám đốc chỉ đạo xây dựng và quyết định tiêu chuẩn cụ thể đối với các chức danh trên.

Điều 28. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

1. HĐQT lựa chọn và ra quyết định bổ nhiệm một trong số các thành viên HĐQT làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc theo quy định pháp luật và quy định nội bộ VAB.
2. Việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc và Người điều hành khác thực hiện theo Điều lệ và các quy định có liên quan của VAB từng thời kỳ.
3. VAB thực hiện thủ tục công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc và Người điều hành khác theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 29. Quyết định, chỉ đạo, điều hành của Tổng Giám đốc và Người điều hành khác

1. Quyết định, chỉ đạo của Tổng Giám đốc:
 - a. Căn cứ tình hình thực tế và phạm vi trách nhiệm, quyền hạn được HĐQT phân cấp theo quy định nội bộ VAB và quy định pháp luật, Tổng Giám đốc được toàn quyền quyết định hoặc chỉ đạo điều hành nhằm đảm bảo hoạt động VAB phát triển an toàn, bền vững theo đúng định hướng, chiến lược được ĐHĐCD và HĐQT thông qua trong từng thời kỳ.
 - b. Quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc có hiệu lực cao nhất đối với mọi cán bộ trong VAB, trừ các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát.
 - c. Các Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc các quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc.
2. Quyết định, chỉ đạo của Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác
 - a. Căn cứ tình hình thực tế và phạm vi quyền hạn được Tổng Giám đốc phân cấp, phân quyền, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác được quyền thay mặt Tổng Giám đốc ra các quyết định, chỉ đạo điều hành nhằm đảm bảo hoạt động mảng công việc được Tổng Giám đốc phân công phụ trách phát triển có hiệu quả và phù hợp với định hướng, mục tiêu hoạt động chung của VAB trong từng thời kỳ.
 - b. Quyết định, chỉ đạo điều hành của Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác khi được Tổng Giám đốc phân cấp/phân quyền có giá trị hiệu lực đối với các Đơn vị, cá nhân có liên quan trong VAB tương tự quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc.
 - c. Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng Giám đốc có quyền ra quyết định chỉ đạo điều hành phù định nội dung quyết định, chỉ đạo điều hành của Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác.
3. Quyết định chỉ đạo của Kế toán trưởng
Trách nhiệm, quyền hạn và chỉ đạo của Kế toán trưởng được thực hiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Kế toán, các quy định pháp luật có liên quan và các quy định nội bộ và Điều lệ của VAB trong từng thời kỳ.

4. Báo cáo

- a. Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh quan trọng, các mảng việc lớn hoặc có tính chất thay đổi quy trình nghiệp vụ hoặc có liên quan đến sản phẩm, dịch vụ ngân hàng mới đều phải gửi 01 (một) bản đến HĐQT để báo cáo.
- b. Các Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Tổng Giám đốc về các quyết định và ý kiến chỉ đạo của mình trong phạm vi mảng nhiệm vụ được phân công.

CHƯƠNG VI PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 30. Nguyên tắc phối hợp

HĐQT, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc phối hợp hoạt động theo nguyên tắc:

1. Luôn vì lợi ích chung của VAB.
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của VAB.
3. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 31. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Tổng Giám đốc

1. HĐQT chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB.
2. HĐQT thực hiện nhiệm vụ quản trị ngân hàng theo quy định tại Điều lệ của VAB, Quy chế này và quy định nội bộ của VAB, phù hợp với quy định của pháp luật. HĐQT quyết định các vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của VAB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ (không bao gồm các vấn đề ĐHĐCĐ đã ủy quyền việc ra quyết định cho HĐQT), và các vấn đề xin chấp thuận/phê duyệt của Ngân hàng nhà nước theo quy định của pháp luật.
3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm gửi HĐQT các biên bản, kết luận các cuộc họp định kỳ, đột xuất của Ban Điều hành trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Tổng Giám đốc báo cáo HĐQT kết quả thực hiện các các nghị quyết, quyết định của HĐQT, ĐHĐCĐ định kỳ hàng quý.
5. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của VAB hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng Giám đốc cần báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp theo dõi mảng công việc đó.
6. HĐQT được quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và các Đơn vị báo cáo thực hiện công việc cung cấp thông tin, chấp hành chế độ báo cáo nhằm thực hiện chức năng quản trị, kiểm soát ngân hàng theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của VAB, phù hợp với quy định của pháp luật. Các thông tin, số liệu báo cáo, cung cấp cho HĐQT phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, kịp thời, đầy đủ, phản ánh đúng tình hình hoạt động của VAB, phù hợp với yêu cầu quản trị ngân hàng, phù hợp với quy định của pháp luật.

7. HDQT tạo điều kiện để các thành viên HDQT, Tổng Giám đốc được tham gia học tập, nâng cao trình độ, các hoạt động khảo sát thực tế trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành VAB. Việc tham gia các khóa học nghiệp vụ của thành viên HDQT, Tổng Giám đốc không được ảnh hưởng đến công việc chung của VAB.

Điều 32. Phối hợp hoạt động giữa HDQT với Ban Kiểm soát

1. HDQT phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
2. HDQT đảm bảo quyền của Ban Kiểm soát được tiếp cận, cung cấp thông tin, tài liệu, quyền tham gia các cuộc họp được triệu tập theo quy định của HDQT.
3. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban Kiểm soát được quyền yêu cầu HDQT cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của VAB.
4. HDQT đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và thông tin khác được cung cấp cho thành viên HDQT, biên bản họp HDQT phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát cùng với việc cung cấp cho thành viên HDQT.
5. Ban Kiểm soát phối hợp và thông tin kịp thời cho HDQT về kết quả giám sát, kiểm toán nội bộ, tham khảo ý kiến của HDQT đối với các nội dung báo cáo, tài liệu của Ban Kiểm soát trước khi trình DIHDCD hoặc cung cấp/công bố cho các đơn vị bên ngoài VAB.

Điều 33. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Tổng Giám đốc

1. Phối hợp trong triển khai công việc được giao
 - a. Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng Giám đốc có thể mời Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp. Khi tham dự họp, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát có thể góp ý kiến (nếu có). Chủ tọa và/hoặc thư ký cuộc họp gửi cho Ban Kiểm soát 01 (một) biên bản họp này.
 - b. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng công việc mà thành viên Ban Kiểm soát đó được phân công thực hiện.
 - c. Tổng Giám đốc chịu mọi trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát được tiếp cận thông tin và báo cáo trong thời gian nhanh nhất.
 - d. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của VAB, Tổng Giám đốc cần báo cáo ngay cho Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp theo dõi mảng công việc đó.
2. Phối hợp khác
Tổng Giám đốc tạo điều kiện cho các thành viên Ban Kiểm soát tham gia các khóa học nghiệp vụ, các hoạt động khảo sát thực tế, hội thảo nghiệp vụ trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành ngân hàng. Việc tham gia các khóa học nghiệp vụ của thành viên Ban Kiểm soát không được ảnh hưởng đến công việc chung của VAB.
3. Các nội dung phối hợp cụ thể giữa Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định nội bộ của VAB ban hành từng thời kỳ.

CHƯƠNG VII

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LỢI ÍCH LIÊN QUAN

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB.
2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho VAB vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác có trách nhiệm báo cáo HĐQT, Ban Kiểm soát về các giao dịch do chính thành viên đó hoặc do những người có liên quan của thành viên đó thực hiện có liên quan đến VAB theo quy định tại Điều lệ VAB. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do ĐHCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, VAB phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định pháp luật về công bố thông tin.
4. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT, Ban Kiểm soát trong các giao dịch giữa VAB với Công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; các giao dịch giữa VAB với Công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) hoặc cổ đông lớn.
5. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó tham gia, kể cả trong trường hợp lợi ích trong giao dịch này chưa được xác định, và/hoặc cho dù lợi ích này là vật chất hay phi vật chất. Các giao dịch nêu trên phải được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính cùng kỳ và công bố trong báo cáo tài chính thường niên.
6. Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của VAB hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 35. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, VAB phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Tổng Giám đốc và/hoặc Người điều hành khác tiến hành công bố thông tin hợp đồng theo quy định pháp luật và quy định VAB (nếu có).
2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu những người phải công khai lợi ích liên quan theo quy định của Điều lệ VAB và các cổ đông sở hữu tối thiểu 05% số cổ phần có quyền biểu quyết của VAB cung cấp và cập nhật định kỳ những thông tin về người có liên quan của họ.
3. VAB áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của VAB.

Điều 36. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến VAB

1. VAB tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến VAB bao gồm chủ nợ, người lao động, người sử dụng dịch vụ của VAB, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến VAB.
2. VAB hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến VAB thông qua việc:
 - a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho chủ nợ để giúp họ đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của VAB và đưa ra quyết định.
 - b. Khuyến khích những người có quyền lợi liên quan đến VAB đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan đến lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.
 - c. VAB tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

CHƯƠNG VIII

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHIEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 37. Phương thức đánh giá hoạt động

Tùy thuộc quyết định của HĐQT, việc đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có thể được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau đây:

1. Tự nhận xét đánh giá;
2. Đánh giá hoạt động định kỳ 06 tháng;
3. Đánh giá hoạt động hằng năm được tiến hành vào dịp cuối năm;
4. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
5. Cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm.

Điều 38. Tiêu chí đánh giá hoạt động

Tiêu chí đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác tối thiểu bao gồm các tiêu chí như sau:

1. Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị;
2. Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ VAB và quy định pháp luật;
3. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực và cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm;
4. Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý công việc, việc chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí;
5. Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị, với các đơn vị và mức độ tín nhiệm với nhân viên.

Điều 39. Xếp loại, đánh giá

1. Việc xếp loại, đánh giá thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác thực hiện theo quy định của VAB.

- Các văn bản đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác phải được lưu giữ trong hồ sơ cá nhân tại VAB.

Điều 40. Khen thưởng, kỷ luật

1. Khen thưởng

- Các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của VAB.
- Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo quy định nội bộ của VAB tại từng thời điểm.

2. Kỷ luật, bồi thường thiệt hại

- Các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định khác của VAB, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc xử lý theo các hình khác theo quy định pháp luật và/hoặc VAB và bồi thường thiệt hại cho VAB.
- Nguyên tắc xử lý kỷ luật, các hình thức, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật được thực hiện theo Nội quy lao động, Quy chế xử lý kỷ luật và các văn bản khác của VAB tại từng thời kỳ.

Chương IX

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 41. Công bố thông tin

HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng, ban hành Quy chế về công bố thông tin và tổ chức công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của VAB.

Điều 42. Xử lý vi phạm

- Khi thấy cán bộ, nhân viên nào của VAB (bao gồm cả thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác) có hành vi vi phạm Quy chế này, người phát hiện phải thông báo ngay cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc Trưởng Ban Kiểm soát.
- Mọi trường hợp vi phạm Quy chế này sẽ được HĐQT xem xét và xử lý kỷ luật theo quy định pháp luật và/hoặc quy định của VAB. Trong trường hợp hành vi vi phạm của người đó gây thiệt hại cho VAB, người vi phạm phải bồi thường thiệt hại cho VAB.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Hiệu lực thi hành

- Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
- Trường hợp có mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ VAB về cùng một vấn đề thì quy định tại Điều lệ của VAB được ưu tiên áp dụng. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Quy chế này và Điều lệ của VAB với quy định pháp luật về cùng một vấn đề thì ưu tiên áp dụng quy định pháp luật hiện hành.
- Các nội dung chưa được quy định tại Quy chế này sẽ được áp dụng theo quy định của pháp

luật hiện hành và quy định nội bộ của VAB tùy từng thời điểm do HĐQT, Ban Kiểm soát và/hoặc Tổng Giám đốc ban hành.

4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định. Quy chế quản trị nội bộ VAB sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, ĐHĐCĐ giao HĐQT ký ban hành Quy chế và thực hiện các thủ tục công bố, báo cáo theo quy định pháp luật.
5. Quy định chuyển tiếp:
 - a. Người quản lý, Người điều hành và chức danh khác của VAB được bầu, bổ nhiệm trước ngày Điều lệ VAB có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại các Điều lệ VAB được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.
 - b. HĐQT của VAB được bầu trước ngày Điều lệ VAB có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định của Điều lệ VAB được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ HĐQT.
 - c. Ban Kiểm soát của VAB có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại Điều lệ VAB được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban Kiểm soát cho đến hết nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, trừ trường hợp VAB bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban Kiểm soát.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC I

TỔ CHỨC CUỘC HỌP ĐHĐCD TRỰC TUYẾN VÀ HÌNH THỨC BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phụ lục này quy định về việc tổ chức và tham dự ĐHĐCD (thường niên hoặc bất thường) của VAB theo hình thức Đại hội trực tuyến và quy định về việc biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu điện tử đối với bất cứ hình thức họp nào của các cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCD trực tuyến.
2. Phụ lục này áp dụng đối với toàn bộ cổ đông của VAB và trong toàn hệ thống VAB.

Điều 2. Giải thích từ ngữ:

Trong Phụ lục này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. **Điều lệ** là Điều lệ hoạt động hiện hành đang được áp dụng của VAB.
- b. **Đại biểu** là cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham gia ĐHĐCD và biểu quyết tại cuộc họp.
- c. **ĐHĐCD trực tuyến** là các cuộc họp ĐHĐCD thường niên hoặc bất thường của VAB được tổ chức dưới hình thức sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải âm thanh, hình ảnh thông qua hệ thống trực tuyến kết nối bằng internet để các Đại biểu tham gia dự họp thực hiện các quyền biểu quyết, ý kiến, chất vấn và các quyền liên quan của mình khi tham dự ĐHĐCD. VAB có thể lựa chọn:
 - i. Đại hội cổ đông trực tuyến toàn phần: là toàn bộ các Đại biểu tham gia trực tuyến; hoặc,
 - ii. Đại hội cổ đông trực tuyến một phần: là các Đại biểu có thể lựa chọn tham gia trực tiếp hoặc trực tuyến.
- d. **Đại hội truyền thống** là hình thức tổ chức cuộc họp ĐHĐCD tại duy nhất một địa điểm, cổ đông tham dự, thảo luận và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
- e. **Bỏ phiếu điện tử** là việc Đại biểu thực hiện biểu quyết thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử tại thời điểm diễn ra phiên họp ĐHĐCD.
- f. **Bỏ phiếu truyền thống** là việc Đại biểu tham gia biểu quyết trực tiếp tại Đại hội truyền thống.
- g. **Hệ thống bỏ phiếu điện tử** là hệ thống do VAB quy định và thông báo nhằm cung cấp cho Đại biểu các công cụ để thực hiện quyền biểu quyết, quyền bầu cử khi tham dự ĐHĐCD trực tuyến.
- h. **Sự kiện bất khả kháng** là những sự việc xảy ra ngoài ý chí và khả năng kiểm soát của người triệu tập ĐHĐCD, người điều hành ĐHĐCD và không thể lường trước và khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn trường hợp sau: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền internet, sự cố kỹ thuật tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác....
- i. **Ngày đăng ký cuối cùng** là ngày làm việc do VAB ấn định để xác định danh sách cổ đông được hưởng quyền tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCD phù hợp với thông báo của VAB và quy định pháp luật.

Điều 3. Các nguyên tắc tổ chức DHDCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Được thực hiện và tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và Phụ lục này.
2. Đảm bảo tính phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế; mang lại hiệu quả và an toàn cho việc tổ chức DHDCĐ.
3. Đảm bảo không bỏ sót bất cứ thủ tục nào theo quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ, đáp ứng đầy đủ lợi ích hợp pháp của cổ đông như tổ chức cuộc họp DHDCĐ trực tiếp.
4. Đảm bảo việc bỏ phiếu minh bạch, công khai và thống kê chính xác.

Điều 4. Các trường hợp tổ chức DHDCĐ trực tuyến và nguyên tắc bỏ phiếu

1. Việc tổ chức DHDCĐ trực tuyến được tiến hành căn cứ tình hình và điều kiện thực tế của VAB cũng như yêu cầu xã hội và đảm bảo tuân thủ các quy định về tổ chức DHDCĐ theo quy định pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp sau:
 - a. Khi xảy ra dịch bệnh, thiên tai, có lệnh hạn chế hoặc cấm đi lại (nội địa và/hoặc quốc tế).
 - b. Phải thực hiện cách ly xã hội hoặc phong tỏa từ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - c. Các lý do khách quan và/hoặc trường hợp khác mà HĐQT xét thấy không thuận tiện và/hoặc không thể tổ chức họp DHDCĐ theo hình thức trực tiếp.
2. Điều kiện tiến hành DHDCĐ trực tuyến
 - a. Số Đại biểu tham dự DHDCĐ trực tuyến (tổ chức phiên họp lần 1, lần 2 và lần 3) theo quy định tại Điều lệ VAB hiện hành.
 - b. Hệ thống tổ chức DHDCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đảm bảo đường truyền của Hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, không bị/ hạn chế bị gián đoạn; địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác đáp ứng kịp thời cho việc truyền thông tin, hình ảnh, dữ liệu; đảm bảo an toàn bí mật thông tin, việc truyền và tiếp nhận thông tin tuân thủ theo quy định Luật An ninh mạng và quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; cuộc họp và dữ liệu điện tử của chương trình DHDCĐ trực tuyến phải được lưu trữ, trích xuất theo quy định.
3. Nguyên tắc bỏ phiếu theo từng hình thức tổ chức DHDCĐ:
 - a. Trường hợp tổ chức DHDCĐ trực tuyến toàn phần: sử dụng hình thức bỏ phiếu điện tử để thực hiện việc biểu quyết.
 - b. Trường hợp tổ chức DHDCĐ trực tuyến một phần hoặc trực tiếp: sử dụng hình thức bỏ phiếu truyền thống kết hợp với bỏ phiếu điện tử tùy theo tình hình, nhu cầu thực tế và quy định pháp luật hiện hành.
 - c. Trường hợp phát sinh nội dung mới cần biểu quyết tại DHDCĐ thì Đại biểu thực hiện biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu quy định tại điểm b khoản này tương ứng với hình thức tham dự của từng Đại biểu.
4. DHDCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT/Người triệu tập quyết định hình thức tổ chức họp và biểu quyết tại DHDCĐ thường niên và/hoặc bất thường (họp trực tiếp và/hoặc trực tuyến, bỏ phiếu truyền thống và/hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác được pháp luật cho phép) và thông báo tới các cổ đông khi quyết định thực hiện căn cứ theo tình hình và điều kiện thực tế tại thời điểm dự kiến tổ chức cuộc họp.

Điều 5. Trình tự, thủ tục tiến hành ĐHĐCD trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

Việc tổ chức cuộc họp ĐHĐCD trực tuyến và bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác được pháp luật cho phép phải bao gồm đầy đủ và theo trình tự, đảm bảo thời gian các thủ tục cần thực hiện tương tự như tổ chức cuộc họp ĐHĐCD trực tiếp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật có liên quan (chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp; gửi lại thông báo mời họp và chương trình, tài liệu cuộc họp; đăng ký cổ đông/dăng ký ủy quyền dự họp; xác định Chủ tọa cuộc họp, thông qua chương trình, nội dung cuộc họp và cử Thư ký, bầu Ban Bầu cử, Kiểm phiếu; thảo luận và biểu quyết; lập và thông qua Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCD; công bố thông tin liên quan...) cũng như phải đảm bảo các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCD theo quy định tại Điều lệ và pháp luật có liên quan (tỷ lệ cổ đông tham dự để tiến hành tổ chức Đại hội...).

Điều 6. Điều kiện tham dự và ủy quyền tham dự ĐHĐCD trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Tất cả các cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCD của VAB theo thông báo quyền dự họp của VAB đều được tham dự ĐHĐCD trực tuyến và bỏ phiếu điện tử theo quy định tại Phụ lục này.
2. Cổ đông có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác tham dự ĐHĐCD trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.
3. Việc ủy quyền tham dự ĐHĐCD trực tuyến và bỏ phiếu điện tử được thực hiện như sau:
 - a. Cổ đông là cá nhân: ủy quyền toàn bộ hoặc một phần số cổ phần sở hữu cho duy nhất một cá nhân khác thay mặt tham dự và bỏ phiếu biểu quyết.
 - b. Cổ đông là tổ chức: tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 (ba) người đại diện. Cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông chỉ được ủy quyền cho 01 (một) người đại diện.
 - c. Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền để có cơ sở cấp mã đăng nhập (user), mật khẩu (password) và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền, gồm: họ và tên, số CCCD/Mã số doanh nghiệp, số điện thoại liên hệ, địa chỉ liên lạc.
 - d. Hiệu lực của việc ủy quyền: việc ủy quyền của các cổ đông chỉ có hiệu lực khi thỏa mãn đủ các điều kiện sau:
 - i. Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
 - ii. Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
 - iii. VAB nhận được bản chính Giấy ủy quyền nêu trên trước 04 (bốn) ngày khi ĐHĐCD được khai mạc chính thức.
 - e. Khi ủy quyền có hiệu lực theo như điểm d khoản này thì bên nhận ủy quyền sẽ nhận được thông tin truy cập tham dự ĐHĐCD trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thông qua số điện thoại theo thông tin được cung cấp tại Giấy ủy quyền.
 - f. Hủy bỏ việc ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền tham dự ĐHĐCD trực tuyến và bỏ phiếu điện tử: cổ đông phải gửi văn bản chính thức đề nghị hủy việc ủy

quyền trực tuyến cho VAB. Việc hủy ủy quyền chỉ có hiệu lực khi VAB nhận được văn bản đề nghị hủy ủy quyền trước khi ĐHDCĐ khai mạc chính thức.

- g. Hủy bỏ ủy quyền sẽ không có hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu điện tử để biểu quyết với vấn đề nào của nội dung chương trình cuộc họp ĐHDCĐ.

Điều 7. Cung cấp thông tin và cách thức đăng nhập để tham dự ĐHDCĐ trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Đại biểu được nhận Thư mời họp trực tuyến có hướng dẫn và đường dẫn để truy cập đăng ký tham dự ĐHDCĐ cũng như các tài liệu cho Đại hội.
2. Đại biểu đăng ký tham dự họp ĐHDCĐ trực tuyến thực hiện theo tài liệu hướng dẫn có trong Thư mời để đăng ký thông tin và xác nhận tư cách Đại biểu trước khi tham dự ĐHDCĐ trực tuyến. Đại biểu đăng ký tham dự ĐHDCĐ theo quy định là cơ sở xác định tỷ lệ cổ đông tham dự để tiến hành tổ chức ĐHDCĐ trực tuyến.
3. Sau khi xác thực tư cách Đại biểu hợp lệ, VAB sẽ gửi thông tin được cấp duy nhất cho từng Đại biểu gồm mã đăng nhập (user) và mật khẩu (password) vào số điện thoại do Đại biểu đăng ký. Việc đăng nhập đúng bằng user và đúng password do VAB cấp được xem là chính Đại biểu xác nhận tham dự Đại hội. Đại biểu đăng nhập bằng user và password được cấp để bắt đầu tham dự Đại hội theo như hướng dẫn của VAB đã cung cấp trong Thư mời họp.
4. Đại biểu không đăng ký thông tin và xác nhận tư cách Đại biểu với VAB theo khoản 2 Điều này sẽ không được tham dự ĐHDCĐ trực tuyến nhưng vẫn có quyền tham dự họp ĐHDCĐ trực tiếp (nếu ĐHDCĐ tổ chức trực tuyến một phần).
5. Trường hợp Đại biểu muốn đăng ký thay đổi/dăng ký mới thông tin định danh khác với thông tin đã đăng ký với VAB thì liên hệ với VAB để cập nhật thông tin trước ngày đăng ký cuối cùng theo quy định của VAB.
6. VAB không chịu trách nhiệm đối với việc Đại biểu không cập nhật và/hoặc không cập nhật kịp với VAB các thông tin định danh mới làm ảnh hưởng đến việc tham dự ĐHDCĐ.

Điều 8. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự ĐHDCĐ trực tuyến

1. Đại biểu được hệ thống trực tuyến ghi nhận là tham dự ĐHDCĐ trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống trực tuyến bằng các thông tin và theo cách thức đăng ký tham dự quy định tại Điều 7 Phụ lục này.
2. Việc Đại biểu tham dự ĐHDCĐ trực tuyến thông qua Hệ thống trực tuyến được xem như Đại biểu trực tiếp tham dự và kết quả bỏ phiếu thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử cũng có giá trị như kết quả bỏ phiếu trực tiếp tại ĐHDCĐ.
3. Hệ thống trực tuyến sẽ bắt đầu ghi nhận việc Đại biểu đăng ký tham dự họp ĐHDCĐ trực tuyến trước thời điểm khai mạc 60 phút so với chương trình dự kiến hoặc một thời gian khác sớm hơn theo thông báo mà VAB gửi cho cổ đông.
4. Ban Thẩm tra tư cách Cổ đông căn cứ vào thông tin đăng nhập từ Tài khoản truy cập của các Đại biểu để làm cơ sở xác định số Đại biểu tham dự Đại hội trực tuyến.

Điều 9. Thảo luận tại ĐHDCĐ trực tuyến

1. Nguyên tắc:
 - a. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các

nội dung được trình bày trong chương trình ĐHĐCĐ trực tuyến.

- b. Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận.
 - c. Đại biểu có thể phát biểu, góp ý trực tiếp với Đại hội thông qua hệ thống âm thanh, hình ảnh được kết nối với Ban tổ chức Đại hội hoặc thông qua màn hình chat với Ban thư ký Đại hội.
 - d. Ban thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.
2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:
- a. Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa Đại hội hoặc thành viên do Chủ tọa Đại hội chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu.
 - b. Trường hợp do thời gian bị giới hạn, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được VAB trả lời sau.

Điều 10. Cách thức bỏ phiếu điện tử

1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:
 - a. Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết **“tán thành”**, **“không tán thành”**, **“không ý kiến”** với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
 - b. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết (đối với bỏ phiếu điện tử) để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử: Việc bầu cử thành viên HĐQT và/hoặc Ban kiểm soát (nếu có) được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Theo đó, mỗi Đại biểu có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết nhân với số lượng thành viên cần bầu. Đại biểu thực hiện bầu cử bằng cách:
 - a. Đánh dấu vào ô **“Bầu dồn phiếu”** (hoặc **“Bầu đều”**) đối với ứng viên mà Đại biểu muốn bầu; hoặc
 - b. Ghi rõ số phiếu bầu cụ thể vào ô tương ứng của từng ứng viên (đảm bảo tổng số phiếu không vượt quá tổng số phiếu bầu được của Đại biểu và không vượt quá số lượng thành viên cần bầu).
 - c. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
3. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:
 - a. Việc bỏ phiếu điện tử chỉ được thực hiện khi Đại biểu đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo cách thức quy định tại Điều 7 Phụ lục này.
 - b. Việc bỏ phiếu điện tử được thực hiện vào thời điểm diễn ra cuộc họp và theo diễn tiến cuộc họp cho từng vấn đề cần biểu quyết của nội dung chương trình Đại hội. Đại biểu biểu quyết theo sự điều hành của Chủ tọa Đại hội/người điều hành Đại hội cho các vấn đề cần biểu quyết của nội dung chương trình Đại hội và theo Điều lệ.
 - c. Trường hợp Đại biểu đang kết nối không thực hiện biểu quyết quyết thì được hiểu là Đại biểu đó bỏ phiếu **“không ý kiến”** đối với các nội dung xin ý kiến biểu quyết của Đại biểu.

- d. Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình Đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết đối với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu bỏ phiếu “**không ý kiến**” đối với các nội dung này.
- e. Khi tiến hành Đại hội, Chủ tọa phải thông báo trực tiếp thời gian bỏ phiếu điện tử đối với từng nội dung được biểu quyết. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, Hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.
- f. Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết trong thời gian biểu quyết nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết (bao gồm cả kết quả biểu quyết bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội). Hệ thống bỏ phiếu điện tử chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu đối với từng nội dung được biểu quyết theo thông báo trực tiếp của Chủ tọa Đại hội.
- g. Đại biểu dừng kết nối trước thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử thì các nội dung nào Đại biểu đã bỏ phiếu sẽ được ghi nhận và nội dung nào chưa bỏ phiếu sẽ không được tính khi kiểm phiếu và không được tính vào tỷ lệ cổ đông biểu quyết đối với nội dung chưa bỏ phiếu này. Trường hợp Đại biểu kết nối lại thì Đại biểu được tiếp tục bỏ phiếu nếu chưa kết thúc thời gian bỏ phiếu điện tử của đợt kiểm phiếu đó theo thông báo trực tiếp của Chủ tọa Đại hội và biểu quyết các nội dung còn lại mà Đại hội chưa tiến hành biểu quyết.
- h. Trường hợp Đại biểu gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về số hotline theo thông báo của Ban tổ chức Đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung biểu quyết, Đại biểu không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã biểu quyết và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả biểu quyết này.

Điều 11. Cách thức kiểm phiếu.

1. Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu điện tử, số phiếu biểu quyết được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số thẻ không ý kiến. Đối với bầu cử: tổng số phiếu bầu hợp lệ cho từng ứng viên theo phương thức bầu dồn phiếu.
2. Hệ thống sẽ tự động kết xuất biên bản kiểm phiếu điện tử đối với từng nội dung biểu quyết và bầu cử. Biên bản này phải ghi rõ số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ (nếu có), tỷ lệ biểu quyết/bầu cử và danh sách ứng viên trúng cử (nếu có).
3. Tổng số biểu quyết của từng nội dung biểu quyết tại Đại hội trực tuyến toàn phần là tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ đối với nội dung biểu quyết đó của tất cả Đại biểu tham dự Đại hội trực tuyến. Tổng số biểu quyết tại Đại hội trực tuyến một phần kết hợp trực tiếp bao gồm phiếu biểu quyết hợp lệ của hình thức bỏ phiếu điện tử cộng với hình thức bỏ phiếu truyền thống của tất cả các Đại biểu tham dự.

Điều 12. Thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Căn cứ biên bản kiểm phiếu được ghi nhận như quy định tại Điều 11 Phụ lục này, Ban Bầu cử, Kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình Đại hội.
2. Kết quả kiểm phiếu (bao gồm cả kết quả bầu cử thành viên HĐQT/Ban kiểm soát) sẽ được

Chủ tọa hoặc Trưởng Ban Bầu cử, Kiểm phiếu công bố công khai ngay tại Đại hội trước khi bế mạc. Kết quả này được ghi nhận trong Biên bản Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Tỷ lệ thông qua quyết định của ĐHĐCD trực tuyến

Tỷ lệ thông qua quyết định của ĐHĐCD trực tuyến đối với từng nội dung được biểu quyết tương tự như tỷ lệ thông qua quyết định của ĐHĐCD trực tiếp được quy định tại Điều lệ VAB.

Điều 14. Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCD trực tuyến

1. Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản ĐHĐCD trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCD trực tuyến được lập và thông qua tương tự như Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCD trực tiếp theo quy định tại Điều lệ VAB.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại biểu khi tham dự ĐHĐCD trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Tham dự cuộc họp ĐHĐCD và biểu quyết tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định pháp luật, Điều lệ VAB và Phụ lục này.
2. Có quyền phát biểu ý kiến, thảo luận trực tiếp tại ĐHĐCD trực tuyến theo quy định tại Điều 9 Phụ lục này.
3. Phải chuẩn bị và sử dụng thiết bị họp trực tuyến phù hợp, có kết nối internet để đảm bảo theo dõi được diễn biến của cuộc họp ĐHĐCD trực tuyến.
4. Đại biểu có trách nhiệm bảo mật mã đăng nhập (user), mật khẩu (password) và các yếu tố định danh khác (nếu có) để đảm bảo rằng chỉ Đại biểu mới có quyền tham dự ĐHĐCD trực tuyến và thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Mọi kết quả bỏ phiếu của Đại biểu trên Hệ thống bỏ phiếu điện tử được xem là quyết định cuối cùng của Đại biểu và Đại biểu chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước VAB về kết quả bỏ phiếu trên.
5. Đại biểu phải thông báo ngay cho VAB để kịp thời xử lý khi phát hiện mã đăng nhập (user), mật khẩu (password) và các yếu tố định danh khác (nếu có) bị mất, đánh cắp, bị lộ hoặc nghi bị lộ bằng cách liên hệ với Ban tổ chức Đại hội để thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Đại biểu phải chịu mọi trách nhiệm đối với tất cả các thiệt hại, tổn thất, rủi ro khác xảy ra trước thời điểm VAB nhận được thông báo của Đại biểu nếu nguyên nhân là do lỗi của Đại biểu.
6. Đại biểu đồng ý để VAB cung cấp các dữ liệu thông tin của Đại biểu cho Bên thứ ba có liên quan (nếu có, như bên cung cấp dịch vụ hỗ trợ ĐHĐCD trực tuyến và bỏ phiếu điện tử ...) để hỗ trợ việc thực hiện các quyền của Đại biểu trong việc tham dự ĐHĐCD trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.

Điều 16. Trường hợp diễn ra sự kiện bất khả kháng

Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để cuộc họp ĐHĐCD được tiếp tục tiến hành và/hoặc việc biểu quyết/bầu cử không thể tiếp tục diễn ra trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, tất cả các nội dung đã được Đại hội biểu quyết/bầu cử thông qua hợp lệ (bao gồm cả dữ liệu ghi nhận trên hệ thống điện tử) trước thời điểm tuyên bố tạm dừng vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý. Việc tiếp tục cuộc họp và/hoặc tiếp tục hoặc lựa chọn hình thức biểu quyết/bầu cử các vấn đề khác chưa được thông qua sẽ được giải quyết theo quy chế cuộc họp ĐHĐCD được thông qua khi tiến hành cuộc họp.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Phụ lục này có hiệu lực theo hiệu lực của Quy chế Quản trị nội bộ.
2. Phụ lục này là một phần đính kèm, không thể tách rời của Quy chế quản trị nội bộ.
3. Những vấn đề về tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử chưa được đề cập đến trong Phụ lục này sẽ được thực hiện theo các quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và các văn bản khác có liên quan của VAB.
4. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ và/hoặc quy định pháp luật có liên quan dẫn đến các quy định tại Phụ lục này khác với Điều lệ và/hoặc quy định pháp luật đó thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ và/hoặc quy định pháp luật đó.
5. Toàn thể cổ đông, thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác, các Đơn vị và các cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống VAB có trách nhiệm thực hiện theo Phụ lục này.

Số: 71/2026/TT- HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: “*Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á*”

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (sau đây gọi tắt là Nghị định 155/2020/NĐ-CP) và văn bản sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư 116/2020/TT-BTC);
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Việt Á (“VAB”)

Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị VAB, cụ thể như sau:

1. Mục đích sửa đổi, bổ sung.

Nhằm đảm bảo cập nhật quy định của pháp luật một cách kịp thời, đồng thời, trên cơ sở áp dụng thực tiễn, Hội đồng Quản trị nhận thấy cần sửa đổi, bổ sung một số quy định để phù hợp với thực tiễn hoạt động, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho Hội đồng Quản trị thực hiện vai trò quản trị của mình.

2. Nội dung văn bản sửa đổi, bổ sung.

Nội dung sửa đổi các Điều/Khoản của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị VAB: theo nội dung tại Dự thảo và Bảng so sánh Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2025 và sau khi sửa đổi; đính kèm Tờ trình này.

3. Nội dung trình phê duyệt của Hội đồng Quản trị.

Từ các nội dung nêu trên, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung như sau:

- a. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị VAB, hiệu lực kể từ ngày Hội đồng Quản trị ký ban hành (trừ các điều khoản chuyển tiếp theo dự thảo Quy chế) và thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội



đồng Quản trị VAB ban hành kèm theo Quyết định số 154/2025/QĐ-HDQT ngày 08/5/2024 của Hội đồng Quản trị.

- b. Chấp thuận giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện hoàn chỉnh dự thảo và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị VAB theo nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông 2026 thông qua tại cuộc họp, bao gồm cả việc sửa đổi, bổ sung nội dung, điều chỉnh thứ tự điều khoản phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn. VAB thực hiện công bố thông tin, đăng ký, thông báo cho các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật và thông báo cho các Cổ đông VAB tại trang thông tin điện tử của VAB.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HDQT, BKS;
- Lưu VP.HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phương Thành Long

BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2025	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
1.		Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT		
2.	Khoản 1 Điều 5	1. Hội đồng Quản trị phải có tối thiểu 05 (Năm) thành viên và không quá 11 (Mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng Quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành VAB.	1. Hội đồng Quản trị phải có tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng Quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành VAB. Trường hợp VAB có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 (chín) đến 11 (mười một) thành viên phải có tối thiểu 03 thành viên độc lập.	Bổ sung đảm bảo phù hợp quy định tại Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
3.		Điều 36. Hiệu lực, sửa đổi, bổ sung Quy chế		
4.	Khoản 1 Điều 36	1. Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua ngày 26/4/2025 và ban hành theo Quyết định số 154/2025/QĐ-HĐQT ngày 08/5/2025 của HĐQT, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/5/2025, trừ trường hợp quy định tại Điều 35 Quy chế này.	1. Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên <u>2026</u> thông qua ngày 25/4/2026 và ban hành theo Quyết định số <u>..../2025/QĐ-HĐQT</u> ngày <u>.....</u> của HĐQT, có hiệu lực thi hành kể từ ngày <u>.....</u> trừ trường hợp quy định tại Điều 35 Quy chế này.	
5.	Khoản 2 Điều 36	2. Quy chế này thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VAB ban hành kèm theo Quyết định số 106/2024/QĐ-HĐQT ngày 10/5/2024 của HĐQT VAB.	2. Quy chế này thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VAB ban hành kèm theo Quyết định số <u>154/2025/QĐ-HĐQT</u> ngày <u>08/5/2025</u> của HĐQT VAB.	
6.			Các nội dung chỉnh sửa khác (lỗi chính tả, viết tắt, cập nhật số điều/ khoản phù hợp) chi tiết theo Dự thảo đính kèm.	



DỰ THẢO

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-HĐQT ngày / /2026
của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Á và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị và các đơn vị, cá nhân có liên quan trên toàn hệ thống Ngân hàng TMCP Việt Á.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và từ viết tắt

1. Định nghĩa các thuật ngữ áp dụng theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Á từng thời kỳ và theo quy định pháp luật.

Trường hợp có sự thay đổi quy định pháp luật và Điều lệ VAB dẫn đến từ ngữ trong Quy chế này khác nghĩa, hoặc chưa được định nghĩa tại Quy chế này thì áp dụng theo quy định mới tại quy định pháp luật và Điều lệ VAB.

2. “VAB” là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á.

3. “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông.

4. “HĐQT” là chữ viết tắt của Hội đồng Quản trị.

5. “BKS” là chữ viết tắt của Ban Kiểm soát.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể.

2. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của VAB.

3. HĐQT giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

CHƯƠNG II

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

1. Hội đồng Quản trị phải có tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng Quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành VAB. Trường hợp VAB có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 (chín) đến 11 (mười một) thành viên phải có tối thiểu 03 thành viên độc lập.

2. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng Quản trị nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng Quản trị của VAB, trừ trường

hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.

3. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Điều 6. Nhiệm vụ và Quyền hạn của HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản trị của VAB có toàn quyền nhân danh VAB để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VAB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ VAB và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - 2.1. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, kế hoạch kinh doanh của công ty con VAB theo quy định pháp luật.
 - 2.2. Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
 - 2.3. Trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHĐCĐ.
 - 2.4. Thông qua việc đề nghị cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của VAB; quyết định việc thành lập, thay đổi thông tin, thay đổi nội dung hoạt động kinh doanh của các chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trên toàn hệ thống VAB.

Hội đồng Quản trị có thể phân cấp/phân quyền/ủy quyền lại đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.

- 2.5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ do HĐQT ban hành.
- 2.6. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% (Hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
- 2.7. Quyết định cử người đại diện vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của người đại diện vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.

Hội đồng Quản trị có thể phân cấp/phân quyền/giao lại đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.

- 2.8. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của VAB như sau:

- a) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của VAB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ. Hội đồng Quản trị có thể giao/phân cấp/phân quyền quyết định phương án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần phù hợp với thực tiễn hoạt động của VAB.
- b) Các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản khác của VAB không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ quy định tại Điều lệ VAB. HĐQT có thể phân cấp/phân quyền/ủy quyền lại việc quyết định các giao dịch này đảm bảo tuân thủ Khoản 2.11 Điều này và phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.

2.9. Quyết định các khoản cấp tín dụng như sau:

- a) Các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật Các tổ chức tín dụng trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- b) Các khoản cấp tín dụng khác không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ quy định tại Điều lệ VAB. HĐQT có thể phân cấp/phân quyền/ủy quyền lại việc phê duyệt cấp tín dụng trong trường hợp này đảm bảo phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.

2.10. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa VAB với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của VAB; người có liên quan của người quản lý, thành viên BKS, cổ đông lớn của VAB; công ty con, công ty liên kết của VAB.

2.11. Kiểm tra, giám sát, chi đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.

2.12. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty con; phê chuẩn Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty con; cử người đại diện theo ủy quyền của VAB tại Công ty con; quyết định thay đổi trụ sở chính của công ty con; các quyền và nghĩa vụ khác của Chủ sở hữu đối với Công ty con được quy định tại Điều lệ này, các Quy chế của HĐQT ban hành từng thời kỳ và/hoặc Điều lệ công ty con.

2.13. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của VAB phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của ĐHĐCĐ.

2.14. Ban hành, sửa đổi, bổ sung và quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của VAB.

2.15. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên;

2.16. Quyết định lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.

2.17. Đề nghị Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.

2.18. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.

2.19. Quyết định giá chào bán Cổ phần và trái phiếu chuyển đổi ra công chúng của VAB trên cơ sở được ĐHĐCĐ phân công, phân cấp, giao/ủy quyền.

2.20. Quyết định mua lại cổ phần của VAB.

2.21. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

2.22. Trên cơ sở được ĐHĐCĐ giao/ủy quyền, HĐQT quyết định lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của NHNN (trong danh sách các tổ chức kiểm toán do BKS đề xuất và đã được ĐHĐCĐ thông qua) để thực hiện kiểm toán các hoạt động của VAB trong năm tài chính tiếp theo trước khi kết thúc năm tài chính.

2.23. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.

2.24. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

2.25. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội

- đồng Cổ đông và HĐQT.
- 2.26. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.
 - 2.27. Trừ các hợp đồng phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của VAB (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập công ty và liên doanh).
 - 2.28. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của ngân hàng.
 - 2.29. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của công ty thành viên độc lập thuộc VAB.
 - 2.30. Giám sát Tổng giám đốc trong việc tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn; Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.
 - 2.31. Phê duyệt chủ trương cung cấp sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc.
 - 2.32. Phê duyệt Kế hoạch vốn của VAB.
 - 2.33. Ban hành Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với các chức danh tại VAB (trừ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ).
 - 2.34. Xây dựng, điều chỉnh, phê duyệt và chỉ đạo thực hiện Phương án cơ cấu lại VAB trên cơ sở các định hướng phát triển của ngân hàng đã được ĐHCĐ VAB thông qua đồng thời đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật, hướng dẫn, chỉ đạo cụ thể của Ngân hàng Nhà nước và cơ quan quản lý khác.
 - 2.35. Quyết định phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, trái phiếu ra công chúng, trừ phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
 - 2.36. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
 - 2.37. Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do Đại hội đồng cổ đông phân công, phân cấp, giao/ủy quyền triển khai thực hiện cho theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - 2.38. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của VAB (nếu có).
3. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ VAB quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
 4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ VAB gây thiệt hại cho VAB thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho VAB; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của VAB có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.
 5. HĐQT sử dụng con dấu của VAB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa VAB với các đối tượng là người có liên quan theo quy định Điều lệ VAB và quy định của pháp luật.

2. Người đại diện VAB ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ VAB quy định một thời hạn khác; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 8. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

1. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của VAB;
 - b) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 50 Điều lệ, khoản 1 Điều 5 Quy chế này;
 - c) Số thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 66 Điều lệ VAB;
 - d) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 30.2 Điều lệ VAB;
 - e) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - f) Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng;
 - g) Tình hình tài chính của VAB cho thấy VAB bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN;
 - h) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ VAB và/hoặc theo quy định của pháp luật.
2. Các thủ tục, trình tự triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB và quy định pháp luật.

CHƯƠNG III

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
2. Chủ tịch HĐQT không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của VAB và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.
3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ VAB và quy định nội bộ khác VAB.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Điều lệ VAB và pháp luật liên quan.
2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty.
3. Thành viên độc lập của HĐQT (trong trường hợp VAB niêm yết) phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.

Điều 11. Vai trò thành viên độc lập của HĐQT

1. Cung cấp và tham gia vào công việc của HĐQT dưới khía cạnh độc lập, khách quan và không bị ràng buộc bởi tư tưởng nội bộ.
2. Đưa ra những phản biện mang tính xây dựng phù hợp với tổng thể vai trò hoạt động của HĐQT.
3. Tăng cường tính chặt chẽ của các quy trình hoạt động của HĐQT.

4. Tạo nên tính hài hòa trong việc phối hợp kinh nghiệm, khả năng và trình độ của các thành viên HĐQT.

Điều 12. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị được nhận thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của VAB.
2. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên. Thù lao của các thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của VAB theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của pháp luật và phải ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của VAB, phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại các cuộc họp thường niên.
3. Thành viên HĐQT được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao và thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT. Chi phí hoạt động của HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của VAB.
4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
5. Thành viên HĐQT có thể được VAB mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ VAB.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong VAB cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của VAB và của đơn vị trong VAB.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ VAB quy định.

Điều 14. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT, thành viên độc lập của HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều lệ VAB và Luật các tổ chức tín dụng.
2. Không thuộc đối tượng không được là thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ VAB, Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng.

Điều 15. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT

Những người sau đây không được là thành viên HĐQT của VAB:

1. Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.
3. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên.



4. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích.
5. Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng theo yêu cầu nhiệm vụ.
6. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng.
7. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên BKS của doanh nghiệp, thành viên HĐQT và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ.
8. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của HĐQT; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của BKS; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 Luật các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép.
9. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng.
10. Người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc của VAB, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy chế này.
11. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.
12. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ VAB và quy định pháp luật.

Điều 16. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng Quản trị không phải là thành viên độc lập của VAB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a) Người điều hành của VAB, trừ trường hợp là Tổng giám đốc;
 - b) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác;
 - c) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc của công ty mẹ của tổ chức tín dụng đó hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;
2. Chủ tịch HĐQT không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của VAB và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.
3. Thành viên độc lập HĐQT của VAB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

- a) Người điều hành của VAB;
- b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;
- c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

Điều 17. Đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT:
 - a) Chết.
 - b) Vi phạm Điều 12, Điều 15 Quy chế này hoặc vi phạm quy định tại Điều lệ, quy định của pháp luật từng thời kỳ về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ.
 - c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của VAB khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại.
 - d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.
 - e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam.
 - f) VAB bị thu hồi giấy phép.
2. HĐQT phải gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước kèm tài liệu chứng minh về việc các trường hợp thành viên HĐQT đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này (ngoại trừ điểm f khoản 1 Điều này) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định thành viên HĐQT đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.
3. Các thành viên HĐQT thuộc trường hợp đương nhiên mất tư cách không còn quyền của thành viên HĐQT kể từ thời điểm VAB nhận được thông báo và/hoặc xác định được thành viên đó đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT.
4. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên HĐQT của VAB vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 18. Bãi nhiệm, miễn nhiệm

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 17 của Quy chế này và Điều lệ VAB, Chủ tịch và thành viên HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi HĐQT của VAB;
 - b) Bãi nhiệm khi không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 (Sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Bãi nhiệm khi không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 55 Điều lệ này.
 - d) Bãi nhiệm khi thành viên độc lập HĐQT không đáp ứng quy định tại Điều 55, Điều 43, Điều 49 của Điều lệ;
 - e) Bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên HĐQT của VAB vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 19. Thay thế thành viên HĐQT

1. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định thì các thành viên còn lại của HĐQT phải tiến hành bầu một thành viên HĐQT đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành thay thế làm Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức của Chủ tịch HĐQT hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
2. Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế, bổ sung thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ VAB và quy định pháp luật.
3. Trường hợp HĐQT có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều 5 Quy chế này và khoản 2 Điều 50 Điều lệ của VAB thì trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, VAB phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các tổ chức tín dụng.
4. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên HĐQT có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch, các thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch, các thành viên HĐQT mới.

Điều 20. Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh Hội đồng Quản trị


Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh Hội đồng Quản trị VAB được thực hiện theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ VAB từng thời kỳ.

Điều 21. Công khai các khoản lợi ích có liên quan

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải công khai với VAB các thông tin sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên BKS, Tổng giám đốc (Giám đốc);
 - c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
 - d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này phải gửi VAB bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
3. VAB phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính của VAB và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày VAB nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, VAB công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 Điều này với Đại hội đồng cổ đông của VAB.
4. Thành viên HĐQT cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.
5. Các quy định khác theo quy định tại Điều lệ VAB.

CHƯƠNG IV**HỢP VÀ TỔ CHỨC LẤY Ý KIẾN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Điều 22. Hợp HĐQT**

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT và phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số, chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
2. Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường, mỗi quý phải họp ít nhất 01 (một) lần. HĐQT có thể họp tại trụ sở chính của VAB hoặc ở nơi khác. Cuộc họp HĐQT có thể bằng hình thức họp trực tiếp và/ hoặc hình thức họp trực tuyến khác.
3. Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp HĐQT bất thường trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi nhận được một trong các trường hợp sau:
 - a) Có đề nghị của Tổng Giám đốc, hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác.
 - b) Có đề nghị của Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên HĐQT độc lập.
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên của HĐQT.
 - d) Các trường hợp khác theo Điều lệ VAB quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền HĐQT. Người có thẩm quyền (Chủ tịch hoặc người được ủy quyền) triệu tập họp HĐQT có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vấn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của HĐQT.
5. Chủ tịch hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 (Bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch hoặc người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với VAB, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng và vấn đề cần thảo luận, quyết định không thuộc thẩm quyền HĐQT; trường hợp này, người đề nghị họp HĐQT có quyền triệu tập họp HĐQT, các thành viên HĐQT dự họp bỏ phiếu bầu Chủ tọa cuộc họp.
6. Thành viên HĐQT, nếu theo sự hiểu biết của mình, thấy có liên quan (dù là trực tiếp hay gián tiếp) tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một giao dịch nào đã hay đang dự kiến giao kết với VAB, thì phải khai báo đầy đủ về các quyền, lợi ích có liên quan đó trong cuộc họp HĐQT và /hoặc tới HĐQT để HĐQT xem xét việc có tiếp tục thực hiện hay giao kết hợp đồng, thỏa thuận, giao dịch đó hay không. Trong mọi trường hợp thành viên HĐQT phải thông báo cụ thể về quyền, lợi ích có liên quan đó trong cuộc họp HĐQT gần nhất sau khi thành viên đó biết về quyền, lợi ích có liên quan.
7. Cuộc họp HĐQT có thể được tiến hành theo các hình thức sau đây:
 - a) Tại một địa điểm với sự hiện diện của các thành viên dự họp.
 - b) Họp HĐQT trực tuyến: Cuộc họp HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - (i) Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp, và
 - (ii) Nếu muốn, thành viên đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng 

phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được xem là “có tham dự” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp trong trường hợp này là địa điểm nơi Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

8. Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền hoặc người triệu tập họp HĐQT theo quy định tại khoản 3 Điều này phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến (trừ trường hợp họp khẩn cấp). Thông báo mời họp phải được xác định cụ thể hình thức họp, địa điểm họp, thời gian họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp và tài liệu đính kèm có thể được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải được bảo đảm gửi đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT.

Trường hợp họp khẩn cấp, người triệu tập cuộc họp HĐQT có thể thông báo mời họp trước 01 (một) ngày làm việc với ngày họp; các tài liệu liên quan có thể gửi cho các thành viên HĐQT ngay tại cuộc họp.

9. Trong trường hợp cuộc họp HĐQT có mời các thành viên Ban Kiểm soát và/ hoặc Tổng giám đốc và/hoặc các thành phần khác, Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên này như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các thành phần khác không phải là thành viên HĐQT có quyền dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

10. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên HĐQT trở lên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Trường hợp không trực tiếp họp, thành viên HĐQT có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên HĐQT khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải được đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT cuộc họp HĐQT chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.

11. Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên HĐQT dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Việc biểu quyết của người được ủy quyền tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành. Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

12. Nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.

13. Trường hợp có thành viên HĐQT yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.

Điều 23. Biên bản họp HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản, trường hợp cần thiết có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp HĐQT phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của VAB.

- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp.
 - c) Thời gian, địa điểm họp.
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp trực tiếp, người được ủy quyền dự họp, thành viên biểu quyết bằng văn bản; Họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
 - e) Các vấn đề được thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp.
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến cuộc họp.
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, thành viên không tán thành và không có ý kiến.
 - h) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
 - i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa, người ghi biên bản cuộc họp và tất cả thành viên dự họp trực tiếp hoặc người được ủy quyền dự họp, trừ trường quy định tại khoản 2 điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và đồng ý thông qua biên bản họp, có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.
 3. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VAB và pháp luật có liên quan.
 4. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
 5. Biên bản cuộc họp HĐQT phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai văn bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản lập bằng tiếng Việt.
 6. Biên bản cuộc họp HĐQT và các tài liệu liên quan phải được lưu trữ tại trụ sở chính của VAB.

Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản

1. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản. Chủ tịch HĐQT được quyền ủy quyền cho một thành viên HĐQT khác về việc tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Cán bộ Văn phòng HĐQT được phân công chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo có thể được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác của thành viên HĐQT.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của VAB.
 - b) Mục đích lấy ý kiến.
 - c) Họ, tên của thành viên HĐQT.
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến.
 - e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã có ý kiến về VAB (nếu có).
 - g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được ủy quyền.
 - h) Phần ô trống Họ và tên, chữ ký của thành viên HĐQT có ý kiến.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký, họ và tên của thành viên HĐQT và phải được gửi về VAB theo quy định.

5. Lựa chọn phương án biểu quyết: Thành viên HĐQT phải lựa chọn và chỉ được lựa chọn một phương án biểu quyết trên phiếu lấy ý kiến, nếu thành viên HĐQT không ký trên Phiếu lấy ý kiến thì được coi là Phiếu ý kiến không hợp lệ. Nếu thành viên HĐQT không lựa chọn phương án biểu quyết thì được coi là lựa chọn phương án “không có ý kiến”.
6. Thư ký HĐQT/ hoặc nhân sự thuộc Văn phòng HĐQT được phân công kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ thời điểm hết hạn gửi phiếu lấy ý kiến dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên độc lập HĐQT và/hoặc nhân sự khác theo quyết định của HĐQT từng thời kỳ (người này phải là thành viên Ban Kiểm soát hoặc thành viên HĐQT). Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của VAB.
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến.
 - c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên HĐQT đã tham gia biểu quyết.
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, ý kiến khác và không có ý kiến đối với từng vấn đề xin ý kiến.
 - e) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.
7. Thư ký HĐQT/ hoặc nhân sự thuộc Văn phòng HĐQT được phân công tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua đó kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
8. Nghị quyết, quyết định của HĐQT thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày ban hành.
9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo ý kiến đều phải được lưu trữ tại trụ sở chính của VAB. Văn phòng HĐQT là đơn vị có trách nhiệm bảo quản và lưu trữ các tài liệu này.
Quyết định được thông qua hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.

Điều 25. Hình thức lấy ý kiến khác

1. Hội đồng Quản trị tổ chức hình thức lấy ý kiến số thông qua phần mềm/ ứng dụng số theo quy định của VAB từng thời kỳ và đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật.
2. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT thông qua các hình thức tại khoản 1 Điều này. Chủ tịch HĐQT được quyền ủy quyền cho một thành viên HĐQT khác về việc tổ chức lấy ý kiến số này.
3. Nội dung lấy ý kiến, kiểm phiếu áp dụng theo khoản 2, khoản 5, khoản 6 Điều 24 Quy chế này.
4. Chữ ký của thành viên HĐQT tại phiếu lấy ý kiến được coi là hợp lệ là chữ ký số theo quy định pháp luật hiện hành.
5. Lựa chọn phương án biểu quyết: Thành viên HĐQT phải lựa chọn và chỉ được lựa chọn một phương án biểu quyết đối với nội dung lấy ý kiến, nếu thành viên HĐQT có xác nhận ký số đối với nội dung lấy ý kiến thì được coi là không hợp lệ. Nếu thành viên HĐQT không lựa chọn phương án biểu quyết thì được coi là lựa chọn phương án “không có ý kiến”.

6. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
7. Nội dung lấy ý kiến đã được trả lời, nội dung kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo ý kiến đều phải được lưu trữ trên hệ thống của VAB.
8. Nghị quyết, Quyết định được thông qua hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng các hình thức này có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.

CHƯƠNG V

ỦY BAN, HỘI ĐỒNG TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ QUAN GIÚP VIỆC CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc của HĐQT

1. HĐQT phải thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự để giúp việc cho HĐQT. HĐQT quy định chức năng nhiệm vụ của hai ủy ban này theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.
2. HĐQT có thể thành lập các Ủy ban, hội đồng trực thuộc khác khi thấy cần thiết, để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc theo các quy định pháp luật và quy định nội bộ do HĐQT ban hành từng thời kỳ.
3. Mỗi Ủy ban có tối thiểu 03 (ba) thành viên gồm Chủ tịch/Trưởng ban Ủy ban và các thành viên (như chuyên gia tư vấn độc lập, cán bộ thuộc các bộ phận chuyên môn của VAB hoặc các trường hợp khác). Một thành viên HĐQT có thể là thành viên của một hoặc một số Ủy ban.
4. Mỗi Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự có ít nhất trên một phần hai số thành viên có quyền biểu quyết là thành viên không phải là người điều hành. Một thành viên HĐQT chỉ được là Chủ tịch/Trưởng ban của một trong hai Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Ủy ban Quản lý rủi ro phải có tối thiểu một thành viên độc lập HĐQT.
5. HĐQT/ Chủ tịch HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch/Trưởng ban Ủy ban, Hội đồng trực thuộc theo quy định nội bộ của VAB. Sau khi được thành lập, Chủ tịch/ Trưởng ban triệu tập họp, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên phù hợp với cơ chế làm việc của từng Ủy ban, Hội đồng trực thuộc VAB.
6. HĐQT quy định cụ thể Quy chế làm việc của các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc, tối thiểu gồm các vấn đề sau: số lượng thành viên và trách nhiệm của thành viên, các kỳ họp định kỳ, việc họp bất thường, việc đưa ra quyết định của Ủy ban, Hội đồng trực thuộc.
7. HĐQT có thể thực hiện giao, phân quyền đối với việc thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ trong hoạt động Ngân hàng cho các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc theo quy định về cơ chế phân cấp, ủy quyền do HĐQT ban hành và phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

Điều 27. Văn phòng HĐQT

1. Văn phòng HĐQT là bộ phận giúp việc cho HĐQT, có các chức năng nhiệm vụ cơ bản sau:
 - a) Tham mưu giúp việc cho HĐQT trong quản trị hoạt động của ngân hàng và các công ty con;
 - b) Điều phối, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nghị quyết, chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT/HĐQT đối với Ban điều hành, các công ty thành viên và các Ủy ban, Hội đồng thuộc sự quản lý của HĐQT;
 - c) Giúp việc HĐQT trong công tác quan hệ cổ đông;
 - d) Thư ký tổng hợp cho HĐQT, Chủ tịch HĐQT;
 - e) Giúp việc cho HĐQT và Chủ tịch HĐQT trong công tác đối ngoại;
 - f) Thực hiện các công việc chuẩn bị cho cuộc họp HĐQT, Ban Kiểm soát và ĐHCĐ;

- g) Thông báo việc triệu tập các cuộc họp HĐQT theo yêu cầu/ chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT hoặc của Ban Kiểm soát;
 - h) Tham dự cuộc họp và Ghi biên bản cuộc họp HĐQT một cách đầy đủ, chính xác, trung thực và khách quan;
 - i) Tư vấn về thủ tục các cuộc họp HĐQT, ĐHCĐ;
 - j) Cung cấp thông tin cho các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và cổ đông VAB;
 - k) Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - l) Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - m) Hỗ trợ VAB trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
 - n) Và các chức năng nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ VAB và HĐQT.
2. Để thực hiện các chức năng nhiệm vụ trên Văn phòng HĐQT có cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự theo quy định cụ thể của HĐQT.
 3. Chủ tịch HĐQT thông qua phân công công việc của các nhân sự thuộc Văn phòng HĐQT.

CHƯƠNG VI

QUY ĐỊNH VỀ CHƯƠNG TRÌNH, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC, PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN CỦA HĐQT

Điều 28. Chương trình làm việc, kế hoạch công tác của các thành viên HĐQT

1. Các thành viên HĐQT trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao tiến hành xây dựng chương trình kế hoạch công tác cụ thể và trình Chủ tịch HĐQT phê duyệt.
2. Kết thúc đợt công tác, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc các thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT kết quả đợt công tác.

Điều 29. Điều kiện làm việc của HĐQT

1. Chi phí hoạt động của HĐQT, kể cả thù lao cho các thành viên HĐQT và bộ phận giúp việc của HĐQT được tính vào chi phí của VAB.
2. Thành viên HĐQT được thanh toán các chi phí chỗ ở, di lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
3. Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các Khối/ Trung tâm, các Trưởng phòng/ Ban tại trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, đơn vị sự nghiệp, Trưởng văn phòng đại diện và Giám đốc các Công ty con của VAB có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cần thiết, liên quan đến hoạt động của VAB theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc các thành viên HĐQT để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật, Điều lệ VAB và Quy chế này.
4. Các văn bản của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc VAB về chỉ đạo điều hành có liên quan đến việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách theo quy định nhà nước, các Nghị quyết, Quyết định, các cơ chế, Quy chế của HĐQT đều được sao gửi Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT.
5. HĐQT sử dụng bộ máy điều hành và con dấu của VAB để thực hiện nhiệm vụ của mình. Ban TGD, các phòng, Ban, Trung tâm và Khối tại trụ sở chính có trách nhiệm tham mưu, giúp HĐQT trong quản lý và giám sát điều hành, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Phân cấp, phân quyền, ủy quyền của HĐQT

1. HĐQT phân cấp, phân quyền, ủy quyền bằng những hạn mức cụ thể cho Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ điều hành hàng ngày. Việc phân cấp, phân quyền, ủy quyền được lập bằng văn

bản dưới hình thức phù hợp với quy định của pháp luật theo đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc những trường hợp HĐQT thấy cần thiết.

2. Các vấn đề chưa được HĐQT phân quyền, phân quyền, ủy quyền tại các văn bản/quy định nội bộ cụ thể, Tổng Giám đốc và các cấp trực tiếp thực hiện chủ động trình HĐQT phê duyệt hoặc đề xuất HĐQT phân cấp, phân quyền, ủy quyền phê duyệt.

CHƯƠNG VII

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 31. Nguyên tắc phối hợp trong công tác

HĐQT, thành viên HĐQT phối hợp trong mối quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

1. Luôn trung thành vì lợi ích của VAB.
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của VAB.
3. Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch.
4. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 32. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình;
2. Kết quả kiểm toán nội bộ của Phòng Kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho HĐQT, trên cơ sở đó HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Kiểm toán nội bộ và Ban Kiểm soát.
3. Các thành viên Ban Kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT.
4. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban Kiểm soát có thể đề nghị HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, các biên bản họp, các nghị quyết của HĐQT của VAB.

Điều 33. Mối quan hệ với Ban Tổng Giám đốc

1. HĐQT bảo đảm mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực bắt buộc thi hành. Khi tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho VAB thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp, HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.
3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo định kỳ (hoặc theo thời hạn của cấp có thẩm quyền quy định) cho HĐQT khi triển khai thực hiện và/hoặc kết quả thực hiện các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và báo cáo thực hiện các công việc được ủy quyền. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT trong trường hợp vi phạm quy định sẽ bị xem xét xử lý và/hoặc bồi thường thiệt hại nếu gây thiệt hại theo quy định của pháp luật và VAB.
4. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT về các vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành kinh doanh của VAB theo định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.
5. Các Biên bản họp giao ban, văn bản phân công điều hành của Ban Tổng giám đốc phải được gửi HĐQT để báo cáo.

6. HĐQT có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của ĐHCĐ, của HĐQT.
7. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự các cuộc họp giao ban, họp bàn các nội dung công tác khác do Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc chủ trì.
8. Tại các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp đề ra quyết định mời các Phó Tổng Giám đốc hoặc trưởng các Phòng/Ban, Giám đốc các Khối/Trung tâm có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia có ý kiến (nếu có).
9. Ban Tổng Giám đốc và người quản lý VAB chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.
10. Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố có ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của VAB hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý VAB phải báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách mảng công việc đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

Điều 34. Mọi quan hệ giữa các thành viên HĐQT

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc mà thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên HĐQT chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền và/hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của VAB.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo lại Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH


Điều 35. Điều khoản chuyển tiếp

1. Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của VAB được bầu, bổ nhiệm trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại các Điều 14, 15 và 16 Quy chế này, các điều 49 và 55 Điều lệ VAB, Điều 41, 42 và 43 Luật các tổ chức tín dụng 2024 được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.
2. Hội đồng Quản trị của VAB được bầu trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại Khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Quy chế này, khoản 2 và khoản 3 Điều 50 của Điều lệ VAB, khoản 1 và khoản 3 Điều 69 Luật các tổ chức tín dụng 2024 được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ HĐQT.

Điều 36. Hiệu lực, sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 thông qua ngày 25/04/2026 và ban hành theo Quyết định số /2026/QĐ-HĐQT ngày / /2026 của HĐQT, có hiệu lực thi hành kể từ ngày / /2026, trừ trường hợp quy định tại Điều 35 Quy chế này.
2. Quy chế này thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VAB ban hành kèm theo Quyết định số 154/2025/QĐ-HĐQT ngày 08/05/2025 của HĐQT VAB.
3. Các quy định trước đây trái với Quy chế này hết hiệu lực thi hành.

4. Trường hợp có mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ VAB về cùng một vấn đề thì quy định tại Điều lệ của VAB được ưu tiên áp dụng. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Quy chế này và Điều lệ của VAB với quy định pháp luật về cùng một vấn đề thì ưu tiên áp dụng quy định pháp luật hiện hành.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH

Phương Thành Long

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	1
QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ và từ viết tắt	1
Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT	1
CHƯƠNG II	1
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT	1
Điều 6. Nhiệm vụ và Quyền hạn của HĐQT	2
Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch ⁴	
Điều 8. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHCĐ bất thường	5
CHƯƠNG III	5
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	5
Điều 9. Chủ tịch Hội đồng Quản trị	5
Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT	5
Điều 11. Vai trò thành viên độc lập của HĐQT	5
Điều 12. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT	6
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị	6
Điều 14. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên HĐQT	6
Điều 15. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT	6
Điều 16. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT	7
Điều 17. Đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT	8
Điều 18. Bãi nhiệm, miễn nhiệm	8
Điều 19. Thay thế thành viên HĐQT	9
Điều 20. Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh Hội đồng Quản trị	9
Điều 21. Công khai các khoản lợi ích có liên quan	9
CHƯƠNG IV	10
HỌP VÀ TÓ CHỨC LẤY Ý KIẾN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
Điều 22. Họp HĐQT	10
Điều 23. Biên bản họp HĐQT	11
Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản	12
Điều 25. Hình thức lấy ý kiến khác	13
CHƯƠNG V	14
ỦY BAN, HỘI ĐỒNG TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14

VÀ CƠ QUAN GIÚP VIỆC CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14
Điều 26. Các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc của HĐQT	14
Điều 27. Văn phòng HĐQT	14
CHƯƠNG VI	15
QUY ĐỊNH VỀ CHƯƠNG TRÌNH, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC,	15
PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN CỦA HĐQT	15
Điều 28. Chương trình làm việc, kế hoạch công tác của các thành viên HĐQT	15
Điều 29. Điều kiện làm việc của HĐQT	15
Điều 30. Phân cấp, phân quyền, ủy quyền của HĐQT	15
CHƯƠNG VII	16
MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
Điều 31. Nguyên tắc phối hợp trong công tác	16
Điều 32. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	16
Điều 33. Mối quan hệ với Ban Tổng Giám đốc	16
Điều 34. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT	17
CHƯƠNG VIII	17
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	17
Điều 35. Điều khoản chuyển tiếp	17
Điều 36. Hiệu lực, sửa đổi, bổ sung Quy chế	17



TỜ TRÌNH

V/v: *Thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2026*

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Luật số 56/2024/QH15 ngày 19/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 v/v sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
- Căn cứ Thông tư số 50/2025/TT-NHNN ngày 24/12/2025 của Ngân hàng Nhà nước v/v quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản pháp luật hiện hành khác hướng dẫn thực hiện;
- Căn cứ Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết ban hành theo Quyết định số 22/QĐ-HĐTV ngày 16/3/2026 của Hội đồng Thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Á;
- Căn cứ nhu cầu thực tiễn hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB).

Để nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động nhằm mục tiêu phát triển kinh doanh và đáp ứng các chỉ tiêu an toàn hoạt động của VAB; Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á (HĐQT) kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2026, cụ thể như sau:

I. KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Mức vốn điều lệ tăng thêm

- Vốn điều lệ hiện tại:

8.163.606.720.000 đồng (Tám nghìn một trăm sáu mươi ba tỷ, sáu trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng). Trong đó: Tổng số cổ phần phổ thông là: 816.360.672 (Tám trăm mười sáu triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm bảy mươi hai) cổ phần, số

- Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá: 4.524.541.010.000 đồng (Bốn nghìn năm trăm hai mươi tư tỷ, năm trăm bốn mươi một triệu không trăm mười nghìn đồng).
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi tăng: Dự kiến 12.688.147.730.000 đồng (Mười hai nghìn sáu trăm tám mươi tám tỷ, một trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

2. Hình thức và phương án phát hành/chào bán

Việc tăng vốn điều lệ được thực hiện theo các phương án/chào bán phát hành theo trình tự lần lượt như sau:

- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: tổng giá trị cổ phiếu (theo mệnh giá) dự kiến tăng thêm 1.224.541.010.000 (Một nghìn hai trăm hai mươi tư tỷ, năm trăm bốn mươi một triệu không trăm mười nghìn đồng), số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 122.454.101 cổ phiếu (Một trăm hai mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn, một trăm lẻ một cổ phiếu), tương đương tỷ lệ phát hành tối đa 15%.

- Tăng vốn từ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 3.100.000.000.000 đồng (Ba nghìn một trăm tỷ đồng chẵn), số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 310.000.000 cổ phiếu (Ba trăm mười triệu cổ phiếu).

- Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động VAB năm 2026 (ESOP): 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng chẵn), số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 20.000.000 cổ phiếu (Hai mươi triệu cổ phiếu).

(Nội dung chi tiết được trình bày tại Phương án tăng vốn điều lệ năm 2026 kèm theo tờ trình này).

3. Kế hoạch thực hiện: thời điểm cụ thể do HĐQT quyết định dự kiến trong năm 2026 sau khi được sự chấp thuận từ các cơ quan quản lý nhà nước liên quan.

4. Thời gian hoàn thành tăng vốn điều lệ: Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày VAB được NHNN Việt Nam chấp thuận tăng vốn điều lệ và/hoặc sau khi báo cáo/được sự chấp thuận từ các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan.

5. Danh sách cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm thông qua phương án và dự kiến sau khi tăng vốn: (Chi tiết theo Phương án tăng vốn điều lệ năm 2026 kèm theo tờ trình này).

6. Lưu ký và niêm yết

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành/chào bán thêm sẽ được đăng ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo quy định của pháp luật.

7. Phương án sử dụng vốn và kế hoạch kinh doanh dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ. (Thông tin chi tiết được trình bày tại Phương án tăng vốn điều lệ năm 2026 kèm theo tờ trình này).

II. NỘI DUNG KÍNH TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trên cơ sở các nội dung trình bày nêu trên, HĐQT kính trình Đại hội đồng Cổ đông:

1. Chấp thuận phương án tăng vốn điều lệ từ mức 8.163.606.720.000 đồng (*Tám nghìn một trăm sáu mươi ba tỷ, sáu trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng*) lên dự kiến 12.688.147.730.000 đồng (*Mười hai nghìn sáu trăm tám mươi tám tỷ, một trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng*) theo phương án tăng vốn điều lệ đính kèm. Phương án này thay thế cho các nội dung tăng vốn chưa được thực hiện trong phương án tăng vốn điều lệ đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ của Ngân hàng TMCP Việt Á ngày 26/4/2025.
2. Thông qua việc cập nhật nội dung tăng vốn điều lệ tại Phương án tăng vốn kèm theo Tờ trình này vào Giấy phép hoạt động, Điều lệ của VAB căn cứ theo kết quả thực tế tăng vốn điều lệ sau khi được các cơ quan quản lý thông qua và theo thời điểm thực hiện.
3. Đồng thời để thuận lợi cho quá trình triển khai công việc nhanh chóng, hiệu quả, HĐQT kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền/giao cho HĐQT hiệu chỉnh/hoàn chỉnh và/hoặc phê duyệt các nội dung HĐQT đề nghị đối với Phương án tăng vốn điều lệ nêu trên (nếu phải chỉnh sửa), phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của VAB, phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi của cổ đông, đồng thời tiến hành trình các cơ quan quản lý Nhà nước xem xét chấp thuận và triển khai thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và quy định của pháp luật. Bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau đây:
 - (i) Ủy quyền/giao cho HĐQT sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án tăng vốn điều lệ theo thực tế triển khai và theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; xây dựng, chỉnh sửa và giải trình hồ sơ, thủ tục liên quan đến đợt chào bán/phát hành theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan quản lý có thẩm quyền.
 - (ii) Ủy quyền/giao cho HĐQT quyết định thời điểm, trình tự thực hiện phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động sao cho hài hòa lợi ích của cổ đông, tối ưu hóa nguồn vốn thu được phù hợp với hoạt động của VAB và quy định của pháp luật.
 - (iii) Ủy quyền/giao cho HĐQT quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, thời điểm và tiến độ phát hành/chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ; thời điểm niêm yết bổ sung cổ phiếu, bảo đảm lợi ích cổ đông;
 - (iv) Ủy quyền/giao cho HĐQT quyết định trình tự triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan, quyết định phương án để việc chào bán/phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định

pháp luật và quy định nội bộ để thực hiện các nội dung trong phương án phát hành cổ phiếu bao gồm: phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu; phát hành cổ phiếu ra công chúng chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;

- (v) Đối với phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động VAB: Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền/giao cho HĐQT phê duyệt danh sách người lao động được tham gia chương trình, số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện; Xây dựng và ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu ESOP cho người lao động để thực hiện chương trình này. Quyết định phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu cho người lao động đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài khi có người lao động nước ngoài tham gia. Chi tiết quy định tại Phụ lục 01 - Nguyên tắc phân bổ cổ phiếu ESOP của Phương án tăng vốn điều lệ năm 2026).
- (vi) Ủy quyền/giao cho HĐQT điều chỉnh việc phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành cho các mục đích sử dụng vốn đã được thông qua hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cho phù hợp với tình hình thực tế và pháp luật. Quyết định phân bổ kế hoạch sử dụng vốn chi tiết cho từng mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán/phát hành. Cân đối với sử dụng vốn phù hợp với tình hình kinh doanh của Ngân hàng, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và lợi ích của cổ đông. HĐQT thực hiện báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại kỳ họp tiếp theo về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này.
- (vii) Ủy quyền/giao cho HĐQT xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ, cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có) liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên, bao gồm nhưng không giới hạn quyền quyết định việc phân phối lại số cổ phiếu này cho các nhà đầu tư khác và xác định mức giá phân phối phù hợp và theo quy định của pháp luật.
- (viii) Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện các thủ tục xin chấp thuận, đăng ký tăng vốn điều lệ liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên tại Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.
- (ix) Ủy quyền/giao cho HĐQT thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan sau khi hoàn thành việc tăng vốn; thay đổi nội dung vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của VAB theo quy định của pháp luật đồng thời sửa đổi, cập nhật thông tin vốn điều lệ của VAB tại Điều lệ sau khi được Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận mức vốn điều lệ mới sau tăng vốn.

- (x) Ủy quyền/giao cho HĐQT quyết định phương án đảm bảo việc phát hành/chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài của VAB.
- (xi) Ủy quyền/giao cho HĐQT thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết bổ sung Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) toàn bộ số cổ phiếu phát hành/chào bán theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- (xii) Chủ động quyết định các nội dung, công việc khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua. *Chau*

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *th*
CHỦ TỊCH



Phuong Thanh Long
Phường Thành Long

Chau

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2026

PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2026

(Kèm theo tờ trình số: 66/2026/TTr-HDQT)

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ:

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành “Luật các TCTD”;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 “Luật Doanh nghiệp”;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 “Luật Chứng khoán”;
- Luật số 56/2024/QH15 ngày 19/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật quản lý tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 v/v sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Thông tư số 50/2025/TT-NHNN ngày 24/12/2025 của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) v/v quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản pháp luật hiện hành khác hướng dẫn thực hiện;
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;
- Điều lệ hiện hành của Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Việt Á;
- Nhu cầu thực tiễn hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB).

2. Sự cần thiết của việc tăng mức vốn điều lệ

- Nâng cao năng lực tài chính, quy mô và chất lượng tài sản sinh lời, tăng cường khả năng đầu tư tài sản và đầu tư kinh doanh, nâng cấp và hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ cho chiến lược mở rộng hoạt động của VAB.
- Tăng cường năng lực cạnh tranh để phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập và mở cửa lĩnh vực ngân hàng – tài chính, nâng cao khả năng chống đỡ với các rủi ro trong hoạt động và đáp ứng ngày càng tốt hơn các chỉ tiêu đảm bảo an toàn trong hoạt động.
- Mở rộng, nâng cấp hệ thống mạng lưới các Chi nhánh, Phòng giao dịch; Đầu tư vào các dự án chiến lược của ngân hàng.
- Mở rộng quy mô cho vay nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của Khách hàng.

II. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến tăng thêm

Vốn điều lệ hiện tại	8.163.606.720.000 đồng (<i>Tám nghìn một trăm sáu mươi ba tỷ, sáu trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng</i>). Trong đó: Tổng số cổ phần phổ thông là: 816.360.672 (<i>Tám trăm mười sáu triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm bảy mươi hai</i>) cổ phần, số cổ phần ưu đãi là: 0 (không), số lượng cổ phiếu quỹ là: 0 (không).
Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm tối đa	4.524.541.010.000 đồng (<i>Bốn nghìn năm trăm hai mươi tư tỷ, năm trăm bốn mươi một triệu không trăm mười nghìn đồng</i>). Bao gồm: <ul style="list-style-type: none">• Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 1.224.541.010.000 (<i>Một nghìn hai trăm hai mươi tư tỷ, năm trăm bốn mươi một triệu không trăm mười nghìn đồng</i>).• Tăng vốn từ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 3.100.000.000.000 đồng (<i>Ba nghìn một trăm tỷ đồng</i>).• Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động VAB: 200.000.000.000 đồng (<i>Hai trăm tỷ đồng</i>).
Vốn điều lệ sau khi tăng	Dự kiến 12.688.147.730.000 đồng (<i>Mười hai nghìn sáu trăm tám mươi tám tỷ, một trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng</i>).

2. Chi tiết phương án phát hành.

2.1. Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

1	Tổ chức phát hành	Ngân hàng TMCP Việt Á.
2	Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á.
3	Mã cổ phiếu	VAB.
4	Loại cổ phiếu phát hành	Cổ phiếu phổ thông, không hạn chế chuyển nhượng.
5	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu.
6	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	122.454.101 cổ phiếu.
7	Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá	1.224.541.010.000 (<i>Một nghìn hai trăm hai mươi tư tỷ, năm trăm bốn mươi một triệu không trăm mười nghìn đồng</i>).
8	Mục đích phát hành	Tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu

9	Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu của VAB tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền.
10	Tỷ lệ thực hiện	Tỷ lệ phát hành được xác định là số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành (mục 6) chia cho (:) số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm đăng ký phát hành. Tại thời điểm thông qua phương án phát hành, tỷ lệ thực hiện là 15% số lượng cổ phiếu đang lưu hành. Theo đó, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu hiện tại sẽ được nhận thêm 15 cổ phiếu mới. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định lại tỷ lệ phát hành tại thời điểm đăng ký phát hành cổ phiếu.
11	Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm cho mỗi cổ đông hiện hữu khi chia cho các cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ bị hủy.
12	Nguồn vốn thực hiện	Vốn chủ sở hữu bao gồm: lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo Báo cáo tài chính riêng lẻ đã được kiểm toán (sau khi trích lập đầy đủ các quỹ) phù hợp với quy định pháp luật (chi tiết mục <i>Thông tin về nguồn vốn chủ sở hữu tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025</i>).
13	Thời gian thực hiện dự kiến	Dự kiến Quý 2,3/2026, thời gian cụ thể sẽ do HĐQT VAB quyết định sau khi được NHNN chấp thuận và UBCKNN có công văn thông báo về việc nhận được tài liệu báo cáo phát hành đầy đủ và hợp lệ.
14	Thời gian dự kiến hoàn thành	Trong thời hạn 12 tháng kể từ thời điểm VAB được NHNN chấp thuận phương án phát hành.
15	Đăng ký lưu ký và niêm yết cổ phần phát hành thêm	Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký lưu ký tập trung và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo đúng quy định.

Thông tin về nguồn vốn chủ sở hữu tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	BCTC Riêng lẻ	BCTC Hợp nhất	Giá trị sử dụng tăng vốn điều lệ
	Vốn chủ sở hữu	10.068.142.063.850	10.155.027.138.318	
1	Vốn của VAB	8.163.718.790.351	8.163.718.790.351	
1.1	Vốn điều lệ	8.163.606.720.000	8.163.606.720.000	

Luuh³

TT	Chỉ tiêu	BCTC Riêng lẻ	BCTC Hợp nhất	Giá trị sử dụng tăng vốn điều lệ
1.2	Thặng dư vốn cổ phần	98.600.000	98.600.000	
1.3	Vốn khác	13.470.351	13.470.351	
2	Quỹ của VAB	882.045.999.549	893.233.968.141	
2.1	Quỹ dự phòng tài chính	665.263.259.549	672.721.905.277	
2.2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	216.782.740.000	220.512.062.864	202.163.736.050
3	Lợi nhuận chưa phân phối	1.022.377.273.950	1.098.074.379.826	1.022.377.273.950
	Tổng (2.2 + 3)	1.239.160.013.950	1.318.586.442.690	1.224.541.010.000
	Tổng nguồn vốn chủ sở hữu sử dụng để phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ			1.224.541.010.000

- Như vậy, nguồn vốn còn lại có thể sử dụng để phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của VAB là 1.224.541.010.000 đồng (theo báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2025 của VAB đã được kiểm toán).
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của VAB là nguồn lợi nhuận giữ lại sau khi VAB đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đã trích lập đủ các quỹ của Ngân hàng theo quy định và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB; đồng thời, ngay sau khi phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, VAB vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Do đó, việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của VAB đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Khoản 2, Điều 135 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản khác có liên quan.

2.2. Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu

TT	Nội dung	Thông tin
1	Tên cổ phiếu	Cổ phiếu NHTMCP Việt Á.
2	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông.
3	Mã cổ phiếu	VAB
4	Mệnh giá	10.000 đồng (Mười nghìn đồng)/cổ phiếu.
5	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:	310.000.000 cổ phiếu.
6	Tổng giá trị dự kiến phát hành	3.100.000.000.000 đồng (Ba nghìn một trăm tỷ đồng)
7	Tỷ lệ thực hiện quyền	Tỷ lệ phát hành được xác định là số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành (mục 5) chia cho (:) số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm đăng ký phát hành. Tại thời điểm thông qua phương án phát hành, tỷ lệ thực hiện là 37,97% số lượng cổ phiếu đang lưu hành.

TT	Nội dung	Thông tin
		Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định lại tỷ lệ phát hành tại thời điểm đăng ký phát hành cổ phiếu (do số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm thực hiện có thể thay đổi sau đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu).
8	Đối tượng chào bán	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông được hưởng quyền mua cổ phiếu do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp ("Danh sách").
9	Phương thức chào bán	Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
10	Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
11	Chuyển nhượng quyền mua	<p>Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng quyền mua cho người thứ ba).</p> <p>Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng tự thực hiện thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.</p>
12	Phương thức làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ	<p>Số lượng cổ phiếu mỗi Cổ đông nhận được sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh sẽ do HĐQT lựa chọn phân phối cho các nhà đầu tư khác theo quy định (mục 13).</p> <p>Ví dụ: Cổ đông A đang sở hữu 100 cổ phiếu. Với tỷ lệ phát hành 37,97%, số cổ phiếu được quyền nhận là: $100 \times 37,97\% = 37,97$ cổ phiếu.</p> <p>Theo nguyên tắc làm tròn xuống, cổ đông A sẽ được nhận 37 cổ phiếu. Phần lẻ 0,97 cổ phiếu sẽ được tổng hợp cùng các phần cổ phiếu lẻ phát sinh khác để Hội đồng Quản trị quyết định phân phối cho các nhà đầu tư khác theo quy định.</p>

TT	Nội dung	Thông tin
13	Xử lý cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu của cổ đông có tỷ lệ sở hữu vượt quy định của Luật các TCTD	<p>Số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ phát sinh sẽ được HDQT phân phối lại cho các Nhà đầu tư khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu khác có nhu cầu mua thêm) với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó giá phát hành không thấp hơn mức giá phát hành cho cổ đông hiện hữu để đảm bảo phân phối hết toàn bộ số cổ phiếu được phát hành).</p> <p>Đối với số cổ phiếu của cổ đông và những người có liên quan vượt quá tỷ lệ sở hữu theo quy định của Điều 63 Luật các TCTD số 32/2024/QH15, thì số cổ phiếu bị vượt quá đó sẽ bị hủy.</p> <p>Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư được phân phối cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không chào bán hết:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Có năng lực tài chính tốt, có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với ngành nghề hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; ✓ Đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ sở hữu tại quy định của Luật các TCTD số 32/2024/QH15; ✓ Có kinh nghiệm tư vấn, hỗ trợ Ngân hàng về mặt quản trị điều hành, thị trường, kỹ thuật, công nghệ và hỗ trợ Ngân hàng phát triển hoạt động kinh doanh; ✓ Nhà đầu tư đáp ứng quy định về đầu tư góp vốn vào công ty mẹ, công ty con theo quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật doanh nghiệp năm 2020. Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền, cổ phiếu lẻ đáp ứng các quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. <p>- Trong trường hợp HDQT không phân phối hết số lượng cổ phiếu này thì số lượng cổ phiếu này sẽ được hủy và HDQT ra quyết định kết thúc đợt phát hành</p>
14	Hạn chế chuyển nhượng	<p>- Số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu mua theo quyền mua hoặc cổ phiếu của nhà đầu tư mua do thực hiện quyền mua được mua lại từ cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng.</p>

TT	Nội dung	Thông tin
		<p>- Số cổ phiếu lẻ được HĐQT phân phối lại cho nhà đầu tư khác sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 4 Điều 42 nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>- Số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua được HĐQT phân phối lại cho các nhà đầu tư khác bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán</p>
15	Phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài	ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
16	Thời gian dự kiến phát hành	Dự kiến trong năm 2026, ĐHĐCĐ Ủy quyền cho HĐQT quyết định sau khi được NHNN chấp thuận và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.
17	Đăng ký lưu ký và niêm yết cổ phần phát hành thêm	Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo quy định.

Mục đích và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng:

- Mục đích tăng vốn điều lệ: Việc tăng vốn nhằm bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của VAB, được phân bổ sử dụng vào các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của VAB với cơ cấu hợp lý và đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả.
- Phương án sử dụng số tiền thu được từ tăng vốn: Toàn bộ số tiền thu dự kiến được từ việc tăng vốn là 3.100.000.000.000 đồng (Ba nghìn một trăm tỷ đồng), sẽ được sử dụng để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của VAB.

TT	Mục đích sử dụng vốn	Giá trị (đồng)	Thời gian sử dụng
1	Bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh theo giấy phép hoạt động của VAB bao gồm: cho vay khách hàng (KHDN, KHCN theo hạn mức tín dụng cấp hàng năm).	3.100.000.000.000	Trong năm 2026-2027
Tổng cộng		3.100.000.000.000	

Ngoài ra, căn cứ tình hình thực tế, Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị sẽ điều chỉnh phương án sử dụng vốn, tiến độ sử dụng vốn đảm bảo hiệu quả cao nhất phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP) năm 2026

1	Tổ chức phát hành	Ngân hàng TMCP Việt Á.
2	Tên cổ phiếu/Mã cổ phiếu	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á/ Mã cổ phiếu VAB.
3	Loại cổ phiếu phát hành	Cổ phiếu phổ thông.
4	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
5	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành ESOP	20.000.000 cổ phiếu
6	Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá cổ phiếu	200.000.000.000 đồng
7	Tỷ lệ phát hành dự kiến (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm thực hiện chương trình ESOP)	2,45% số lượng cổ phiếu đang lưu hành (Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành 20.000.000 cổ phiếu/ số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành: 816.360.672 cổ phiếu). Tỷ lệ này có thể thay đổi tại thời điểm thực tế phát hành do sự thay đổi của số lượng cổ phiếu đang lưu hành, sau đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu.
8	Thời gian dự kiến phát hành	Trong năm 2026, thời gian cụ thể sẽ do HĐQT VAB quyết định sau khi được NHNN chấp thuận và UBCKNN có công văn thông báo về việc nhận được tài liệu báo cáo phát hành đầy đủ và hợp lệ.
9	Đối tượng/tiêu chuẩn phát hành	Là CBNV của Ngân hàng TMCP Việt Á và công ty con đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Phụ lục 01 đính kèm phương án này.
10	Phương án phân phối theo phụ lục 01	Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định số lượng cổ phiếu phân phối cho từng đối tượng tham gia theo quy định tại Phụ lục 01 đính kèm phương án này.
11	Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu

12	<p>Hạn chế chuyển nhượng quyền mua; mua lại cổ phiếu của người lao động nghỉ việc trong thời kỳ hạn chế chuyển nhượng;</p>	<p>Cổ phiếu phát hành sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (01) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, việc hạn chế chuyển nhượng áp dụng cho cả việc tặng, cho, góp vốn hoặc bất kỳ hình thức nào làm thay đổi người sở hữu cổ phiếu. CBNV tham gia chương trình ESOP năm 2026 chỉ được chuyển nhượng 100% số Cổ Phiếu đã mua sau khi hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.</p> <p>Các quyền phát sinh đối với cổ phiếu ESOP năm 2026 đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng: Trường hợp CBNV tham gia chương trình ESOP năm 2026 đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng và phát sinh quyền nhận cổ phiếu do VAB phát hành để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và/hoặc cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và/hoặc bất kỳ quyền nhận thêm cổ phiếu nào phát sinh từ cổ phiếu ESOP năm 2026 ("Cổ phiếu phát sinh") thì toàn bộ Cổ phiếu phát sinh cũng sẽ bị hạn chế chuyển nhượng tương ứng với thời gian hạn chế chuyển nhượng còn lại của Cổ phiếu ESOP năm 2026.</p> <p>CBNV tham gia chương trình ESOP năm 2026 không được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu theo chương trình này.</p> <p>Trường hợp người lao động nghỉ việc trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, VAB không mua lại cổ phiếu ESOP đã phát hành</p>
13	<p>Phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 30% theo quy định của pháp luật; - Tỷ lệ sở hữu nước ngoài hiện tại của VAB là 0.5%; - ĐHDCĐ ủy quyền cho HĐQT VAB xây dựng phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong trường hợp phát hành cho người lao động là nhà đầu tư nước ngoài theo quy định.

14	<p>Phương án xử lý số cổ phần không phân phối hết do người lao động không đăng ký mua hoặc có đăng ký mua nhưng không nộp tiền hoặc nộp không đủ tiền (nếu có) và số cổ phiếu lẻ.</p>	<p>Số cổ phiếu còn dư do CBNV không đăng ký mua hoặc có đăng ký mua nhưng không nộp hoặc nộp không đủ tiền trong thời gian quy định, cổ phiếu lẻ (là số cổ phiếu thừa do làm tròn xuống đến hàng đơn vị khi áp dụng công thức phân phối cổ phiếu) thì HĐQT toàn quyền quyết định, phân phối lại cho CBNV khác theo danh sách đã được lựa chọn ban đầu với cùng mức giá phát hành. Số lượng cổ phiếu được phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.</p> <p>Trường hợp, HĐQT không phân phối hết số lượng cổ phiếu này thì số lượng cổ phiếu còn dư không phát hành hết sẽ được hủy bỏ và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt phát hành.</p>
15	<p>Mục đích sử dụng vốn</p>	<p>Toàn bộ số tiền thu dự kiến được từ việc tăng vốn là 200.000.000.000 đồng (<i>Hai trăm tỷ đồng</i>), sẽ được sử dụng để bổ sung nguồn vốn của VAB để cho vay khách hàng (KHDN, KHCN theo hạn mức tín dụng cấp hàng năm).</p>
16	<p>Đăng ký lưu ký và niêm yết cổ phần phát hành thêm</p>	<p>Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bảo quản Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo quy định.</p>

3. Các nguyên tắc khác:

3.1. VAB cam kết sẽ thông báo cho các tổ chức, cá nhân mua cổ phần về quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan, trong đó bao gồm:

- Cổ đông chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua; không được mua dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật.

- Cổ đông chịu trách nhiệm tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài, quy định về cổ đông lớn theo quy định của pháp luật.

3.2. VAB tuân thủ các quy định nội bộ, quy định pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai, thực hiện phương án tăng vốn điều lệ năm 2026 sau khi được ĐHCĐ phê duyệt thông qua.

4. Danh sách cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm thông qua phương án và dự kiến sau khi tăng vốn: Chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm.

Thông tin, số liệu trình bày tại mục 5 của Phương án tăng vốn điều lệ 2026 tạm tính theo thông tin do Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp tại thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2026 và VAB sẽ cập nhật chính xác tại thời điểm VAB chính thức thực hiện Phương án tăng vốn năm 2026 sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và nhận được danh sách cổ đông từ VSDC.

5. Khả năng quản trị, giám sát của VAB

- Vốn điều lệ tăng thêm đòi hỏi công tác quản trị, quản lý, giám sát của VAB cũng phải nâng lên một tầm cao mới. Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát đều có uy tín, trình độ, kinh nghiệm quản trị ngân hàng và có nhiều tâm huyết, đóng góp vào sự phát triển của ngân hàng, VAB luôn đảm bảo số lượng thành viên HĐQT và thực hiện việc kiểm soát chặt chẽ các mảng hoạt động của Ngân hàng nhằm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và của ngành. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ thường trực, với cơ chế quản trị và điều hành thống nhất, phối hợp thường xuyên và hiệu quả giữa hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành trong điều hành hoạt động kinh doanh là yếu tố quan trọng giúp VAB phát triển nhanh và vững chắc.

- VAB đã thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro trực thuộc HĐQT thực hiện nhiệm vụ giám sát toàn bộ công tác quản trị rủi ro trên mọi lĩnh vực hoạt động của ngân hàng. Đồng thời, tham mưu cho HĐQT các chính sách, biện pháp khắc phục và phòng ngừa rủi ro, nâng cao hiệu quả công tác quản trị điều hành Ngân hàng, Hội đồng ALCO của VAB thực hiện việc quản trị rủi ro hoạt động, thanh khoản, lãi suất, đầu tư.

- Ban Kiểm soát hoạt động độc lập, có bộ phận giúp việc là kiểm toán nội bộ, Phòng Kiểm toán nội bộ kiểm tra, giám sát hoạt động của từng bộ phận nghiệp vụ/đơn vị kinh doanh và đã kiến nghị, đưa ra các ý kiến để Ban Điều hành kịp thời có các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục trong hoạt động ngân hàng.

- Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát có năng lực, đoàn kết, có ý thức chấp hành luật pháp và luôn có trách nhiệm thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn trong việc quản trị và điều hành hoạt động của VAB.

- Ban Điều hành VAB là những người có năng lực và kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng, hoạt động điều hành việc thực hiện kế hoạch kinh doanh một cách tập trung và đề ra biện pháp chỉ đạo phù hợp, kịp thời. Ngoài ra, Khối Quản trị rủi ro thực hiện việc phân tích, đánh giá và đưa ra những đề xuất cho công tác kiểm soát rủi ro của ngân hàng trong từng hoạt động nghiệp vụ.

- Hiện nay, hệ thống công nghệ thông tin của VAB đã được trang bị phần mềm lõi CoreBanking, liên tục được nâng cấp và hoàn chỉnh để đáp ứng tối đa các ứng dụng của công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng.

PHỤ LỤC 01: NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ CỔ PHIẾU PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN NGƯỜI LAO ĐỘNG (ESOP) NĂM 2026
(Kèm theo phương án tăng vốn điều lệ tại Tờ trình số **66** /2026/TTr-HDQT ngày **03/04** /2026 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á)

I. Đối tượng tham gia chương trình

- Đối tượng tham gia chương trình là cá nhân có quốc tịch Việt Nam, bao gồm:
 - Thành viên Hội đồng quản trị (HDQT), thành viên Ban kiểm soát (BKS), thành viên các Ủy ban, Hội đồng thuộc HDQT đương nhiệm;
 - Cán bộ nhân viên (CBNV) ký hợp đồng lao động (HĐLĐ) xác định thời hạn, không xác định thời hạn với Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) và Công ty con, đang làm việc tính đến thời điểm triển khai thực hiện chương trình ESOP năm 2026 (“Chương trình ESOP”).

Sau đây gọi chung là CBNV.

- Trừ các trường hợp sau đây:
 - Đối tượng bị hạn chế mua cổ phiếu VAB theo quy định pháp luật.
 - Có đơn xin thôi việc, đơn phương chấm dứt HĐLĐ; bị xử lý kỷ luật lao động hoặc đang trong thời gian xử lý kỷ luật/chờ xem xét xử lý kỷ luật từ thời điểm bắt đầu triển khai thực hiện chương trình ESOP;
 - Nghi không lương với thời hạn từ 6 tháng trở lên tính đến thời điểm bắt đầu triển khai thực hiện chương trình ESOP;
 - Đang tạm hoãn HĐLĐ (trừ trường hợp tạm hoãn HĐLĐ để thực hiện nghĩa vụ quân sự), đang nghỉ việc không lý do tính từ thời điểm bắt đầu triển khai thực hiện chương trình ESOP.

II. Tiêu chuẩn CBNV tham gia chương trình và phương án phân bổ cổ phiếu

1. Tiêu chuẩn CBNV tham gia chương trình và phương án phân bổ cổ phiếu theo nhóm

- CBNV thuộc đối tượng tham gia chương trình được phân nhóm căn cứ theo chức danh/cấp bậc tại thời điểm bắt đầu triển khai chương trình.
- Đối với CBNV được giao kiêm nhiệm nhiều chức danh sẽ được phân nhóm theo chức danh/cấp bậc cao nhất của CBNV đó.
- Tiêu chuẩn CBNV tham gia chương trình theo nhóm và phương án phân bổ cổ phiếu các nhóm như sau:

Nhóm	Chức danh/cấp bậc	Điều kiện, tiêu chuẩn áp dụng	Tỷ lệ phân bổ cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu phân bổ
Nhóm 1	- Chủ tịch Hội đồng quản trị; - Thành viên Hội đồng quản trị; - Tổng Giám đốc.	Tất cả các chức danh thuộc đối tượng tham gia chương trình tại thời điểm bắt đầu triển khai chương trình ESOP.	15% tổng số cổ phiếu được phân bổ	3.000.000
Nhóm 2	- Phó Tổng Giám đốc, Cố vấn, Thành viên các Ủy ban thuộc HDQT, các chức danh khác có	Không áp dụng đối với các trường hợp có kết quả xếp loại đánh giá hiệu quả làm	15% tổng số cổ	3.000.000

Nhóm	Chức danh/cấp bậc	Điều kiện, tiêu chuẩn áp dụng	Tỷ lệ phân bổ cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu phân bổ
	cấp bậc Điều hành cấp 2 (ĐH2) theo quy định nội bộ của VAB; - Kế toán trưởng, Giám đốc/Phó Giám đốc phụ trách Khối, Chánh văn phòng HĐQT, các chức danh khác có cấp bậc Điều hành cấp 1 (ĐH1) theo quy định nội bộ của VAB; - Giám đốc/Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh hoặc chức danh tương đương.	việc năm 2025 là Không hoàn thành (loại C) hoặc cần cố gắng (loại B2).	phiếu được phân bổ	
Nhóm 3	- Trưởng Ban Kiểm soát, Thành viên BKS; - Trưởng Kiểm toán nội bộ; - Phó Giám đốc Khối, Phó Chánh Văn phòng HĐQT, các chức danh khác có cấp bậc Quản lý cấp 3 (QL3) theo quy định nội bộ của VAB; - Trưởng phòng tại Trụ sở chính (TSC) hoặc các chức danh tương đương, Phó trưởng phòng Kiểm toán nội bộ, Giám đốc công ty AMC hoặc các chức danh tương đương, các chức danh khác có cấp bậc Quản lý cấp 2 (QL2) theo quy định nội bộ của VAB; - Phó Trưởng phòng tại TSC, Phó Giám đốc Chi nhánh, Phó giám đốc công ty AMC, các chức danh khác có cấp bậc Quản lý cấp 1 (QL1) theo quy định nội bộ của VAB; - Trưởng phòng/Phó trưởng phòng thuộc Chi nhánh, Trưởng bộ phận tại TSC, Trưởng phòng thuộc Trung tâm tại TSC, Trưởng phòng/Phó trưởng phòng thuộc công ty AMC hoặc các chức danh tương đương, các chức danh khác có cấp bậc Chuyên viên cao cấp (CV3) thuộc nhóm quản lý theo quy định nội bộ của VAB.	Không áp dụng đối với các trường hợp có kết quả xếp loại đánh giá hiệu quả làm việc năm 2025 là Không hoàn thành (loại C) hoặc cần cố gắng (loại B2).	45% tổng số cổ phiếu được phân bổ	9.000.000
	CBNV có cấp bậc chức danh Chuyên viên cao cấp (CV3) thuộc	Đáp ứng một trong các điều kiện sau:		

Nhóm	Chức danh/cấp bậc	Điều kiện, tiêu chuẩn áp dụng	Tỷ lệ phân bổ cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu phân bổ
	nhóm chuyên môn đến Nhân viên cấp 2 (NV2) theo quy định nội bộ của VAB.	- Nhân sự thuộc chương trình NextGen, Talent năm 2026 (*). - Nhân sự được xếp loại đánh giá HQLV năm 2025 đạt loại xuất sắc (A1).		
Nhóm 4	CBNV có cấp bậc chức danh Chuyên viên cao cấp (CV3) thuộc nhóm chuyên môn đến Nhân viên cấp 2 (NV2) theo quy định nội bộ của VAB.	- Thâm niên làm việc tại VAB từ đủ 03 năm trở lên; - Xếp loại đánh giá HQLV năm 2025 từ Hoàn thành (B1) đến Hoàn thành tốt (A2).	25% tổng số cổ phiếu được phân bổ	5.000.000
	Tổng		100%	20.000.000

(*) Nhân sự thuộc chương trình NextGen, Talent năm 2026: là CBNV có năng lực, tiềm năng phát triển thành cán bộ quản lý, đáp ứng các tiêu chí và được lựa chọn là đối tượng Nextgen/Talent của "Chương trình quản trị nhân tài và nhân sự kế nhiệm" theo quy định nội bộ của VAB.

2. Nguyên tắc phân phối cổ phiếu đến từng CBNV

a) Nguyên tắc xác định tổng số cổ phiếu được phân phối cho CBNV

Số lượng cổ phiếu được phân bổ đến từng CBNV căn cứ theo tổng số cổ phiếu được phân phối cho nhóm, hệ số phân phối của từng CBNV và được tính theo công thức:

Tổng số cổ phiếu được phân phối của từng CBNV	=	Hệ số phân phối cổ phiếu của CBNV(*)	x	(Tổng số lượng cổ phiếu được phân phối của nhóm (**) / Tổng hệ số phân phối của CBNV trong nhóm)
---	---	--------------------------------------	---	---

Trong đó:

(*) Hệ số phân phối của CBNV được quy định tại điểm b, Mục II khoản 2 của Phụ lục này.

(**) Tổng số lượng cổ phiếu được phân phối của nhóm được quy định tại Mục II khoản 1 của Phụ lục này.

b) Nguyên tắc xác định hệ số phân phối cổ phiếu của CBNV

Hệ số phân phối cổ phiếu của CBNV được xác định theo công thức:

Hệ số phân phối cổ phiếu của từng CBNV	=	Hệ số chức danh/cấp bậc của CBNV	x	Hệ số vị trí trọng yếu	x	Hệ số thâm niên	x	Hệ số xếp loại đánh giá
--	---	----------------------------------	---	------------------------	---	-----------------	---	-------------------------

Trong đó: Hệ số chức danh cấp bậc, hệ số vị trí trọng yếu, hệ số thâm niên và hệ số xếp loại đánh giá được quy định tại mục III. Danh mục hệ số.

*Chute*³

c) Nguyên tắc làm tròn số cổ phiếu ESOP

Sau khi xác định số lượng cổ phiếu ESOP phân phối cho CBNV theo công thức nêu tại khoản II.2 điểm a của Phụ lục này, số lượng cổ phiếu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị để đảm bảo tổng số cổ phiếu phân phối không vượt quá tổng số cổ phiếu theo chương trình ESOP.

III. Danh mục hệ số

1. Hệ số chức danh/cấp bậc

a) Hệ số chức danh/cấp bậc CBNV Nhóm 1:

TT	Nhóm chức danh	Hệ số chức danh
1	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	2.0
2	Phó chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT	1.0

b) Hệ số chức danh/cấp bậc CBNV Nhóm 2:

TT	Nhóm chức danh/cấp bậc	Hệ số chức danh/cấp bậc
1	Phó Tổng Giám đốc	2.0
2	- Cố vấn, Thành viên các Ủy ban thuộc HĐQT, các chức danh khác có cấp bậc Điều hành cấp 2 (ĐH2) theo quy định nội bộ của VAB; - Kế toán trưởng, Giám đốc/Phó Giám đốc phụ trách Khối, Chánh văn phòng HĐQT, các chức danh khác có cấp bậc Điều hành cấp 1 (ĐH1) theo quy định nội bộ của VAB; - Giám đốc/Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh hoặc chức danh tương đương.	1.0

c) Hệ số chức danh/cấp bậc CBNV Nhóm 3:

TT	Nhóm chức danh/cấp bậc	Hệ số cấp bậc	Ghi chú
1	- Trưởng BKS; - Trưởng kiểm toán nội bộ; - Phó Giám đốc Khối, Phó Chánh Văn phòng HĐQT, các chức danh khác có cấp bậc Quản lý cấp 3 (QL3) theo quy định nội bộ của VAB.	8.0	
2	- Thành viên BKS; - Trưởng phòng tại Trụ sở chính (TSC) hoặc các chức danh tương đương, Phó trưởng phòng Kiểm toán nội bộ, Giám đốc công ty AMC hoặc các chức danh tương đương, các chức danh khác có cấp bậc Quản lý cấp 2 (QL2) theo quy định nội bộ của VAB.	7.0	

TT	Nhóm chức danh/cấp bậc	Hệ số cấp bậc	Ghi chú
3	Phó Trưởng phòng tại TSC, Phó Giám đốc Chi nhánh, Phó giám đốc công ty AMC, các chức danh khác có cấp bậc Quản lý cấp 1 (QL1) theo quy định nội bộ của VAB.	6.0	
4	Trưởng phòng/Phó trưởng phòng thuộc Chi nhánh, Trưởng bộ phận tại TSC, Trưởng phòng thuộc Trung tâm tại TSC, Trưởng phòng/Phó trưởng phòng thuộc công ty AMC hoặc các chức danh khác có cấp bậc Chuyên viên cao cấp (CV3) thuộc nhóm quản lý theo quy định nội bộ của VAB.	5.0	
5	Các chức danh có cấp bậc Chuyên viên cao cấp (CV3) – thuộc nhóm chuyên môn theo quy định nội bộ của VAB	4.0	Đối tượng NextGen, Talent năm 2026 hoặc xếp loại đánh giá HQLV năm 2025 đạt loại xuất sắc (A1).
6	Các chức danh có cấp bậc Chuyên viên chính (CV2) theo quy định nội bộ của VAB	3.0	
7	Các chức danh có cấp bậc Chuyên viên (CV1) theo quy định nội bộ của VAB	2.0	
8	Các chức danh có cấp bậc Nhân viên cấp 3 (NV3), Nhân viên cấp 2 (NV2) theo quy định nội bộ của VAB	1.0	

d) Hệ số chức danh/cấp bậc CBNV nhóm 4:

TT	Nhóm cấp bậc	Hệ số cấp bậc
1	Các chức danh có cấp bậc Chuyên viên cao cấp (CV3) – thuộc nhóm chuyên môn theo quy định nội bộ của VAB	4.0
2	Các chức danh có cấp bậc Chuyên viên chính (CV2) –theo quy định nội bộ của VAB	3.0
3	Các chức danh có cấp bậc Chuyên viên (CV1) theo quy định nội bộ của VAB	2.0
4	Các chức danh có cấp bậc Nhân viên cấp 3 (NV3), Nhân viên cấp 2 (NV2) theo quy định nội bộ của VAB	1.0

e) Hệ số vị trí trọng yếu

- **Hệ số vị trí trọng yếu:** là hệ số đóng góp cá nhân được xác định dựa trên đánh giá của HDQT về đóng góp của từng cá nhân vào hiệu quả kinh doanh/hoạt động của VAB trong năm 2025 cũng như tiềm năng của người lao động khi đảm nhận các vị trí có mức độ tác động cao đến kết quả kinh doanh trong năm 2026, cụ thể như sau:

Chức danh	Hệ số vị trí trọng yếu
Các chức danh có vai trò trọng yếu trong định hướng phát triển kinh	1.5

 5

Chức danh	Hệ số vị trí trọng yếu
doanh của VAB do HĐQT đánh giá và phê duyệt, bao gồm các vị trí Giám đốc/Phó Giám đốc: Khối kinh doanh, Khối Công nghệ Ngân hàng, Khối Tài chính, Trung tâm Dịch vụ Ngân hàng số...;	
Các chức danh còn lại.	1.0

f) Hệ số thâm niên

- Thâm niên làm việc của CBNV được tính từ ngày CBNV/người lao động gia nhập VAB (bao gồm cả thời gian học việc và thử việc) đến thời điểm lập danh sách thành viên ESOP theo thông báo triển khai chương trình ESOP.
- Trường hợp CBNV từng chấm dứt hợp đồng và quay lại làm việc thì thâm niên được tính từ ngày gia nhập lại gần nhất.

TT	Thâm niên làm việc	Hệ số thâm niên nhóm 1, nhóm 2, nhóm 3	Hệ số thâm niên nhóm 4
1	Dưới 1 năm	1.0	Không áp dụng
2	Từ đủ 1 năm đến dưới 3 năm	1.5	Không áp dụng
3	Từ đủ 3 năm đến dưới 5 năm	2.0	1.0
4	Từ đủ 5 năm đến dưới 10 năm	2.5	1.5
5	Từ đủ 10 năm đến dưới 15 năm	3.0	2.0
6	Từ đủ 15 năm trở lên	3.5	2.5

g) Hệ số xếp loại đánh giá

- Hệ số xếp loại đánh giá được áp dụng chung cho tất cả các nhóm, căn cứ kết quả đánh giá hiệu quả làm việc (HQLV) năm 2025 của từng CBNV.
- Đối với CBNV không có kết quả đánh giá/không thuộc đối tượng đánh giá HQLV năm 2025 (do chưa đủ thời gian công tác trong năm 2025 theo quy định nội bộ của VAB và/hoặc nhân sự tuyển dụng mới) áp dụng hệ số là 1.0.

TT	Xếp loại đánh giá	Hệ số xếp loại
1	Xuất sắc (A1)	1.5
2	Hoàn thành tốt (A2)	1.3

3	Hoàn thành (B1)	1.0
4	Chưa/không có kết quả đánh giá; không thuộc đối tượng đánh giá	1.0

IV. Các nội dung khác

1. Quy định về hạn chế chuyển nhượng, mua lại.

- CBNV tham gia chương trình ESOP 2026 không được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu theo chương trình này.
- Cổ phiếu phát hành sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (01) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, việc hạn chế chuyển nhượng áp dụng cho cả việc tặng, cho, góp vốn hoặc bất kỳ hình thức nào làm thay đổi người sở hữu cổ phiếu. CBNV tham gia chương trình ESOP năm 2026 chỉ được chuyển nhượng 100% số cổ phiếu đã mua sau khi hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.
- Các quyền phát sinh đối với cổ phiếu ESOP năm 2026 đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng: Trường hợp CBNV tham gia chương trình ESOP năm 2026 đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng và phát sinh quyền nhận cổ phiếu do VAB phát hành để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và/hoặc cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và/hoặc bất kỳ quyền nhận thêm cổ phiếu nào phát sinh từ cổ phiếu ESOP năm 2026 ("Cổ Phiếu Phát Sinh") thì toàn bộ Cổ Phiếu Phát Sinh cũng sẽ bị hạn chế chuyển nhượng tương ứng với thời gian hạn chế chuyển nhượng còn lại của cổ phiếu ESOP năm 2026.
- VAB không mua lại/thu hồi cổ phiếu ESOP trong thời kỳ hạn chế chuyển nhượng đã phát hành theo chương trình này.

2. Đăng ký mua và phương thức thanh toán

- CBNV theo danh sách được duyệt làm thủ tục đăng ký mua.
- Phương thức thanh toán: chuyển khoản theo tài khoản chỉ định do VAB thông báo.

Chule 7

PHỤ LỤC 02

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT VÀ SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN VÀ DỰ KIẾN SAU KHI TĂNG VỐN

STT	Tên	Địa chỉ TSC	Mã số doanh nghiệp; người đại diện theo pháp luật/ CCCD/ ngày cấp/ nơi cấp	Tại thời điểm thông qua phương án tăng vốn		Dự kiến sau khi tăng vốn (*)	
				Tỷ lệ sở hữu so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ (%)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ (%)
I	Cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư Việt Phương						
1	Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư Việt Phương	Tầng 6 tòa nhà Samsora Premier 105 phố Chu Văn An, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội	Mã số doanh nghiệp: 0100237852; Người đại diện theo pháp luật: Phương Minh Huệ - Chức danh: Tổng Giám đốc - Số CCCD: 027171000250 – Ngày cấp: 10/07/2021 – Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH.	9,06%	9,06%	8,92%	8,92%
II/	Người có liên quan						
1	Phương Hữu Việt			4,55%	4,55%	4,48%	4,48%
2	Lương Thị Linh			0,24%	0,24%	0,23%	0,23%
3	Nguyễn Thị Lan			0,28%	0,28%	0,28%	0,28%
4	Nguyễn Bá Phong			0,22%	0,22%	0,22%	0,22%

(*) Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông sau tăng VDL đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 63 Luật TCTD



TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua chủ trương đầu tư góp vốn/mua cổ phần; thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB);

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Ngân hàng TMCP Việt Á kính trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét và phê duyệt các nội dung có liên quan đến chủ trương, phương án mà VAB thực hiện đầu tư góp vốn/mua cổ phần, thành lập/mua lại công ty con, công ty liên kết; ... cụ thể như sau:

1. Tổng nhất về mặt chủ trương và thông qua các phương án VAB sẽ thực hiện góp vốn/mua cổ phần, thành lập/mua lại công ty con, công ty liên kết, liên danh, hợp tác... để thực hiện các hoạt động kinh doanh được phép theo quy định pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan; Hình thức thực hiện và lĩnh vực tham gia:
 - a. Thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau: Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu; bảo hiểm; quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
 - b. Mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tài chính, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng.
 - c. Góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực: Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
 - d. Góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực khác sau khi được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước bằng văn bản;
2. Tỷ lệ tham gia góp vốn/mua cổ phần: toàn bộ hoặc một phần vốn điều lệ của doanh nghiệp mà VAB sẽ tham gia góp vốn, mua cổ phần tùy thuộc vào thỏa thuận với các bên liên quan và tối đa trong phạm vi pháp luật cho phép;
3. Giá mua: Theo cơ chế thỏa thuận trên cơ sở đánh giá hiện trạng doanh nghiệp, thỏa thuận với các bên liên quan và điều kiện thị trường;

4. Giá trị góp vốn, mua cổ phần: từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất nhưng tổng mức góp vốn, mua cổ phần của VAB vào các doanh nghiệp, kể cả các công ty con, công ty liên kết của VAB không được vượt quá 40% vốn điều lệ và các quỹ dự trữ của VAB;
5. Giao Hội đồng Quản trị quyết định hình thức, phương thức, trình tự, giá trị đầu tư, tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần, thành lập/mua lại công ty con, công ty liên kết; Tổ chức thực hiện các phương án chi tiết và báo cáo kết quả thực hiện tại ĐHCĐ trong kỳ họp thường niên gần nhất. HĐQT được thỏa thuận với các bên liên quan; làm việc, trao đổi, thống nhất với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và quyết định các vấn đề liên quan đến giao dịch, bao gồm nhưng không giới hạn việc lựa chọn doanh nghiệp mục tiêu, mức/tỷ lệ tham gia của VAB, giá và các điều kiện kèm theo; cơ cấu tổ chức, hình thức pháp lý của doanh nghiệp mục tiêu; các mô hình/cách thức hợp tác, liên kết, quyết định các nội dung giao dịch, các tài liệu do VAB ký và/hoặc tham gia để thực hiện giao dịch cũng như tất cả các vấn đề khác trong quá trình VAB tham gia đầu tư, hợp tác; quyết định sửa đổi, bổ sung, chỉnh sửa các phương án, vấn đề, giao dịch theo thống nhất với Cơ quan có thẩm quyền, bên liên quan...;
6. Trong quá trình thực hiện, HĐQT được quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được giao và được phân công, phân cấp, giao cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, đơn vị, cá nhân khác trong hệ thống VAB (phù hợp theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VAB) để thực hiện các công việc nêu trên.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua././ *Thích*

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phượng Thành Long

Số: 65/2026/TTr-HDQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB);

Hội đồng Quản trị (HDQT) kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 của VAB với một số chỉ tiêu chính như sau:

DVT: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	% tăng trưởng
1	Tổng tài sản	140.486	150.500	7,1%
2	Tiền gửi khách hàng và phát hành giấy tờ có giá	104.039	115.441	11,0%
3	Dư nợ tín dụng (*)	88.742	101.633	14,5%
4	Lợi nhuận trước thuế	1.646	1.945	18,2%
5	Vốn điều lệ	8.164	12.688	55,4%
6	Tỷ lệ nợ xấu	1,31%	<3,0%	

(*) Dư nợ tín dụng kế hoạch năm 2026 có thể thay đổi phụ thuộc theo hạn mức tăng trưởng tín dụng do Ngân hàng Nhà nước giao.

Giao/Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện, điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2026 phù hợp với tình hình thực tế, diễn biến thị trường và theo mức tăng trưởng tín dụng được Ngân hàng Nhà nước giao. HDQT báo cáo Đại hội đồng Cổ đông các nội dung đã thực hiện trong kỳ họp tiếp theo.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./ *Chinh*

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HDQT, BKS;
- Lưu VP.HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phuong
Phuong Thành Long

Số: 64/2026/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua mức thù lao năm 2025 và dự kiến mức thù lao năm 2026 của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB);

Hội đồng Quản trị báo cáo và kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua các vấn đề liên quan đến mức thù lao của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) như sau:

1. Quyết toán mức thù lao và thưởng năm 2025 là: 11.244.287.000 đồng (Bằng chữ: Mười một tỷ, hai trăm bốn mươi tư triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng).
2. Phê duyệt tổng mức thù lao và thưởng dự kiến năm 2026 của các thành viên HĐQT và BKS là: 15.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng). Chi phí công vụ và chi phí khác thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của VAB.
3. Tổ chức thực hiện:
 - Giao HĐQT, BKS quyết định phân bổ thù lao HĐQT, BKS theo nguyên tắc thống nhất; HĐQT thực hiện dự tính mức thù lao cho từng thành viên HĐQT theo nguyên tắc nhất trí; BKS thực hiện dự tính mức thù lao cho từng thành viên BKS theo nguyên tắc nhất trí.
 - Đại diện VAB ký kết hợp đồng với các thành viên theo quy định của Pháp luật (nếu có).

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phùng Thành Long